

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng  
chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**Bình Định, tháng 9 năm 2020**



## DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Kèm theo Quyết định số 944/QĐ-DHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Đỗ Ngọc Mỹ	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Nguyễn Đình Hiền	PGS.TS, Hiệu phó	Phó Chủ tịch	
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	PGS.TS, Trưởng khoa Ngoại ngữ	Phó Chủ tịch	
4	Ông Lê Nhân Thành	TS, PTK, Khoa Ngoại ngữ	Thư ký	
5	Ông Nguyễn Quang Ngoạn	PGS.TS, Chủ tịch HĐ Trường	Thành viên	
6	Ông Hà Thanh Hải	TS, Thành viên HĐT, TP. TC-NS	Thành viên	
7	Ông Nguyễn Hữu Tiến	ThS, TP. Phòng KT&BDCL	Thành viên	
8	Ông Lê Xuân Vinh	TS, TP. Phòng Đào tạo đại học	Thành viên	
9	Ông Võ Duy Đức	TS, PTK, Khoa Sư phạm	Thành viên	
10	Ông Trương Văn Định	TS, Tổ trưởng tổ Ngoại ngữ ĐC	Thành viên	
11	Ông Nguyễn Tiến Phùng	ThS, Giảng viên khoa Ngoại ngữ	Thành viên	
12	Bà Bùi Thị Hương Giang	ThS, Giảng viên khoa Ngoại ngữ	Thành viên	
13	Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	ThS, Giảng viên khoa Ngoại ngữ	Thành viên	
14	Ông Trần Minh Chương	ThS, Giảng viên khoa Ngoại ngữ	Thành viên	
15	Ông Nguyễn Việt Cường	SV Khóa 41, khoa Ngoại ngữ	Thành viên	

(Danh sách gồm có 15 người)

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I. KHÁI QUÁT.....</b>	<b>1</b>
1. Đặt vấn đề.....	1
1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo.....	1
1.2. Mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ được sử dụng để tự đánh giá CTĐT .....	2
2. Tổng quan chung.....	5
2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn .....	5
2.2. Giới thiệu về Khoa Ngoại ngữ. ....	10
<b>PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....</b>	<b>14</b>
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. ....	14
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo. ....	23
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học. ....	30
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học. ....	38
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học. ....	47
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. ....	60
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên. ....	79
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học. ....	88
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	103
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....	116
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.....	131
<b>PHẦN III. KẾT LUẬN.....</b>	<b>145</b>
1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo .....	145
2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo .....	151
3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo .....	155
4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo .....	160
<b>PHẦN IV. PHỤ LỤC .....</b>	<b>164</b>
PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	164
PHỤ LỤC 2. CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN KHÁC .....	182

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

CĐR	Chuẩn đầu ra
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CVHT	Cố vấn học tập
ĐHQN	Đại học Quy Nhơn
GDDH	Giáo dục đại học
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GS	Giáo sư
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
PGS	Phó giáo sư
SDH	Sau đại học
TS	Tiến sĩ
ThS	Thạc sĩ
THPT	Trung học Phổ thông
TSKH	Tiến sĩ khoa học
CNTT	Công nghệ thông tin
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
CSVC	Cơ sở vật chất

## PHẦN I. KHÁI QUÁT

### **Đặt vấn đề**

#### **Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo**

Thẩm định, đánh giá chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn quốc gia, khu vực và quốc tế là hết sức cần thiết trước yêu cầu nâng cao khả năng cạnh tranh giữa các cơ sở đào tạo đại học trong nước và giữa các trường trong nước với các trường quốc tế đang hoạt động ở Việt Nam. Hơn nữa, đây cũng là việc làm hết sức cần thiết để nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng của lực lượng lao động phục vụ sản xuất và dịch vụ trong một nền kinh tế đang phát triển hết sức năng động của Việt Nam và sự cạnh tranh của lực lượng lao động giữa các nước ASEAN trong một tương lai không xa.

Xác định rõ yêu cầu này, Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Quy Nhơn, đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành. Đây là cơ hội để Khoa chúng tôi tự xem xét, đánh giá một cách có hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT đại học ngành Ngôn ngữ Anh để thấy được chất lượng và hiệu quả của các CTĐT đã có; qua đó, tiếp tục triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT theo chuẩn chất lượng giáo dục quốc gia và hướng đến mục tiêu đánh giá CTĐT theo chuẩn chất lượng của khu vực và quốc tế.

Cấu trúc của Báo cáo tự đánh giá

Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh có 4 phần:

- Phần I. Khái quát

+ Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT (mô tả cấu trúc, nội dung chính, cách mã hóa minh chứng);

+ Tổng quan chung về Trường ĐHQN và Khoa Ngoại ngữ (tóm tắt sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách và hoạt động đảm bảo chất lượng khi thực hiện CTĐT).

- Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Tự đánh giá lần lượt từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT với cấu trúc như sau:

Tiêu chuẩn ...

Mở đầu .

Tiêu chí ...

+ Mô tả (Mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT theo các nội hàm của Tiêu chí ...)

+ Điểm mạnh (Nêu những điểm mạnh nổi bật của CTĐT theo nội hàm của Tiêu chí ...)

+ Điểm tồn tại (Nêu những điểm tồn tại của CTĐT theo nội hàm của Tiêu chí ...)

+ Kế hoạch hành động (Nêu kế hoạch hành động để phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại của CTĐT theo nội hàm của Tiêu chí ...)

+ Tự đánh giá (Tự đánh giá mức độ đạt yêu cầu của Tiêu chí ...)

Kết luận về Tiêu chuẩn ...

- Phần III. Kết luận (Tóm tắt những điểm mạnh, điểm cần phát huy của CTĐT; nhắc lại những điểm tồn tại, những vấn đề cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT).

- Phần IV. Phụ lục (Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016, cơ sở dữ liệu phục vụ việc kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định và văn bản liên quan khác, danh mục minh chứng).

### **Mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ được sử dụng để tự đánh giá CTĐT**

#### **a. Mục đích tự đánh giá**

Tự đánh giá CTĐT là dịp để Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Quy Nhơn tự rà soát nội dung và quá trình xây dựng, sửa đổi, cải tiến, triển khai thực hiện CTĐT của mình dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng, chi tiết được Bộ GD&ĐT ban hành và báo cáo về chất lượng, hiệu quả đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và những vấn đề khác liên quan liên quan đến CTĐT để xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT và để đăng ký đánh giá ngoài để CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh của Khoa Ngoại ngữ, Trường ĐHQN được công nhận đạt chất lượng theo chuẩn chất lượng CTĐT của BGD&ĐT.

Ngoài ra, hoạt động tự đánh giá CTĐT còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Khoa trong hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo

chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Trường và của Khoa.

#### **b. Phạm vi tự đánh giá**

Đánh giá các hoạt động của Khoa Ngoại ngữ và các đơn vị phối hợp của Trường ĐHQN trong việc thực hiện CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành. Thời gian đánh giá: giai đoạn 2015 - 2020.

#### **c. Nội dung tự đánh giá**

Nội dung báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh gồm 50 tiêu chí thuộc 11 tiêu chuẩn trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học do Bộ GD&ĐT ban hành trong Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Các tiêu chuẩn gồm có:

1. Mục tiêu và CDR của CTĐT;
2. Bản mô tả CTĐT;
3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học;
4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học;
5. Đánh giá kết quả học tập của người học;
6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên;
7. Đội ngũ nhân viên;
8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học;
9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị;
10. Nâng cao chất lượng;
11. Kết quả đầu ra.

#### **d. Quy trình tự đánh giá**

Quy trình tự đánh giá CTĐT được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm công tác;

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 3: Phân tích nội dung các tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến; rà soát, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

#### **e. Phương pháp và công cụ đánh giá**

Quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Văn bản hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH số 1074/KTKĐGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT;

Văn bản hướng dẫn tự đánh giá CTĐT số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT;

Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH.

Từng tiêu chí trong 50 tiêu chí thuộc 11 tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học trong Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT được đánh giá theo trình tự sau:

- Mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT;
- So sánh nội hàm của từng tiêu chí, đặc biệt là dựa vào các “mốc chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4” và các “gợi ý nguồn minh chứng” trong “Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học” và thực tế CTĐT để đưa ra những nhận định về mức độ đáp ứng của CTĐT so với các mốc chuẩn nhằm chỉ ra được những điểm mạnh, điểm tồn tại của CTĐT và đề xuất các biện pháp khắc phục những tồn tại đó;
- Lập kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

Quá trình tự đánh giá CTĐT được tiến hành một cách hệ thống, khách quan, trung thực, công khai và minh bạch; các mô tả, phân tích, nhận định, kết luận được hỗ trợ bằng các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đủ độ tin cậy.

#### **f. Hội đồng tự đánh giá**



Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được thành lập theo Quyết định số 944/QĐ-ĐHQN ngày 11/6/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN, Hội đồng gồm có 15 thành viên (danh sách kèm theo).

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá gồm có: Ban thư ký (Quyết định số 944/QĐ-ĐHQN ngày 11/6/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN) và 05 nhóm công tác chuyên trách (Quyết định số 02/QĐ-KNN ngày 15/6/2020 của Trưởng khoa Ngoại ngữ).

### **g. Quy ước mã hóa minh chứng**

Mỗi minh chứng được mã hóa bằng 1 chuỗi có ít nhất 11 và nhiều nhất là 12 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm. Công thức sau được dùng để mã hóa các minh chứng: **Hn.ab.cd.ef**.

Trong đó:

- H: Hộp (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được để trong 1 hoặc một số hộp).
- n: số thứ tự các hộp minh chứng (được đánh số từ 1 đến hết; khi  $n \geq 10$  thì mã minh chứng có 12 ký tự).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15).

Ví dụ: H1.01.02.03: minh chứng thứ 3 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H10.10.06.05: minh chứng thứ 5 của tiêu chí 6 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

## **1. Tổng quan chung**

### **Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn**

Trường Đại học Quy Nhơn (tên tiếng Anh: Quy Nhơn University - QNU), tiền thân là Cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn được thành lập năm 1977 theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Năm 1981, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 02/HĐBT ngày 13/7/1981 thành lập Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và được giao nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên các trường phổ thông trung học. Năm 2003, theo Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng chính phủ, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn được đổi tên thành Trường Đại học Quy

Nhon, và được giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành nghề đào tạo phù hợp với khả năng của trường và nhu cầu nhân lực xã hội đồng thời nghiên cứu khoa học để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Qua gần 45 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Quy Nhơn đã không ngừng lớn mạnh; ngày càng mở rộng và ổn định về quy mô và lĩnh vực đào tạo; đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo; phát triển đội ngũ giảng viên, viên chức cả về số lượng lẫn chất lượng; trang bị và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH ngày càng đầy đủ, hiện đại, đồng bộ, chuẩn hóa; đẩy mạnh công tác NCKH và hợp tác quốc tế.

Trường Đại học Quy Nhơn đã có nhiều đóng góp to lớn trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên THPT; đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao cho các lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội, kinh tế, kỹ thuật và công nghệ, góp phần to lớn vào sự phát triển của sự nghiệp giáo dục và đào tạo, kinh tế - xã hội cũng như sự nghiệp nâng cao dân trí của đất nước, đặc biệt là khu vực Nam Trung bộ và Tây nguyên.

***\* Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Quy Nhơn***

Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Nhà trường (Ban hành kèm theo Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN) được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của Nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước; được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các văn bản, phương tiện truyền thông nội bộ và bên ngoài Nhà trường.

**Sứ mệnh:** “Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.”

**Tầm nhìn:** “Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.”

**Giá trị cốt lõi:** “Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn.”

**\* *Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn***

Triết lý giáo dục của Nhà trường được công bố trong Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN. Nội dung triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn là: **“Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp”** với ý nghĩa như sau:

**Toàn diện:** Nhà trường hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội.

**Khai phóng:** Nhà trường hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội.

**Thực nghiệp:** Nhà trường hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

**\* *Cơ cấu tổ chức và đội ngũ giảng viên, viên chức của Trường***

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo và các hội đồng khác;
- Các đơn vị thuộc Trường: các khoa, các viện nghiên cứu; các phân hiệu; các phòng chức năng, trung tâm, thư viện, tạp chí khoa học;
- Các đơn vị trực thuộc Trường: các viện NCKH và công nghệ; các trung tâm dịch vụ đào tạo; các doanh nghiệp; các cơ sở kinh doanh.

Nhà trường hiện có 12 khoa, 15 đơn vị chức năng (trong đó có 10 phòng, 01 văn phòng Đảng - Đoàn thể, 02 trung tâm, 01 thư viện, 01 viện khoa học giáo dục), 05 đơn vị trực thuộc (04 trung tâm, 01 viện nghiên cứu ứng dụng khoa học và

công nghệ) và các tổ chức, đoàn thể (Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu giáo chức).

Đội ngũ giảng viên, viên chức của Trường đảm bảo về số lượng và chất lượng. Tính đến tháng 9/2020, Trường có 729 viên chức và người lao động; trong đó có 507 giảng viên, gồm 34 GS/PGS, 155 TS, 117 NCS (81 NCS trong nước và 36 NCS nước ngoài), số còn lại hầu hết có trình độ thạc sĩ; tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ chiếm 37,27%, vượt 12,27% chỉ tiêu đã đề ra trong quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của Nhà trường giai đoạn 2010-2020.

#### ***\* Ngành nghề và quy mô đào tạo***

Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, gồm các ngành sư phạm, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế, kỹ thuật và công nghệ, trong đó ngành sư phạm là thế mạnh của Trường. Trường hiện đào tạo 46 ngành đại học với quy mô hơn 19.000 sinh viên (hệ chính quy và không chính quy); đào tạo 22 chuyên ngành thạc sĩ và 3 chuyên ngành tiến sĩ với quy mô 1.200 học viên, NCS.

#### ***\* Hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế***

Hoạt động NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ là nhiệm vụ quan trọng được Nhà trường chú trọng và đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Trong 5 năm trở lại đây, đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Nhà trường đã chủ trì và thực hiện thành công hàng chục đề tài cấp Quốc gia, cấp Bộ, cấp Tỉnh; có hàng trăm bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế danh tiếng như SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị quốc gia và quốc tế, thu hút đông đảo các nhà khoa học, nhà nghiên cứu đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong nước và nước ngoài.

Nhà trường chú trọng đẩy mạnh và phát triển hợp tác quốc tế theo chiều sâu trong liên kết đào tạo, NCKH, trao đổi học thuật với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu trong khu vực và trên thế giới, tạo cơ hội để giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, tiếp cận các nền khoa học và giáo dục tiên tiến trên thế giới như: Bỉ, Pháp, Ý, Bồ Đào Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, v.v.

**\* Cơ sở vật chất, trang thiết bị**

Nhà trường có diện tích đất là 24 ha, trong đó gần 13,2 ha là cơ sở chính tại địa chỉ 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, và gần 11 ha ở Khu thực nghiệm Nhơn Tân, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Trường có hệ thống giảng đường, hội trường, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính, phòng học ngoại ngữ với các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, đủ đáp ứng cho hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH; có đủ hệ thống phòng làm việc cho các đơn vị chức năng, khoa, bộ môn. Thư viện của Trường có đủ đầu sách, tài liệu, giáo trình, báo, tạp chí; có hệ thống phòng đọc, phòng mượn phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập của giảng viên và người học. Nhà luyện tập thể dục thể thao với gần 1.800 m<sup>2</sup> diện tích sàn được trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ việc dạy học, vui chơi, giải trí, văn hóa, thể thao của cán bộ, giảng viên và sinh viên của Trường.

Hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông được chú trọng đầu tư và ngày càng hoàn thiện, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và đào tạo. Các phần mềm được triển khai ứng dụng: Cổng thông tin điện tử - Portal, Quản lý nhân sự - HRM, Quản lý khảo sát ý kiến sinh viên - eSurvey, Quản lý tạp chí khoa học - JMS, Quản lý văn bản, công việc - eOffice, Quản lý tuyển sinh đại học chính quy online, v.v. Mở rộng kết nối mạng nội bộ, mạng Internet Wifi; cung cấp dịch vụ Internet Wifi tại các khu KTX; có hệ thống E-Learning. Thực hiện công tác truyền thông trên cổng thông tin điện tử, mạng Internet, mạng xã hội và các kênh thông tin khác; vận hành Website tiếng Anh.

**\* Công tác đảm bảo kiểm định chất lượng giáo dục**

Năm 2016-2017, Trường đã thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục của Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (Quyết định số 120/QĐ-CEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục của Đại học Đà Nẵng). Năm 2019-2020, Trường tiếp tục thực hiện kiểm định và đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho ba ngành đào tạo là Sư phạm Toán học, Sư phạm Hóa học và Kỹ thuật điện (các Quyết định số 91/QĐ-CEA.UD ngày 02/07/2020, Quyết định số 92/QĐ-CEA.UD ngày 02/07/2020, Quyết định số 93/QĐ-CEA.UD ngày 02/07/2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng

giáo dục của Đại học Đà Nẵng). Hiện nay, Trường đang tiếp tục triển khai tự đánh giá CTĐT và đăng ký đánh giá ngoài 09 CTĐT. Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và các CTĐT là điều kiện hết sức quan trọng để Nhà trường đảm bảo, nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời công khai, giải trình với các bên liên quan và xã hội trong quá trình tiến tới tự chủ và trách nhiệm theo quy định của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học.

### **Giới thiệu về Khoa Ngoại ngữ.**

#### ***\*Quá trình hình thành và phát triển.***

Cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn được thành lập năm 1977 theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và được đổi tên thành Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn theo Quyết định số 02/HĐBT ngày 13/7/1981 của Hội đồng Bộ trưởng. Năm 1990, Ban Ngoại ngữ được thành lập từ tiền thân là Tổ Ngoại ngữ. Năm 1992, Khoa Ngoại ngữ ra đời với nhiệm vụ đào tạo cử nhân sư phạm tiếng Anh cho các trường trung học phổ thông khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước và dạy ngoại ngữ cho sinh viên của các khoa khác trong Trường Đại học Quy Nhơn. Theo Quyết định 1649/QĐ-BGD&ĐT-ĐH của Bộ GD&ĐT ngày 14/5/1999, Khoa Ngoại ngữ được phép đào tạo cử nhân khoa học ngành Anh văn (được gọi là cử nhân khoa học ngành Ngôn ngữ Anh từ năm 2010).

Vào thời điểm năm 1999, đội ngũ giảng viên và chuyên viên của Khoa chưa đến 20 người. Hiện nay, Khoa Ngoại ngữ có 43 cán bộ, giảng viên; trong đó 35 giảng viên giảng dạy chuyên ngành Tiếng Anh, 2 giảng viên giảng dạy chuyên ngành tiếng Pháp, 3 giảng viên giảng dạy chuyên ngành tiếng Trung và 3 chuyên viên có kinh nghiệm. Trong số giảng viên của Khoa Ngoại ngữ, có 33 giảng viên có trình độ thạc sĩ và NCS, 06 giảng viên có trình độ tiến sĩ, 02 giảng viên có học hàm phó giáo sư và 01 giảng viên đang học thạc sĩ sắp hoàn thành khóa học.

Qua 30 năm xây dựng và phát triển, cùng với sự lớn mạnh không ngừng về mọi mặt của Trường ĐHQN, Khoa Ngoại ngữ cũng ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Hàng chục ngàn sinh viên chính quy ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh và học viên hệ vừa làm vừa học đã và đang học tập, rèn luyện, tu dưỡng và tốt nghiệp từ Khoa Ngoại ngữ để tham gia vào lao động trong nhiều ngành nghề khác nhau trên khắp cả nước, đặc biệt từ Quảng Ngãi đến Khánh Hòa và các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Daklak và Dak Nông.

Sự phát triển về năng lực đào tạo của Khoa Ngoại ngữ được thể hiện ở việc Khoa đáp ứng được những điều kiện, yêu cầu về năng lực của đội ngũ giảng viên, chất lượng CTĐT để mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ theo Quyết định 286/QĐ-BGDĐT ngày 18/01/2012 của Bộ GD&ĐT cho phép Trường ĐHQN đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. Với nỗ lực liên tục của Khoa, năm 2020 Trường ĐHQN được phép mở thêm chuyên ngành Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh trình độ thạc sĩ theo Quyết định số 422/QĐ-BGDĐT ngày 14/2/2020.

Số lượng sinh viên học tại Khoa Ngoại ngữ và tốt nghiệp trong 30 năm qua cho thấy uy tín về đào tạo của Khoa. Cụ thể, Khoa Ngoại ngữ luôn là một trong những khoa có số lượng sinh viên lớn nhất của trường. Từ 51 sinh viên vào học ở Khoa năm 1990 và tốt nghiệp năm 1995 đến nay đã có hơn 2357 cử nhân Sư phạm Tiếng Anh, hơn 1840 cử nhân Ngôn ngữ Anh hệ chính quy đã tốt nghiệp. Bên cạnh đó, Khoa cũng đã đào tạo được 2581 học viên hệ vừa làm vừa học và học viên học văn bằng 2, 09 khóa cao học ngành Ngôn ngữ Anh đã hoàn thành khóa học với 315 học viên đã tốt nghiệp và tham gia vào lực lượng lao động chất lượng cao của khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

#### ***\*Triết lý giáo dục, sứ mệnh và tầm nhìn***

Để có một định hướng rõ ràng cho những bước phát triển tiếp theo và vị trí của Khoa Ngoại ngữ trong việc nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực, Khoa Ngoại ngữ xác định triết lý giáo dục, sứ mệnh và tầm nhìn cụ thể như sau:

- **Triết lý giáo dục:** Triết lý giáo dục của Khoa là triết lý giáo dục mà Trường Đại học Quy Nhơn đã xác định: Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp.

- **Sứ mệnh:** Khoa Ngoại ngữ Trường ĐHQN là đơn vị nghiên cứu, đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao về tiếng Anh và tiếng Trung cho khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

- **Tầm nhìn:** Đến năm 2030, Khoa Ngoại ngữ Trường ĐHQN sẽ trở thành thành một trong những trung tâm hàng đầu khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên về đào tạo Ngôn ngữ Anh và Ngôn ngữ Trung Quốc.

#### ***\* Về cơ cấu tổ chức và đội ngũ giảng viên***

- Cơ cấu tổ chức của Khoa được thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường đại học. Cụ thể:

+ Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa

+ Hội đồng khoa

+ Bộ môn

Khoa Ngoại ngữ hiện có 1 Trưởng khoa và 1 Phó Trưởng khoa; Hội đồng khoa gồm: Chủ tịch Hội đồng là Trưởng Khoa và 6 thành viên; 3 Bộ môn gồm: Ngôn ngữ đại cương, Thực hành ngôn ngữ và Ngôn ngữ - Văn hóa – Dịch thuật. Bên cạnh đó, Khoa còn có Chi bộ Đảng, Công đoàn bộ phận, Liên chi đoàn Thanh niên và Liên chi hội Sinh viên.

- Hiện nay, Khoa Ngoại ngữ, có 33 giảng viên có trình độ thạc sĩ và NCS, 06 giảng viên có trình độ tiến sĩ, 02 giảng viên có học hàm phó giáo sư, 01 giảng viên đang học thạc sĩ và 3 chuyên viên. Hai giảng viên khác không nằm trong biên chế của Khoa vì làm lãnh đạo Trường và các phòng chức năng nhưng tham gia sinh hoạt chuyên môn và giảng dạy cho Khoa.

***\* Quy mô và chương trình đào tạo***

Qua 30 năm xây dựng và phát triển, Khoa Ngoại ngữ đã đào tạo được hơn 2357 cử nhân Sư phạm Tiếng Anh, hơn 1840 cử nhân Ngôn ngữ Anh, hơn 315 học viên đã tốt nghiệp thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh, 2581 học viên đã tốt nghiệp hệ vừa làm vừa học và văn bằng 2.

Hiện nay, 1565 sinh viên đang học ngành Ngôn ngữ Anh hệ chính quy, 193 học viên đang học hệ vừa làm vừa học và văn bằng 2 cùng với 68 học viên đang học thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh và Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh. Khoa cũng đảm nhiệm việc giảng dạy cho 470 sinh viên chính quy ngành Sư phạm Anh mặc dù những sinh viên này thuộc quyền quản lý hành chính của Khoa Sư phạm.

Hiện nay, Khoa Ngoại ngữ đang chịu trách nhiệm chuyên môn lẫn quản lý hành chính CTĐT Ngành Ngôn ngữ Anh với 3 chuyên ngành là Tiếng Anh Biên-Phiên dịch, Tiếng Anh Kinh tế và Tiếng Anh Du lịch. Ngoài ra, Khoa còn chịu trách nhiệm thiết kế, cập nhật và chỉnh sửa CTĐT Cao học ngành Ngôn ngữ Anh và ngành Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Khoa Ngoại ngữ cũng phối hợp với Khoa Sư phạm trong việc thiết kế, cập nhật, chỉnh sửa CTĐT ngành Sư phạm Anh.

***\* Về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế***



Khoa Ngoại ngữ có nhiều nỗ lực trong nghiên cứu và hợp tác quốc tế. Tính đến nay, các giảng viên trong Khoa đã có 13 công trình NCKH cấp trường, 01 công trình NCKH cấp Tỉnh đang được triển khai, 46 bài báo đã được đăng ở các tạp chí khoa học trong nước, 04 bài báo đăng ở các tạp chí khoa học quốc tế và 01 đề tài sinh viên được giải Nhất NCKH sinh viên cấp Bộ.

Khoa Ngoại ngữ Trường ĐHQN là một đơn vị có đóng góp lớn cho Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020. Phối hợp với Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020, Khoa Ngoại ngữ cùng Trường ĐHQN đã tổ chức 06 hội thảo quốc gia.

Được sự quan tâm của Trường, Khoa Ngoại ngữ đã có nhiều nỗ lực hợp tác với các tổ chức và các trường đại học ở nước ngoài như Trường Đại học sư phạm Auckland của New Zealand (Auckland College of Education), tổ chức tình nguyện VSA của New Zealand, ELI (English Language Institute) của Mỹ, v.v. Tuy nhiên, những việc hợp tác này chủ yếu vì mục đích giảng dạy hơn là trao đổi học thuật và nghiên cứu khoa học.

## **PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ**

### **Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.**

#### ***Mở đầu***

CTĐT trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh được xây dựng trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT ban hành cùng với các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHQN. Trước khi xây dựng CTĐT, Khoa đưa ra mục tiêu và CDR của CTĐT vì đây là hai nội dung cốt lõi nhất của toàn bộ CTĐT.

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHQN và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật GDĐH năm 2012 và Luật GDĐH sửa đổi, bổ sung năm 2018 (có hiệu lực từ 01/7/2019).

Trên cơ sở mục tiêu của CTĐT, Khoa xây dựng CDR một cách rõ ràng, đầy đủ, bao quát được các yêu cầu chung cũng như yêu cầu chuyên biệt mà sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Ngoài việc tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN, CDR được xây dựng trên cơ sở tham khảo các ý kiến đóng góp của các bên liên quan bao gồm các nhà quản lý, đơn vị sử dụng lao động, sinh viên, cựu sinh viên và giảng viên ngành Ngôn ngữ Anh. Khoa thường xuyên tiến hành rà soát, điều chỉnh CDR nhằm không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục. CDR được công bố công khai cho người học, giảng viên và các đơn vị tuyển dụng thông qua nhiều kênh khác nhau.

***Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.***

#### ***1. Mô tả***

Mục tiêu của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được xác định đầy đủ, rõ ràng, bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu chung là “Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khoẻ tốt để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế” [H1.01.01.01]. Mục tiêu cụ thể nhằm

đạt được 3 giá trị cốt lõi về kiến thức, về kỹ năng và về mức tự chủ và trách nhiệm. Về kiến thức, đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh có kiến thức về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kiến thức đại cương làm nền cho việc rèn luyện phẩm chất chính trị cho cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh; nắm vững kiến thức cơ bản về ngôn ngữ Anh, văn hóa xã hội và văn học Anh - Mỹ tương đương trình độ tiếng Anh bậc 5 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc các chứng chỉ tương đương như CEFR C1, IELTS 6.5, APTIS 151, ...); có kiến thức cơ bản về ngoại ngữ 2 (tiếng Trung hoặc tiếng Pháp) tương đương trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương); có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực sử dụng tiếng Anh như biên-phiên dịch, hoạt động nghiệp vụ du lịch, kinh doanh, kinh tế - xã hội và có thể học tập ở trình độ cao hơn. Về kỹ năng, giúp sinh viên rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn và nghề nghiệp; phát triển kỹ năng phân tích, trình bày, tư duy phản biện để có thể làm việc độc lập, thích nghi với môi trường làm việc và đáp ứng yêu cầu công việc trong các lĩnh vực có liên quan đến sử dụng tiếng Anh như biên phiên dịch, hoạt động nghiệp vụ du lịch, kinh doanh, kinh tế xã hội. Về mức tự chủ và trách nhiệm, giúp sinh viên nhận thức rõ về ý thức tự học, tự nghiên cứu, phát triển nghề nghiệp cá nhân; nhận thức được giá trị và đạo đức nghề nghiệp; có ý thức khởi nghiệp và có khả năng xây dựng các kế hoạch khởi nghiệp. Các mục tiêu trên được cụ thể hóa trong từng học phần của CTĐT **[H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]**.

Các mục tiêu trên đây hoàn toàn phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường Đại học Quy Nhơn, đó là “đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội” và phấn đấu “Đến năm 2030, Trường ĐHQN sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế” **[H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.01.01.07]**.

Mục tiêu của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học được quy định tại Điều 5 của Luật GDĐH năm 2012: "Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc và có ý thức phục vụ nhân dân" [H1.01.01.08]. Mục tiêu này cũng phù hợp với văn bản chỉ đạo của Quốc Hội, các quy định của Bộ GD&ĐT [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11] các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHQN [H1.01.01.12], [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H1.01.01.15], [H1.01.01.16], [H1.01.01.17], [H1.01.01.18]. Mục tiêu của CTĐT cũng được các tổ bộ môn và Hội đồng khoa học góp ý và thông qua [H1.01.01.19], [H1.01.01.20], [H1.01.01.21].

Mục tiêu của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh là phản ánh được nhu cầu của xã hội. Cụ thể, trong các năm 2015, 2018 và 2019, Khoa đã lấy ý kiến đóng góp của chuyên gia, cơ quan quản lý chuyên môn, giảng viên, sinh viên năm cuối, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng [H1.01.01.22], [H1.01.01.23]. Kết quả cho thấy tất cả đều đánh giá các kiến thức, kỹ năng, năng lực trong CDR, các học phần trong khung CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường.

## *2. Điểm mạnh*

Mục tiêu của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHQN, và phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH năm 2012. Bên cạnh mục tiêu chung là đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh có đạo đức, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, mục tiêu của CTĐT còn được cụ thể hoá ở 3 giá trị cốt lõi về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ. Nội dung của CTĐT đã có sự tích hợp, được cải tiến cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc khảo sát lấy ý kiến đóng góp về mục tiêu của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh từ các bên liên quan đặc biệt là nhà sử dụng lao động chủ yếu mới được thực hiện đối với các đơn vị sử dụng lao động đóng trên địa bàn tỉnh Bình Định và một số tỉnh lân cận.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Khoa Ngoại ngữ sẽ tiếp tục tổ chức đánh giá, rà soát lại mục tiêu của CTĐT và tiến hành khảo sát ý kiến từ các bên liên quan trên quy mô rộng rãi hơn, đặc biệt ở khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên, để đảm bảo CTĐT phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHQN, với Luật GDĐH sửa đổi, bổ sung năm 2018 (có hiệu lực từ 01/7/2019) và đáp ứng hơn nữa nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.

#### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7*

***Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.***

##### *1. Mô tả*

Trên cơ sở mục tiêu của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh, Khoa Ngoại ngữ đã tổ chức xây dựng CĐR của CTĐT theo đúng quy trình được hướng dẫn trong các văn bản của Trường ĐHQN. Nội dung của CĐR đã được thảo luận, góp ý trong các cuộc họp của các tổ bộ môn và Hội đồng khoa và dựa trên kết quả khảo sát thực tế về nhu cầu của thị trường lao động [H1.01.01.19], [H1.01.01.20], [H1.01.01.21], [H1.01.01.22]. CĐR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được xây dựng và ban hành năm 2015, được cập nhật và điều chỉnh năm 2018, 2019 để phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của Trường ĐHQN [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.01.01.07]. Các CĐR được xây dựng chi tiết, rõ ràng thông qua 3 yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp: kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm, vì vậy giúp người dạy và người học dễ dàng xác định và thực hiện mục tiêu học tập và giảng dạy. CĐR của CTĐT cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh đã phản ánh được thế mạnh đào tạo chuyên sâu của ngành về ngôn ngữ Anh nói chung cũng như kỹ năng biên - phiên dịch, nghiệp vụ tiếng Anh du lịch và tiếng Anh kinh tế nói riêng. Các CĐR của CTĐT được công bố rộng rãi trên website của Trường và Khoa [H1.01.02.01], [H1.01.02.02].

CĐR của CTĐT bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt bao gồm 3 phần cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp:

*Về kiến thức ngành*, người học có thể (i) Áp dụng được các kiến thức cơ bản về triết học, kinh tế chính trị Mác – Lênin, lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật đại cương, giáo dục thể chất, quốc phòng – an ninh, khoa học xã hội nhân văn làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên sâu, phát triển tư duy logic và khoa học; (ii) Sử dụng kiến thức và kỹ năng của ngoại ngữ 2 (tiếng Trung hoặc tiếng Pháp) tương đương trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương) và kiến thức tin học theo quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hiện hành; (iii) Vận dụng những hiểu biết về ngôn ngữ và văn hóa Việt nam và các quốc gia sử dụng ngôn ngữ đích vào việc giải quyết các tình huống giao tiếp xã hội và hoạt động nghề nghiệp; (iv) Sử dụng thành thạo các kiến thức và kỹ năng tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) tương đương trình độ bậc 5 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc các chứng chỉ tương đương như CEFR C1, IELTS 6.5, APTIS 151, ...); (v) Tổng hợp được kiến thức cơ sở ngành và khối ngành liên quan đến các chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch, Tiếng Anh Kinh tế hoặc Tiếng Anh Biên - Phiên dịch; (vi) Tổng hợp được kiến thức bổ trợ nghề nghiệp liên quan đến các chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch, Tiếng Anh Kinh tế hoặc Tiếng Anh Biên - Phiên dịch.

*Về kỹ năng*, người học có thể (i) Giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả; (ii) Sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ (Tiếng Trung/Pháp) để hỗ trợ công việc chuyên môn và hoạt động nghề nghiệp; (iii) Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong công việc liên quan đến các ngành du lịch, kinh tế hoặc biên - phiên dịch; (iv) Phân tích, trình bày, tư duy phản biện để giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp.

*Về mức tự chủ và trách nhiệm*, người học có thể tự học, tự nghiên cứu, phát triển nghề nghiệp cá nhân; nhận thức được giá trị và đạo đức nghề nghiệp; và xây dựng được các kế hoạch khởi nghiệp.

Các nội dung của CĐR đã được thể hiện đầy đủ thông qua 3 yếu tố cốt lõi trên. Bên cạnh đó đối với các kỹ năng về ngoại ngữ và tin học, Nhà trường cũng có quy định cụ thể về CĐR đối với hai kỹ năng này dành cho sinh viên từng ngành,

từng khoá cụ thể [H1.01.02.03], [H1.01.02.04], [H1.01.02.05], [H1.01.02.06], [H1.01.02.07], [H1.01.02.08]. Các nội dung của CĐR ngành Ngôn ngữ Anh đảm bảo các năng lực mà sinh viên tốt nghiệp cần đạt được nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng. Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh do đó có thể làm các công việc trong các lĩnh vực có liên quan đến sử dụng tiếng Anh như biên phiên dịch, hoạt động nghiệp vụ du lịch, kinh doanh, kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp.

CĐR của CTĐT hoàn toàn được đo lường và đánh giá được thông qua 5 mức đánh giá năng lực của mỗi chủ đề của CĐR, bao gồm: Biết (mức 1), Hiểu (mức 2), Vận dụng (mức 3), Phân tích (mức 4), Đánh giá và Tổng hợp (mức 5). Đề cương chi tiết của mỗi học phần đều có CĐR [H1.01.02.09] và phù hợp với ma trận các kỹ năng của CĐR của CTĐT.

### *2. Điểm mạnh*

Khung CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế bao gồm những học phần mở có khả năng định hướng về chuyên môn nghề nghiệp nhằm mục tiêu khuyến khích tinh thần học tập và nghiên cứu, có trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời cho người học. CĐR của CTĐT được thiết kế trên cơ sở phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học để có thể phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể và tôn trọng cá nhân. CĐR của CTĐT đã được xác định rõ ràng, súc tích, thể hiện được mục tiêu của CTĐT và bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp với các mức năng lực cụ thể, để đo lường và đánh giá.

### *3. Điểm tồn tại*

CĐR của CTĐT mặc dù có thể đo lường, đánh giá được, nhưng chưa có quy trình chặt chẽ để thực hiện việc đo lường, đánh giá này.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Khoa Ngoại ngữ sẽ rà soát toàn diện CĐR của CTĐT để đảm bảo CTĐT bắt kịp xu hướng hiện đại hóa, cập nhật, tiếp cận quốc tế và đáp ứng yêu cầu xã hội. Khoa Ngoại ngữ sẽ đề xuất Nhà trường từng bước xây dựng bộ tiêu chuẩn để đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên với CĐR được đặt ra trong từng năm học và đưa ra quy trình chặt chẽ để đo lường, đánh giá CĐR.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai .***

***1. Mô tả***

Nhằm xây dựng được một bản danh mục CDR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như chuyên môn của ngành Ngôn ngữ Anh, trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT, Khoa Ngoại ngữ đã khảo sát và thu thập ý kiến của các bên liên quan bao gồm các nhà quản lý, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và các giảng viên Khoa Ngoại ngữ. Kết quả thu thập từ các nhà tuyển dụng cho biết thị trường lao động cần những cử nhân tốt nghiệp ra trường phải có kiến thức chuyên ngành vững chắc, có hiểu biết về tâm lý nghề nghiệp, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong công việc, có kỹ năng làm việc nhóm, có kỹ năng hình thành ý tưởng trong hoạt động nghề nghiệp [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03], [H1.01.03.04].

Nhằm nâng cao và không ngừng cải tiến chất lượng CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh, từ năm 2015 đến nay, Khoa Ngoại ngữ thường xuyên tiến hành rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện CDR của CTĐT sau khi tiếp thu ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và các giảng viên trực tiếp giảng dạy các học phần [01.03.01], [H1.01.03.05], [H1.01.03.06]. Ngoài ra từ năm học 2010-2011, khi Trường ĐHQN áp dụng đào tạo các ngành đại học theo hệ thống tín chỉ, Khoa cũng tiến hành rà soát, điều chỉnh CDR vào các năm 2015, 2018 và 2019 theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN [H1.01.03.07], [H1.01.03.08], [H1.01.03.09], [H1.01.03.10], [H1.01.03.11]. Trong quá trình điều chỉnh, cập nhật CDR của CTĐT, khoa đều tham khảo CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh của một số trường uy tín trong nước [H1.01.03.12]. Sau nhiều lần điều chỉnh, CDR đã được hoàn thiện hơn, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. CTĐT đã nêu rõ kết quả học tập mong đợi, mô tả rõ ràng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm đạt được sau quá trình đào tạo. Đồng thời CTĐT phản ánh được cơ bản yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan thông qua danh mục các CDR về mặt kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, và cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng học phần.



CĐR của CTĐT được công bố rộng rãi, công khai tới toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy, sinh viên, đơn vị sử dụng lao động thông qua website của Nhà trường, của Khoa, trên bảng tin của Khoa, các tài liệu tư vấn tuyển sinh [H1.01.03.13], [H1.01.03.14], trong các buổi sinh hoạt chính trị đầu khoá, gặp mặt tân sinh viên đầu khoá, các buổi sinh hoạt lớp [H1.01.03.15], [H1.01.03.16], [H1.01.03.17], [H1.01.03.18], [H1.01.03.19], [H1.01.03.20], [H1.01.03.21]. Đầu năm học 2020-2021, Khoa đã tổ chức Chương trình định hướng đầu khóa và nghề nghiệp cho sinh viên với khách mời là đại diện lãnh đạo từ các nhà tuyển dụng và các cựu sinh viên để trao đổi về nhu cầu của thị trường lao động hiện nay đồng thời đưa ra những đề xuất, góp ý để CĐR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh có thể đáp ứng yêu cầu của xã hội [H1.01.03.22].

## *2. Điểm mạnh*

CĐR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được xây dựng, rà soát và điều chỉnh định kỳ trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN, sự tham khảo các CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh của các trường uy tín trong nước và ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. CĐR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được công bố rộng rãi, công khai tới các bên liên quan dưới nhiều hình thức khác nhau.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc trao đổi, hợp tác, phản hồi của các bên liên quan về CĐR còn gặp một số khó khăn do Khoa chưa thiết lập được kênh thông tin riêng như subweb, mạng lưới các nhà tuyển dụng. Do đó, việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đến CĐR còn chưa rộng rãi đến các địa bàn của khu vực miền Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.

## *4. Kế hoạch hành động*

Trong năm học 2020-2021, Khoa Ngoại ngữ sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc ký kết các thỏa thuận hợp tác với những cơ quan đang sử dụng và có nhu cầu sử dụng sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh. Bên cạnh đó, Khoa sẽ thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của người học, đơn vị sử dụng lao động về CĐR trên hệ thống website, trang facebook Khoa Ngoại ngữ thường xuyên hơn để kịp thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung để CĐR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được cập nhật, hoàn thiện hơn nữa. Khoa cũng sẽ tăng cường việc công khai CĐR của CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn để sinh viên nắm bắt đầy đủ, kịp thời, từ đó có ý thức

học tập và rèn luyện đúng đắn và chủ động.

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1**

Mục tiêu và CĐR của CTĐT là hai nội dung quan trọng không những đối với người học, người dạy mà còn quan trọng đối với các đơn vị tuyển dụng và sử dụng người học sau khi tốt nghiệp. Việc xây dựng mục tiêu và CĐR một cách rõ ràng, đầy đủ sẽ định hướng tốt cho cả quá trình đào tạo. Mục tiêu và CĐR của CTĐT còn thể hiện cam kết của cơ sở đào tạo trong việc cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động và đáp ứng nhu cầu xã hội.

CĐR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và với mục tiêu của GDĐH. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. CĐR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh còn được xem là một trong những yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng của CTĐT.

Với tầm quan trọng của CĐR đối với CTĐT, Khoa Ngoại ngữ cùng với Nhà trường đã đầu tư trí tuệ, tâm huyết để xây dựng và điều chỉnh CĐR một cách bài bản, nghiêm túc với sự đóng góp ý kiến của các chuyên gia, sự tham khảo CĐR của một số CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh của một số trường uy tín trong nước và ý kiến đóng góp của các bên liên quan.

Mặc dù CĐR được công bố công khai nhưng việc công bố CĐR và tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan vẫn chưa được rộng rãi, thường xuyên. Trong thời gian tới, Khoa sẽ đa dạng hơn các hình thức công khai cũng như tiếp nhận ý kiến phản hồi của các bên liên quan được nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Ngôn ngữ Anh đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

### ***Mở đầu***

Bản mô tả CTĐT được xây dựng, điều chỉnh và cập nhật thường xuyên phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường và yêu cầu của xã hội theo từng giai đoạn. Bản mô tả CTĐT cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CĐR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần. Bản mô tả CTĐT được công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, giúp người học và học sinh có nguyện vọng học tại trường hiểu về CTĐT; giúp cho nhà tuyển dụng lao động nắm bắt được các thông tin về kiến thức và các kỹ năng mềm mà người học đã được trang bị để có quyết định tuyển dụng hợp lý; giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và đánh giá viên hiểu được mục tiêu của CTĐT và các kết quả học tập dự kiến. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT còn là cơ sở cho việc thu nhận thông tin phản hồi từ phía sinh viên đang học, cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng, giúp cho việc cải tiến CTĐT nhằm nâng cao khả năng đạt được các kết quả học tập dự kiến.

### ***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật .***

#### ***1. Mô tả***

Từ năm 2010, Trường ĐHQN chuyển từ hình thức đào tạo theo hệ thống niên chế sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H2.02.01.01]. CTĐT Ngành Ngôn ngữ Anh theo hệ thống tín chỉ được rà soát, điều chỉnh và cập nhật vào các năm 2015, 2017, 2018 và 2020 theo kế hoạch và quy định của Trường ĐHQN [H2.02.01.02], [H2.02.01.03], [H2.02.01.04], [H2.02.01.05], [H2.02.01.06], [H2.02.01.07]. Tuy nhiên, trong bản mô tả CTĐT năm 2015 các quy định về CĐR còn chung chung, các phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá chưa được đề cập. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT vẫn còn thiếu ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CĐR của chương trình [H2.02.01.08]. Năm 2017, Khoa bổ sung và điều chỉnh nội dung đề cương chi tiết các học phần Thực tập thực tế và Kỹ năng ngôn ngữ 3.1-3.4 [H2.02.01.09]. Theo chỉ đạo của Trường ĐHQN, năm 2018, Khoa Ngoại ngữ tiếp tục cập nhật, chỉnh sửa CTĐT. CTĐT lần này đã chia ngành Ngôn ngữ Anh thành 3 chuyên ngành bao gồm Tiếng Anh Du lịch, Tiếng Anh Kinh tế và

Tiếng Anh Biên - Phiên dịch với mục tiêu đào tạo và CĐR cụ thể hơn. Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT vẫn còn thiếu ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CĐR của chương trình. Các phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá cũng chưa được mô tả cụ thể [H2.02.01.10]. Đến tháng 12/2019, CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh lại được điều chỉnh và cập nhật. So với CTĐT năm 2019, CTĐT mới được xây dựng năm 2020 theo quy định mới gồm 3 bản (Chương trình đào tạo, Bản mô tả chương trình đào tạo và Chương trình dạy học) trong đó thể hiện đầy đủ và rõ ràng các nội dung cơ bản của CTĐT như mục tiêu đào tạo, CĐR, phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra đánh giá, ma trận các kỹ năng và sơ đồ chương trình giảng dạy. Đặc biệt, hai học phần Khởi nghiệp và Kỹ năng giao tiếp được bổ sung dẫn đến sự thay đổi về cấu trúc CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của người học và yêu cầu của các nhà tuyển dụng trong thời đại mới [H2.02.01.11].

Bản mô tả CTĐT Ngành Ngôn ngữ Anh có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết theo quy định của Bộ GD&ĐT [H2.02.01.12], [H2.02.01.13], [H2.02.01.14]. Cụ thể, bản mô tả CTĐT có các thông tin: tên trường; trình độ đào tạo; ngành đào tạo; mã ngành; loại hình đào tạo; hình thức đào tạo; thời gian đào tạo; mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; tiêu chí tuyển sinh, CĐR, ma trận kỹ năng; khối lượng kiến thức toàn khóa; phương pháp dạy - học; phương pháp đánh giá và mô tả tổng quát của các học phần.

Bản mô tả CTĐT liên tục được cập nhật những vấn đề mới có liên quan. Ngoài việc tham khảo CTĐT của một số trường đại học uy tín trong nước [H2.02.01.15], Khoa Ngoại ngữ còn dựa trên ý kiến phản hồi của giảng viên, sinh viên năm cuối, cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo và CTĐT và CĐR qua các năm để điều chỉnh, cập nhật CTĐT [H2.02.01.16], [H2.02.01.17], [H2.02.01.18], [H2.02.01.19]. CTĐT Ngành Ngôn ngữ Anh được Khoa Ngoại ngữ biên soạn kỹ lưỡng và được thông qua sau các cuộc họp, góp ý và thống nhất từ Hội đồng Khoa Ngoại ngữ và Hội đồng Trường ĐHQN [H2.02.01.20], [H2.02.01.21], [H2.02.01.22], [H2.02.01.23].

## *2. Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT Ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế công phu với sự đầu tư nghiêm túc của toàn bộ cán bộ, giảng viên trong Khoa, đáp ứng đầy đủ các yêu

cầu của Bộ GD&ĐT nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho người học. Bản mô tả CTĐT Ngành Ngôn ngữ Anh thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo hiện đại, thể hiện đầy đủ thông tin và tích hợp những nội dung mới nhất liên quan, tuân thủ theo quy định của Nhà trường. Khung CTĐT có nhiều chuyên đề tự chọn, giúp cho người học có nhiều lựa chọn theo định hướng chuyên môn và thế mạnh của mình, giúp người học phát huy năng lực và đam mê học tập, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT và được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của CTĐT.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến góp ý về CTĐT từ sinh viên đang học, cựu sinh viên về CTĐT đã được tiến hành thường xuyên nhưng ý kiến từ các nhà sử dụng lao động chưa được thực hiện trên quy mô rộng mà chủ yếu tập trung vào các đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh và một số tỉnh miền Trung - Tây Nguyên.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Khoa tiếp tục tăng cường việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về CTĐT và về chất lượng của sinh viên ra trường bằng cách đổi mới phương thức khảo sát và điều chỉnh hệ thống câu hỏi. Bên cạnh đó, Khoa sẽ mở rộng quy mô khảo sát hướng tới các đơn vị sử dụng lao động ở miền Nam Trung bộ và Tây Nguyên, đặc biệt là những đơn vị sử dụng lao động có yếu tố nước ngoài, để kịp thời chỉnh sửa CTĐT nhằm đảm bảo phù hợp với xu thế mới và yêu cầu của các nhà tuyển dụng đồng thời nhằm quảng bá bản mô tả CTĐT tới các bên liên quan một cách rộng rãi hơn.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

#### ***Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật .***

##### *1. Mô tả*

Đề cương chi tiết học phần là bản mô tả các nội dung giảng dạy, sự phân phối kiến thức cho từng tiết học cùng với CĐR của học phần. Đề cương chi tiết học phần là cơ sở để giảng viên và người học thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi bài học đều gắn liền với một mức độ nhất định của CĐR.

Mỗi học phần trong CTĐT đều được mô tả chi tiết trong các bản đề cương chi tiết học phần [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.02.03]. Tất cả các đề cương chi tiết học phần đều được viết theo mẫu chuẩn với đầy đủ các nội dung theo quy định của Bộ GD&ĐT và theo kế hoạch của Trường ĐHQN. Mỗi đề cương chi tiết học phần bao gồm các thông tin: tên trường; tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; tên học phần; số tín chỉ; mục tiêu; CDR của học phần trong ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu đối với giảng viên và sinh viên; cấu trúc học phần; kế hoạch giảng dạy chi tiết; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và được thể hiện ở các CDR của từng học phần. Đề cương chi tiết học phần đảm bảo thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CDR của học phần, phương pháp giảng dạy - học tập để có thể đạt được các CDR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá kết quả học tập và hiệu quả giảng dạy [H2.02.02.04], [H2.02.02.05], [H2.02.02.06].

Cùng với CTĐT, đề cương chi tiết học phần của Ngành Ngôn ngữ Anh liên tục được rà soát và cập nhật. Sau khi rút kinh nghiệm trong quá trình giảng dạy và việc khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về CTĐT, về hoạt động giảng dạy các học phần của giảng viên cùng với ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, Khoa Ngoại ngữ tiến hành rà soát, bổ sung, xây dựng CTĐT và đề cương chi tiết học phần vào các năm 2015, 2017, 2019 và 2020 [H2.02.02.07], [H2.02.02.08], [H2.02.02.09], [H2.02.02.10], [H2.02.02.11], [H2.02.02.12], [H2.02.02.13], [H2.02.02.14], [H2.02.02.15], [H2.02.02.16], [H2.02.02.17], [H2.02.02.18], [H2.02.02.19].

Quá trình bổ sung, sửa đổi đề cương chi tiết học phần đều dựa trên các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Trường ĐHQN. So với đề cương chi tiết học phần công bố năm 2019, đề cương chi tiết học phần công bố năm 2020 có sự thay đổi lớn về nội dung và hình thức: với cùng một học phần, ngoài mục tiêu chung gần như giống nhau, phiên bản mới còn nêu cụ thể CDR của học phần; liệt kê các CDR mà sinh viên phải đạt được sau mỗi đơn vị bài học; và phản ánh được mức độ đóng góp của học phần đối với CDR của CTĐT. Bên cạnh đó, đề cương chi tiết học phần được công bố năm 2020 trình bày cả kế hoạch giảng dạy chi tiết và bổ sung ma trận quan hệ giữa CDR và phương pháp đánh giá kết quả học tập. Ngoài ra,

một số học phần mới như Khởi nghiệp và Kỹ năng giao tiếp, được bổ sung vào CTĐT để phù hợp với Chương trình Giáo dục đại học mới và phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng [02.02.20].

Đề cương chi tiết học phần được các giảng viên trực tiếp giảng dạy biên soạn cẩn thận theo đúng quy định của Trường [H2.02.02.21], [H2.02.02.22]. Việc thông qua các đề cương chi tiết học phần được thực hiện sau khi Hội đồng khoa thống nhất ý kiến [H2.02.02.23], [H2.02.02.24].

## *2. Điểm mạnh*

Tất cả đề cương chi tiết học phần của Ngành Ngôn ngữ Anh được xây dựng dựa trên kinh nghiệm giảng dạy của giảng viên và theo phản hồi của các bên liên quan; thể hiện đầy đủ các thông tin theo quy định; được rà soát, đánh giá, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với CTĐT và đáp ứng xu thế phát triển hiện nay về các lĩnh vực chuyên ngành. Các học phần đều giới thiệu tài liệu tham khảo để sinh viên có nhiều lựa chọn, trong đó mỗi học phần luôn giới thiệu một tài liệu tham khảo chính. Tài liệu tham khảo chính là các sách nổi tiếng hoặc các giáo trình của các giảng viên trong trường đã được xét duyệt thông qua hội đồng thẩm định. Mọi thông tin liên quan đến học phần như mục tiêu, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần đều được cung cấp đầy đủ để sinh viên đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học.

## *3. Điểm tồn tại*

Một số giáo trình cập nhật để sinh viên có thể tham khảo còn hạn chế. Việc lấy ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên và các nhà sử dụng lao động về đề cương chi tiết các học phần chưa được thực hiện trên quy mô rộng mà chủ yếu thực hiện ở một số tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên.

## *4. Kế hoạch hành động*

Khoa Ngoại ngữ tiếp tục triển khai việc rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết của một số học phần và kiến nghị Nhà trường bổ sung các đầu sách ngoại văn cần thiết để đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập. Bên cạnh đó, Khoa sẽ tiến hành đổi mới cách thức cũng như nội dung phiếu khảo sát để lấy ý kiến người học, các cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng hiệu quả hơn. Đồng thời, Khoa sẽ mở rộng địa bàn khảo sát các cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng, nhất là khu vực Thành phố Hồ

Chí Minh, nơi mà ngày càng nhiều sinh viên tốt nghiệp từ Khoa đang sinh sống và làm việc. Việc này sẽ cung cấp nhiều thông tin thiết thực hơn cho việc điều chỉnh, cập nhật đề cương chi tiết học phần trong các năm tiếp theo.

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.***

*1. Mô tả*

Nhận thấy được tầm quan trọng của việc phổ biến CTĐT và đề cương chi tiết học phần một cách rộng rãi, sau khi bản mô tả CTĐT theo CĐR ngành Ngôn ngữ Anh được Trường ĐHQN ban hành, Khoa Ngoại ngữ đã công bố công khai cho các bên liên quan nội dung của Bản mô tả CTĐT [H2.02.03.01] và đề cương chi tiết học phần [H2.02.03.02] bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên website của Trường Đại học Quy Nhơn và trên website của Khoa Ngoại ngữ [H2.02.03.03], [H2.02.03.04]; trong các tài liệu giới thiệu về trường; tại các buổi tư vấn tuyển sinh cho học sinh phổ thông; trong các thông báo của Nhà trường cho cán bộ và sinh viên; giới thiệu cho sinh viên mới nhập học trong các tuần sinh hoạt công dân đầu khóa thông qua sổ tay sinh viên và các buổi gặp mặt tân sinh viên đầu khóa của Khoa [H2.02.03.05], [H2.02.03.06], [H2.02.03.07], [H2.02.03.08], [H2.02.03.09]; niêm yết công khai bản mô tả CTĐT tại các bản thông báo của Khoa. Ngoài ra, Khoa đã thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan bao gồm các nhà sử dụng lao động, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên về CTĐT [H2.02.03.10], [H2.02.03.11], [H2.02.03.12], [H2.02.03.13] để từ đó đưa ra những điều chỉnh hợp lý trong bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần mới nhất. Những điều chỉnh, bổ sung mới đều được cập nhật trên website của Khoa Ngoại ngữ. Đề cương chi tiết học phần đều được các giảng viên cung cấp cho sinh viên ngay khi bắt đầu học phần.

Việc công bố bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần bằng nhiều hình thức trên, đặc biệt là được công bố hằng năm trong mục Ba công khai trên website của Trường đã giúp các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, học sinh, phụ huynh,... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Việc này giúp các nhà sử dụng lao động biết được nội dung sinh viên học



được đề có kế hoạch tuyển dụng hợp lý; giúp giảng viên chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi giảng dạy; giúp sinh viên nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học; giúp cựu sinh viên có thông tin để góp ý cho việc cập nhật CTĐT lần sau và giúp học sinh và phụ huynh tìm hiểu về ngành để có các quyết định đúng đắn. Ý kiến phản hồi từ các nhà sử dụng lao động, sinh viên, cựu sinh viên là cơ sở quan trọng để ban soạn thảo CTĐT và đề cương chi tiết học phần có được thông tin cần thiết để rà soát, cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần một cách hợp lý và hiệu quả nhất.

### *2. Điểm mạnh*

Mọi thông tin trong bản mô tả và đề cương học phần trong CTĐT cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh (mục tiêu, CĐR, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá, ...) đều được công bố công khai và dễ tiếp cận. Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần trong CTĐT nhận được tham vấn, ý kiến đóng góp, xây dựng của Hội đồng khoa, cựu sinh viên, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn, trên cơ sở đó bổ sung, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên theo hướng quốc tế hóa các tri thức và mang tính ứng dụng cao.

### *3. Điểm tồn tại*

Quy mô khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, đặc biệt là từ phía các nhà sử dụng lao động, còn hạn chế. Kết quả khảo sát thu được trong thời gian qua chủ yếu nhận được từ các đơn vị sử dụng lao động tập trung trên địa bàn khu vực Miền Trung và Tây Nguyên. Việc nâng cấp hệ thống website của Nhà trường đã làm mất đi các công bố CTĐT trên website của Khoa những năm trước đây dẫn đến ảnh hưởng tới việc đối chiếu so sánh các CTĐT cũ và mới.

### *4. Kế hoạch hành động*

Trong thời gian tới, Khoa tiếp tục phối hợp với Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và Phòng Công tác sinh viên của Nhà trường thay đổi hình thức, mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá từ các bên liên quan (nhà tuyển dụng, giảng viên trong và ngoài khoa, cựu sinh viên, học viên cao học, sinh viên năm cuối, ...) về CTĐT nói chung, về bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần, về chất lượng ngành học, chất lượng các môn học, sự cần thiết của các môn học để tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT theo hướng tiếp cận CĐR của ngành Ngôn ngữ

Anh và quốc tế hóa CTĐT. Bên cạnh đó, Khoa tiếp tục tổ chức các hội nghị, tọa đàm chuyên môn để rút kinh nghiệm trong công tác dạy và học, nâng cao chất lượng giảng dạy. Ngoài ra, Nhà trường cũng đảm bảo an toàn dữ liệu về CTĐT và đề cương chi tiết học phần trên hệ thống website của Nhà trường.

*5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí 4/7.*

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 2**

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần của ngành Ngôn ngữ Anh được xây dựng một cách bài bản theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Trường ĐHQN. Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật thường xuyên. Mặc dù vậy, việc xuất bản, thông tin bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết học phần tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách rộng rãi; đối tượng lấy ý kiến phản hồi về CTĐT, đề cương chi tiết học phần chưa được sâu rộng. Tuy nhiên, điều này không ảnh hưởng lớn đến tính hiệu quả của bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Ngôn ngữ Anh đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 4/7.

### **Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### ***Mở đầu***

Cấu trúc của CTDH trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo người học đạt được CĐR của từng học phần và CĐR của CTĐT. Chủ đề và nội dung các học phần trong CTDH được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và có tính tích hợp và nội dung cập nhật.

#### ***Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.***

##### ***1. Mô tả***

CTDH ngành Ngôn ngữ Anh được xây dựng theo các quy định hiện hành do

Bộ GD&ĐT ban hành. Để xây dựng CTDH cho các bậc học, ngành học, Nhà trường đã có hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn cụ thể [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03]. Chương trình sau khi xây dựng được đánh giá và nghiệm thu cấp khoa, cấp trường và được công bố công khai trên website của Trường và Khoa [H3.03.01.04], [H3.03.01.05], [H3.03.01.06], [H3.03.01.07], [H3.03.01.08], [H3.03.01.09].

Các học phần đều được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT, được thể hiện qua ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR trong CTĐT [H3.03.01.10]. CTDH ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế gồm 135 tín chỉ (không bao gồm nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh) chia thành khối kiến thức giáo dục đại cương (24 tín chỉ) và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (111 tín chỉ). Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm các học phần cung cấp các kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, tin học, ngoại ngữ 2, kỹ năng giao tiếp và khởi nghiệp. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trang bị cho người học kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức chuyên ngành và kiến thức bổ trợ cho 3 chuyên ngành gồm Tiếng Anh Du lịch, Tiếng Anh Kinh tế và Tiếng Anh Biên - Phiên dịch [H3.03.01.11]. Để hoàn thành khóa học, sinh viên được lựa chọn làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp với số tín chỉ tương đương. Để thực hiện tốt CTDH, Nhà trường đã có những kế hoạch cụ thể về nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH của từng năm học, mỗi giảng viên đều có hồ sơ giảng dạy [H3. H3.03.01.12], [03.01.13], [H3.03.01.14], [H3.03.01.15], [H3.03.01.16].

Các khối kiến thức và các học phần trong CTDH được thiết kế một cách tối ưu để đạt được CĐR của CTĐT. Các học phần trong CTDH ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế có tính kế thừa, bổ sung và liên quan chặt chẽ với nhau. Mỗi học phần đào tạo mô tả kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm thông qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều học phần trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo. Vì vậy, ngoài việc đảm bảo kiến thức về chuyên môn nghề nghiệp, người học ngành Ngôn ngữ Anh còn được rèn luyện các kỹ năng cần thiết khác như kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của CĐR. Các phương pháp giảng dạy, học tập, các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả

học tập của người học được chú trọng đã góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Phương pháp dạy học tích cực “lấy người học làm trung tâm” như seminar, thảo luận nhóm được thường xuyên thực hiện trong tất cả các học phần. Nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan để đạt được CĐR [H3.03.01.04], [H3.03.01.17].

Để điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện CTDH, Khoa đã xem xét các ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H3.03.01.18], [H3.03.01.19], [H3.03.01.20], [H3.03.01.21], các ý kiến của sinh viên năm cuối, cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, ý kiến của giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong CTDH ngành Ngôn ngữ Anh về CĐR của CTĐT và về mối quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT [H3.03.01.22], [H3.03.01.23], [H3.03.01.24] với mong muốn đạt được các CĐR một cách tốt nhất.

### *2. Điểm mạnh*

CTDH được thiết kế có tính khoa học, tỷ lệ phần trăm giữa các khối kiến thức được phân bổ hợp lý và dựa trên CĐR. Mối quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT được thể hiện rõ nét trong từng học phần của CTDH. Tất cả các học phần đều được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cập nhật CTĐT, Nhà trường đã lấy ý kiến phản hồi của người học về các hoạt động giảng dạy của giảng viên, chất lượng đào tạo của ngành được lấy ý kiến thông qua sinh viên năm cuối và cựu sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, CĐR của CTĐT và mối quan hệ giữa các học phần với CĐR của CTĐT được khảo sát thông qua các giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong CTDH ngành Ngôn ngữ Anh.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên khi xây dựng CTDH chưa được thực hiện thường xuyên và với quy mô còn hạn chế.

### *4. Kế hoạch hành động*

Khoa Ngoại ngữ sẽ tiếp tục điều chỉnh, cập nhật, bổ sung CTDH ngành Ngôn ngữ Anh dựa trên CĐR theo định kỳ ít nhất 2 năm 1 lần. Các học phần đều được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT. Tất cả các học phần trong CTDH được dạy theo phương pháp tích cực “lấy người học làm trung tâm”, để người học được rèn luyện

các kỹ năng cần thiết, phát huy được tính sáng tạo, tích cực chủ động, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

Việc lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên đối với CTDH sẽ được Nhà trường và Khoa thực hiện một cách đầy đủ và sâu rộng hơn từ năm học 2020-2021. Dựa trên những ý kiến đóng góp nhận được, CTDH sẽ được điều chỉnh, bổ sung, một cách cụ thể, phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh.

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

***Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.***

*1. Mô tả*

Sự đóng góp của mỗi học phần theo CĐR được thể hiện rõ trong CTDH ngành Ngôn ngữ Anh của Khoa Ngoại ngữ. Tất cả các học phần trong CTDH được biên soạn và thực hiện bởi các giảng viên trực tiếp giảng dạy ở các Bộ môn của Khoa Ngoại ngữ và các khoa phối hợp trong Nhà trường như Khoa Lý luận Chính trị - Luật và Quản lý nhà nước, Khoa Giáo dục thể chất - Quốc phòng, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Tài chính - Ngân hàng và Quản trị kinh doanh, Khoa Khoa học xã hội và nhân văn. Mỗi học phần đều xây dựng đề cương chi tiết phù hợp với yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, cũng như phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ và CĐR của CTĐT. Tất cả các học phần trong CTDH đều xác định CĐR và mức năng lực cần đạt được phù hợp với CĐR của CTĐT. Đề cương chi tiết các học phần được xây dựng cụ thể, xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu và CĐR. Ma trận CĐR của học phần được áp dụng để xây dựng nội dung các học phần trong CTDH. Phương pháp dạy học tích cực, phát triển năng lực cho sinh viên được các giảng viên trong Khoa Ngoại ngữ cũng như các Khoa liên kết thực hiện trong tất cả học phần. Trong quá trình học, các phương pháp đánh giá năng lực của người học được tiến hành thường xuyên trong các buổi dạy và được thể hiện thông qua đánh giá chuyên cần (trọng số đóng góp 10%), đánh giá quá trình (trọng số đóng góp 30%) và đánh giá kết thúc học phần (trọng số đóng góp 60%) [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03], [H3.03.02.04], [H3.03.02.05]. Khoa phối hợp với Nhà trường tổ chức phổ biến đến người học nội dung và thể mạnh của CTDH, kế

hoạch thực hiện CTDH [H3.03.02.06]. Hơn thế nữa, Phòng Đào tạo Đại học, Trường ĐHQN sẽ công bố kết quả đánh giá của từng sinh viên thông qua tài khoản cá nhân đã được cấp [H3.03.02.07].

Theo kế hoạch rà soát, đánh giá, sửa đổi, hoàn chỉnh, cập nhật CTĐT đại học của Trường ĐHQN [H3.03.02.08], [H3.03.02.09], [H3.03.02.10] Khoa Ngoại ngữ đã triển khai thực hiện việc điều chỉnh, cập nhật nội dung các học phần nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh. Quá trình được thực hiện dựa trên các kết quả điều tra, khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng, cựu sinh viên khối ngành Ngôn ngữ Anh [H3.03.02.11]; ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh; [H3.03.02.12], [H3.03.02.13], [H3.03.02.14]; ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H3.03.02.15], [H3.03.02.16], [H3.03.02.17], [H3.03.02.18], khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp sau một năm ra trường [H3.03.02.19].

## *2. Điểm mạnh*

Đề cương chi tiết mỗi học phần đều được xây dựng rõ ràng, phù hợp, đáp ứng được mục tiêu và CĐR của CTĐT. Trong đó, ngoài các thông tin chung, đề cương chi tiết học phần còn quy định cụ thể CĐR của học phần và mức độ đóng góp của học phần vào CĐR của CTĐT. Ngoài ra, các học phần đều nêu rõ thời gian tự học của sinh viên, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tiếp cận, lĩnh hội kiến thức một cách đầy đủ, dễ dàng, thuận lợi hơn và đạt được CĐR của học phần yêu cầu. Ngoài ra, các kỹ năng mềm khác cũng được hình thành trong quá trình học tập các học phần cụ thể. Phương pháp dạy học theo hướng tích cực và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập đảm bảo tính công bằng, khách quan, chính xác đều được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần.

## *3. Điểm tồn tại*

CĐR của một số học phần có tính định lượng chưa rõ ràng dẫn đến khó khăn cho giảng viên trong việc đánh giá học phần.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Khoa Ngoại ngữ sẽ tiếp tục rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết cho tất cả các học phần để đảm bảo CĐR của học phần có thể được xác định cụ thể và đo lường chính xác hơn.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

**Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, có tính tích hợp và nội dung cập nhật.**

1. Mô tả

CTDH ngành Ngôn ngữ Anh của Khoa Ngoại ngữ Trường ĐHQN được thiết kế theo quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHQN. Kế hoạch giảng dạy hằng năm được xây dựng theo các công văn hướng dẫn của Nhà trường. Trong tổng 135 tín chỉ được xây dựng trong CTDH bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh) và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp chuyên ngành đều thể hiện rõ cấu trúc, trình tự logic trong từng học kỳ, từng năm học và toàn bộ khóa học [H3.03.03.01], [H3.03.03.02]. Các học phần trong CTDH nêu rõ mục tiêu học phần về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm sinh viên cần đạt được; nội dung giảng dạy, kế hoạch giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá được thể hiện rõ ràng và bám sát với mục tiêu và CDR của học phần. Cấu trúc chương trình được sắp xếp theo trình tự học phần thể hiện năng lực cần đạt được từ thấp lên cao đối với người học; thể hiện rõ học phần tiên quyết và hỗ trợ học phần tiếp theo hoặc học phần được tiến hành song song cùng phân kỳ. Bên cạnh các học phần bắt buộc, CTDH có các học phần tự chọn, chuyên ngành hẹp giúp sinh viên có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị trường lao động [H3.03.03.01], [H3.03.03.02].

CTDH cũng thể hiện tính cập nhật và bám sát yêu cầu của CDR của CTĐT khi bổ sung các học phần mới như bổ sung 2 học phần vào khối kiến thức đại cương là Kỹ năng giao tiếp và Khởi nghiệp và bổ sung một số đầu môn mới để đảm bảo tính cập nhật của CTĐT và tạo điều kiện cho sinh viên lựa chọn học phần phù hợp với định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp [H3.03.03.01], [H3.03.03.02].

CTDH thể hiện chi tiết năng lực cần đạt được theo 4 yếu tố cốt lõi là kiến thức và lập luận ngành; kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp và năng lực thực hành nghề nghiệp. Trình tự khu năng lực cần đạt được thiết kế theo CDR của CTĐT và theo trình tự từ cơ bản đến nâng cao, gắn liền với các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức chuyên ngành và kiến thức bổ trợ nghề nghiệp (thực tập

chuyên ngành) **[H3.03.03.03]**.

Nội dung kiến thức được trình bày một cách logic và được thể hiện thông qua các bài học theo từng chủ điểm từ cụ thể đến trừu tượng. Các đề cương chi tiết học phần thể hiện rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Số tiết dành cho phần tự học và tự nghiên cứu gấp 2 lần số tiết quy định dành cho học phần. CTDH các học phần có nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Giáo trình và các tài liệu hỗ trợ dạy và học được nghiên cứu và chọn lựa cẩn thận từ các nhà xuất bản uy tín trong nước và trên thế giới **[H3.03.03.04]**. Ngoài ra, hằng năm giảng viên đảm nhiệm các học phần có trách nhiệm rà soát và cập nhật nội dung giảng dạy phù hợp, đáp ứng nhu cầu thực tiễn **[H3.03.03.05]**, **[H3.03.03.06]**, **[H3.03.03.07]**. Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung giảng dạy có sự chỉ đạo, giám sát chặt chẽ của Trường và Khoa **[H3.03.03.08]**, **[H3.03.03.09]**, **[H3.03.03.10]**, **[H3.03.03.11]**. Trong quá trình điều chỉnh, Khoa cũng tham khảo chương trình dạy học của các trường đại học uy tín trong nước để ngày càng hoàn thiện chương trình dạy học ngành Ngôn ngữ Anh. Khoa cũng lập các bảng đối sánh CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh với CTĐT tiên tiến của các trường đại học uy tín trong nước **[H3.03.03.12]**.

## *2. Điểm mạnh*

CTDH ngành Ngôn ngữ Anh có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Các học phần trong CTDH được bố trí theo cấu trúc, trình tự logic và có tính tích hợp. Đồng thời, CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật thường xuyên. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước đảm bảo tính linh hoạt, tích hợp và cập nhật. CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các quy định trong CDR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh.

## *3. Điểm tồn tại*

CTDH được thiết kế theo trình tự một cách logic theo các năm học, tuy nhiên thời lượng dành cho các học phần thực tập thực tế so với các học phần lý thuyết chưa nhiều.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Khoa tiếp tục rà soát, điều chỉnh CTDH dựa trên các



khảo sát ý kiến của các bên liên quan nhằm đánh giá một cách toàn diện hơn về hiệu quả triển khai CTDH để kịp thời có những điều chỉnh, cải tiến đáp ứng yêu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng. Bên cạnh đó, Khoa sẽ tập trung chỉ đạo giảng viên thực hiện CTDH thường xuyên cập nhật các nội dung cần phải điều chỉnh nhằm đạt được mục tiêu học phần và các tuyên bố trong CĐR của CTĐT.

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 3**

CTDH của ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT. Khoa Ngoại ngữ chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong CTDH nhằm đảm bảo cho người học được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức chung đến kiến thức chuyên ngành hẹp. Bên cạnh đó, chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho người học. Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức hỗ trợ nghề nghiệp được thiết kế linh hoạt, thuận lợi cho người học trong việc lựa chọn đăng ký học. Nội dung của các học phần phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh trong khu vực và trên thế giới. CTDH thể hiện được năng lực của sinh viên tốt nghiệp. Các cán bộ, giảng viên trong Khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, chú trọng phương pháp dạy học hiện đại, tích cực trong việc truyền đạt kiến thức nhằm trợ giúp tốt hơn cho người học đạt được CĐR. Các học phần chuyên sâu được xây dựng một cách logic, tương hỗ lẫn nhau. Do đó, các kiến thức lý thuyết cũng như ứng dụng và những kỹ năng cần thiết khác được người học lĩnh hội một cách đầy đủ và sâu sắc.

Tuy nhiên, CĐR của một số học phần chưa thực sự rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho giảng viên khi thực hiện và đánh giá học phần.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Ngôn ngữ Anh đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó cả 3 tiêu chí đều đạt 4/7.

## **Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

### ***Mở đầu***

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng. Ngành Ngôn ngữ Anh cũng như nhiều ngành đào tạo khác trong trường Đại học Quy Nhơn chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, xác định triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục rõ ràng dựa trên khảo sát thực tế nhu cầu của người học và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan để làm cơ sở xây dựng và điều chỉnh CTĐT. Phương pháp tiếp cận này còn là định hướng để cho ngành Ngôn ngữ Anh tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp nhằm giúp cho người học đạt được chuẩn đầu ra được tuyên bố trong CTĐT, cũng như sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

***Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.***

#### ***1. Mô tả***

Ngày 13/02/2017, Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn đã ban hành văn bản công bố sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường trong Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN [H4.04.01.01]. Ngoài ra, triết lý giáo dục của Trường cũng đã được soạn thảo và công bố trong Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn [H4.04.01.02], với nội dung “*Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp*”, và đã được triển khai rộng rãi đến toàn thể công chức, viên chức, sinh viên, học viên toàn trường và những người quan tâm thông qua website chính thức của Trường [H4.04.01.03] và của Khoa Ngoại ngữ [H4.04.01.04].

Cụ thể, Triết lý giáo dục của Trường đã được làm rõ như sau. Nội dung “Toàn diện” được xác định theo nghĩa hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội; nội dung “Khai phóng” được xác định theo nghĩa hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng

cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội; nội dung “Thực nghiệp” được xác định theo nghĩa hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp [H4.04.01.02].

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được tuyên bố rõ ràng chính thức trong chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn đến năm 2030 [H4.04.01.05]. Ngoài ra, báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường ĐHQN năm 2016 đã giúp cho cán bộ, giảng viên, người học và xã hội biết đến mục tiêu giáo dục của Nhà trường và qua đó khẳng định vị thế của Nhà trường trong cộng đồng và xã hội [H4.04.01.06].

Trên cơ sở triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục chung, khoa Ngoại ngữ trường Đại học Quy Nhơn đã xác định rõ mục tiêu giáo dục đào tạo của ngành Ngôn ngữ Anh trong tuyên bố chính thức về kế hoạch xây dựng và phát triển khoa Ngoại ngữ giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030 [H4.04.01.07]. Các mục tiêu này đã được cụ thể hóa chi tiết rõ ràng trong CTĐT và đề cương chi tiết các học phần ngành ngôn ngữ Anh nhằm hướng đến việc đào tạo những cử nhân Ngôn ngữ Anh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong các chuyên ngành Kinh tế thương mại, Du lịch và Biên-Phiên dịch và đạt được mức độ tự chủ, trách nhiệm trong việc phát triển khả năng của cá nhân [H4.04.01.08].

Cụ thể, về mặt kiến thức, chương trình nhằm trang bị những kiến thức đại cương về khoa học xã hội và nhân văn cũng như những kiến thức cơ bản của tiếng Anh để làm nền tảng cho việc sử dụng tiếng Anh cho các mục đích giao tiếp hằng ngày và cho công việc cũng như có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn. Về kỹ năng, chương trình trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng tiếng Anh để giao tiếp hiệu quả trong các tình huống thực tiễn và rèn luyện cho sinh viên phát triển khả năng tư duy để sử dụng linh hoạt phù hợp kiến thức về ngôn ngữ Anh trong các lĩnh vực có liên quan như biên phiên dịch, hoạt động nghiệp vụ du lịch, kinh doanh và kinh tế xã hội. Về mức tự chủ và trách nhiệm, chương trình hướng tới việc xây

dựng nhận thức cho sinh viên về ý thức tự học, tự nghiên cứu, hiểu rõ các giá trị và đạo đức nghề nghiệp nhằm phục vụ cho nhu cầu phát triển sự nghiệp của bản thân.

Mục tiêu đào tạo và CĐR về các mặt kiến thức, kỹ năng cũng như mức độ tự chủ, trách nhiệm của người học đã được phổ biến rộng rãi đến sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng và toàn xã hội thông qua website chính thức của Nhà trường và của Khoa Ngoại ngữ [H4.04.01.03], [H4.04.01.04]. Ngoài ra, các mục tiêu đào tạo và CĐR còn được phổ biến theo nhiều cách khác nhau khác cho các bên liên quan.

Đối với sinh viên, hằng năm ngay từ khi sinh viên năm thứ nhất nhập trường đã được tiếp cận triết lí giáo dục của Trường và của Khoa thông qua các tuần sinh hoạt công dân đầu khoá [H4.04.01.09]. Tại đây, các sinh viên còn được giới thiệu về ngành đào tạo và mục tiêu đào tạo của ngành ngôn ngữ Anh và các hoạt động dạy và học của Khoa và Nhà trường [H4.04.01.09]. Ngoài ra, Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên cấp Khoa và cấp trường cũng tổ chức các buổi tọa đàm, đối thoại thông qua các buổi gặp gỡ sinh viên đầu năm học để giúp sinh viên hiểu rõ hơn về vai trò chủ động, tích cực của sinh viên trong quá trình học tập như đã được nêu trong mục tiêu đào tạo của Khoa [H4.04.01.10].

Đối với giảng viên, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT được các giảng viên nắm vững trong quá trình thiết kế CTĐT, lựa chọn những học phần bắt buộc và tự chọn cũng như xây dựng đề cương chi tiết các học phần [H4.04.01.11].

Ngoài ra, Nhà trường và Khoa cũng đã tiến hành khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của người học và của các bên liên quan như nhà tuyển dụng về triết lí giáo dục, hoạt động giảng dạy của trường và khoa cũng như về mục tiêu đào tạo để có những đánh giá khách quan và đáng tin cậy về hoạt động đào tạo [H4.04.01.12]. Kết quả khảo sát đã được tiếp thu và làm cơ sở cho việc rà soát và điều chỉnh CTĐT cho phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn.

## *2. Điểm mạnh*

Triết lí giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn được công bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan qua nhiều kênh khác nhau.

Mục tiêu, CĐR chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh đã được công bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi tới người học, giảng viên, người sử dụng lao động và cộng đồng xã hội, đồng thời có khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng với mục tiêu giáo dục có vai trò rất quan trọng, tuy nhiên, công tác này còn giới hạn ở một số tỉnh thuộc khu vực Nam Trung Bộ, chưa đến được đông đảo các nhà tuyển dụng ở các khu vực khác.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Khoa Ngoại ngữ phối hợp với các phòng ban có liên quan sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc quảng bá thông tin, tăng cường việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ phía các nhà tuyển dụng ở nhiều khu vực để xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, CDR CTĐT cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.***

#### *1. Mô tả*

Từ năm học 2010-2020, Nhà trường thực hiện chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ. Do vậy, CTĐT của ngành Ngôn ngữ Anh cũng được xây dựng theo hướng phù hợp với quy chế mới [H4.04.02.01], [H4.04.02.02], [H4.04.02.03], [H4.04.02.04], [H4.04.02.05].

Các hoạt động dạy và học trong khuôn khổ chương trình được thiết kế và xây dựng nhằm đạt được CDR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Chương trình được xây dựng bao gồm ba chuyên ngành: Tiếng Anh Du lịch, Tiếng Anh Kinh tế, Tiếng Anh Biên – Phiên dịch. Chương trình đào tạo giúp người học có kiến thức nền tảng về ngôn ngữ Anh, văn hóa xã hội và văn học Anh – Mỹ; người học còn được trang bị những kiến thức cần thiết về lý luận và thực tiễn giao tiếp, tác nghiệp bằng tiếng Anh. Chương trình có tính ứng dụng cao khi sinh viên được rèn luyện, trau dồi các kỹ năng mềm cá nhân, làm việc theo nhóm, quản lý và lãnh đạo, cũng như khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề, khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức, năng lực sáng tạo, tự chủ, trách nhiệm trong việc phát triển nghề nghiệp. Chương trình còn trang bị toàn diện về cả kiến thức chuyên môn, ngôn ngữ và văn hóa Anh, Mỹ lẫn các kỹ năng tiếng Anh; được bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp và tác phong

chuyên nghiệp, sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có thể tự tin làm việc trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề ở môi trường làm việc trong nước và quốc tế.

Cụ thể, chương trình chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch trang bị cho sinh viên các hoạt động và điều kiện để đảm trách công việc của nhân viên điều phối du lịch, hướng dẫn viên du lịch trong các doanh nghiệp lữ hành; chương trình Tiếng Anh Kinh tế trang bị cho sinh viên các hoạt động và điều kiện để thực hành công việc điều phối viên, trợ lý dự án, nhân viên văn phòng trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, doanh nghiệp; và chương trình Tiếng Anh Biên – Phiên dịch trang bị cho sinh viên các hoạt động và điều kiện để thực hành công việc phiên dịch, cộng tác, tư vấn và hợp tác quốc tế trong các trung tâm dịch thuật, văn phòng công chứng, văn phòng tư vấn. Đặc biệt, chương trình phát huy tối đa khả năng năng động, sáng tạo của sinh viên; giúp sinh viên có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập. Nội dung chương trình còn đáp ứng được những yêu cầu về CDR về Ngoại ngữ 2, Tin học và Giáo dục quốc phòng [H4.04.02.04], [H4.04.02.05].

Giảng viên của Khoa đã chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy, chẳng hạn sử dụng thuyết trình kết hợp với vấn đáp gợi mở, thảo luận và làm việc nhóm liên hệ thực tế sinh động để làm sâu sắc thêm bài giảng, giao bài tập, chủ đề nghiên cứu để rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tăng mức độ tự chủ và tính trách nhiệm cho sinh viên [H4.04.02.05].

Trên cơ sở kế hoạch chung của Nhà trường, hàng năm Khoa Ngoại ngữ khuyến khích, động viên các nhóm sinh viên có năng lực chuyên môn vững vàng và có niềm say mê tìm tòi khám phá tham gia các đề tài NCKH sinh viên [H4.04.02.06]. Một số đề tài NCKH sinh viên của Khoa có chất lượng chuyên môn tốt đã được chọn tham gia nghiệm thu đề tài NCKH sinh viên cấp cao hơn [H4.04.02.07].

Nhằm giúp sinh viên có cơ hội tiếp xúc, làm quen với kỹ năng và nghiệp vụ tiếng Anh phiên - biên dịch, kinh tế và du lịch sau khi tốt nghiệp, CTĐT của ngành có cấu trúc phù hợp giữa các học phần chung, học phần khoa học và học phần nghiệp vụ [H4.04.02.05]. Sinh viên được học, thực hành và tiếp xúc với các vấn đề liên quan đến chuyên ngành đào tạo. Sinh viên năm cuối được cho đi thực tế (học kỳ 8) để tìm hiểu thực tế về công việc du lịch, biên – phiên dịch sử dụng tiếng Anh

[H4.04.02.08]. Cuối mỗi đợt đi thực tế, sinh viên bắt buộc phải viết báo cáo thu hoạch và những đề xuất và đồng thời Nhà trường có những đánh giá sơ bộ về đợt thực tế và đánh giá về khả năng đáp ứng yêu cầu công tác thực tiễn của sinh viên sau khi tốt nghiệp [H4.04.02.09]. Đồng thời, Khoa cũng đã phối hợp với phòng ban có liên quan khảo sát ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên, nhà tuyển dụng để giúp cho Khoa có thêm cơ sở đánh giá về chất lượng đào tạo của ngành [H4.04.02.10].

Bên cạnh đó, nhằm đánh giá và nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên, Nhà trường tiến hành song song nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng giảng viên theo định kỳ hàng tháng, đồng thời thực hiện lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên từ người học trong từng học kỳ cũng như cả năm học thông qua website đào tạo tín chỉ [H4.04.02.11].

### 2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy và học của các học phần đã đáp ứng tốt tiêu chí đề ra, đội ngũ giảng viên của Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức cũng như kỹ năng kinh nghiệm nhằm tạo điều kiện tốt nhất giúp sinh viên lĩnh hội các kiến thức chuyên môn cũng như nghề nghiệp.

Ngoài ra, Khoa cũng đã tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo, tự chủ, trách nhiệm của người học nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo chung của ngành.

### 3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, cơ sở vật chất trang thiết bị vẫn còn chưa đáp ứng kịp với nhu cầu hiện đại hóa phương pháp giảng dạy, chất lượng đầu vào không đồng đều tạo nên những rào cản nhất định, ảnh hưởng đến các hoạt động dạy và học.

Sinh viên năm cuối được cho đi thực tế (học kỳ 8) để tìm hiểu thực tế về công việc du lịch, biên – phiên dịch sử dụng tiếng Anh mới bắt đầu từ khóa 39.

### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa chú trọng công tác hoàn thiện, cải tiến CTĐT theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn; kiến nghị Nhà trường hiện đại hóa trang thiết bị phục vụ dạy học cũng như đẩy mạnh công tác tuyển sinh nhằm cải tiến chất lượng sinh viên đầu vào; phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức

các hoạt động ngoại khóa về nghiệp vụ, các hoạt động hỗ trợ kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

Đặc biệt, Khoa sẽ liên tục đảm bảo 100% sinh viên năm cuối được cho đi thực tế (học kỳ 8) để tìm hiểu thực tế về công việc du lịch, biên – phiên dịch sử dụng tiếng Anh và có điều kiện thực tập chuyên ngành mình đang theo học.

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

***Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.***

*1. Mô tả*

Các hoạt động từ dạy và học lý thuyết đến thực hành, hoạt động NCKH, bài tập nhóm, thảo luận, đi thực tập thực tế cơ sở đều dựa trên mục tiêu đặt ra là hình thành khả năng nhận biết, phân tích, tổng hợp, đánh giá một vấn đề trong thực tiễn, từ đó hình thành cho người học khả năng tư duy phân biện, khả năng lập kế hoạch một vấn đề nào đó. Do vậy CTĐT, bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần đều trải qua nhiều lần chỉnh sửa nhằm đạt được mục tiêu trên [H4.04.03.01], [H4.04.03.02]. CTĐT hướng đến việc trang bị kiến thức nền tảng về ngôn ngữ Anh, văn hóa xã hội và văn học Anh – Mỹ một cách căn bản làm cơ sở chuẩn bị cho việc phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cũng như có khả năng tiếp tục nghiên cứu ở bậc học cao hơn. Về kỹ năng, CTĐT giúp cho sinh viên có những kiến thức cần thiết về lý luận và thực tiễn giao tiếp, tác nghiệp bằng tiếng Anh; hơn nữa, sinh viên được rèn luyện, trau dồi các kỹ năng mềm cá nhân, làm việc theo nhóm, quản lý và lãnh đạo, cũng như khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề, khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức, năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp [H4.04.03.01].

Các hoạt động học tập đa dạng giúp sinh viên hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể [H4.04.03.02]. Hoạt động NCKH cũng như thực hiện khóa luận tốt nghiệp đòi hỏi sinh viên phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể, giúp cho sinh viên có khả năng diễn đạt kiến thức, tìm tòi tài liệu, trình bày suy nghĩ của mình và phản biện lẫn nhau, từ đó tạo ra sự say mê học hỏi, tăng hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng



học tập suốt đời cho sinh viên [H4.04.03.03], [H4.04.03.04], [H4.04.03.05], [H4.04.03.06].

Khoa thường xuyên mời các chuyên gia trong nước và nước ngoài có trình độ cao và tâm huyết về giảng dạy hoặc trao đổi khoa học, tạo nên một tinh thần cởi mở, phản biện và học hỏi lẫn nhau trong khoa học [H4.04.03.07].

Sinh viên được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học [H4.04.03.07]. Nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong Trường, Khoa tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học [H4.04.03.08], [H4.04.03.09], [H4.04.03.10].

Đội ngũ giảng viên luôn tích cực tìm tòi học hỏi trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau để nâng cao chất lượng bài giảng của mình, sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Để giúp cho giảng viên có thông tin phản hồi, Nhà trường và Khoa thường xuyên tổ chức các đợt tương tác giữa hoạt động dạy và học. Do vậy, lấy ý kiến phản hồi của sinh viên và nhà tuyển dụng là một việc cần thiết và không thể thiếu, được thực hiện hằng năm [H4.04.03.10], [H4.04.03.11], [H4.04.03.12], [H4.04.03.13]. Trường còn ưu tiên và khuyến khích các đề tài khoa học và công nghệ với nội dung đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của sinh viên [H4.04.03.14].

## *2. Điểm mạnh*

Các hoạt động dạy và học được thiết kế đa dạng góp phần tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Sự phối hợp hành động từ các bên: Nhà trường, Khoa chú trọng tạo điều kiện cho người học tham gia các hoạt động mang tính chuyên môn; giảng viên tích cực tham gia hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên; người học nỗ lực và tích cực tham gia hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp đã góp phần tạo môi trường thuận lợi cho sinh viên rèn luyện kỹ năng, kiến thức cần thiết chuẩn bị cho nghề nghiệp sau này.

## *3. Điểm tồn tại*

Các hoạt động dạy và học có khả năng củng cố mức độ tự chủ và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho sinh viên như hoạt động nhóm trong lớp bị hạn chế vì

đa số phòng học, cơ sở vật chất trong trường được thiết kế không linh hoạt cho việc di chuyển, không tạo điều kiện cho việc áp dụng các hoạt động dạy học này.

Số lượng sinh viên trong một lớp học quá đông nên nhiều học phần chưa phát huy được sự tự giác và tính tích cực của sinh viên trong quá trình tương tác với giảng viên.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, tùy theo điều kiện cụ thể Khoa yêu cầu các giảng viên bổ sung thêm tiêu chí “khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch” vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên.

Với các học phần có tính thực hành, bài tập nhóm, Khoa cũng đề xuất với Nhà trường bố trí phòng học bàn ghế có thể di chuyển và giảm số lượng sinh viên trên một lớp tín chỉ xuống mức 30 sinh viên để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tương tác giữa giảng viên và sinh viên.

#### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 4**

Các hoạt động dạy và học là công tác trọng tâm luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của tập thể Khoa Ngoại ngữ. Vì là một khâu quan trọng nên Khoa đã thường xuyên khảo sát, cập nhật và điều chỉnh để cải tiến hơn nữa chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Nhìn chung, dưới sự nỗ lực của Khoa, chất lượng CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh đã đạt được những điểm nhấn đáng chú ý. Về mặt tổng quan, triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của CTĐT đã được xác định rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan (người dạy, người học, người tuyển dụng) thông qua nhiều kênh khác nhau: bản mô tả CTĐT; website chính thức của Khoa; các hoạt động ngoại khóa, hội thảo; các kênh hỗ trợ sinh viên như Đoàn thành niên, Hội sinh viên. Trên tinh thần đó, tập thể cán bộ giảng dạy của Khoa cũng thường xuyên trau dồi kiến thức chuyên môn đồng thời tiếp cận phương pháp giảng dạy mới, từ đó góp phần cải thiện chất lượng của công tác dạy và học. Đồng thời, thông qua nhiều hình thức hoạt động khác nhau (NCKH sinh viên; hoạt động ngoại khóa chuyên môn: hội thảo

khoa học, bài giảng đại chúng và các hoạt động hỗ trợ sinh viên khác), CTĐT cũng góp phần đáng kể thúc đẩy tinh thần tự học và học tập suốt đời.

Tuy nhiên, mặc dù Khoa đã có sự nỗ lực đáng kể, vẫn còn tồn tại những điểm cần được cải tiến thêm để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Công tác khảo sát thực tế cũng như lấy ý kiến của các bên liên quan vẫn cần phải được cải thiện thêm. Thêm nữa, một số khó khăn về chất lượng sinh viên đầu vào, về cơ sở vật chất cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo, cho nên CTĐT cũng cần được cải tiến sao cho phù hợp hơn với tình hình mới.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Ngôn ngữ Anh đã đạt được 3/3 tiêu chí trong đó có 01 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 02 tiêu chí đạt 4/7.

## **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

### ***Mở đầu***

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong quá trình dạy học. Kết quả đánh giá cung cấp cho các bên liên quan về mức độ đạt được của người học so với chuẩn đầu ra của CTĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh được thực hiện thông qua việc đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ trong suốt khóa học nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần và CTĐT. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá đảm bảo sự đa dạng, độ giá trị, tin cậy, sự công bằng, đồng thời mức độ hiệu quả của các phương pháp kiểm tra đánh giá được giảng viên ghi chép lại để làm cơ sở đánh giá, cải tiến hoặc thử nghiệm các phương pháp mới. Người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

***Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học phải được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của chuẩn đầu ra.***

### ***1. Mô tả***

Việc đánh giá kết quả học tập của người học là một khâu quan trọng của công tác đào tạo. Cơ sở đầu tiên cho việc đánh giá là dựa trên CDR của ngành Ngôn

ngữ Anh, được công bố công khai trên website Trường để người học được tiếp cận và tìm hiểu trước khi tham gia học [H5.05.01.01], [H5.05.01.02].

Việc xác định mức độ đáp ứng CDR của mỗi khóa học cũng được chú trọng. Trong đó, chất lượng sinh viên đầu vào là một căn cứ xác định mức độ đáp ứng của CDR, được đánh giá đầu tiên dựa vào điểm chuẩn tuyển sinh của ngành và phổ điểm trúng tuyển [H5.05.01.03]. Khi nhập học, Khoa tổ chức đón tiếp sinh viên và thu thập chi tiết hơn dữ liệu đầu vào của sinh viên nhằm điều chỉnh kế hoạch (nếu cần thiết) cho việc đảm bảo chất lượng đào tạo theo CDR [H5.05.01.04].

Trước mỗi năm học, Nhà trường tổ chức thảo luận, thống nhất và ban hành kế hoạch đào tạo, trong đó quy định thời điểm cụ thể cho các lần đánh giá kết quả học tập của người học và công bố công khai trên website của Trường và thông báo đến các lớp được biết [H5.05.01.05], [H5.05.01.06].

Nhà trường đã xây dựng hệ thống văn bản quy định việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, bao gồm: Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ, Quy định tổ chức và quản lý thực tập [H5.05.01.07], [H5.05.01.08], [H5.05.01.09]. Các quy định này được cập nhật và thông báo công khai cho người học trên website của Nhà trường, Khoa và Sổ tay sinh viên [H5.05.01.10], [H5.05.01.11].

Sinh viên được biết các quy định về kiểm tra đánh giá để điều chỉnh phương pháp học tập của mình trong quá trình học, các quy định đó được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần và được thay đổi cho phù hợp với thực tế [H5.05.01.10].

Trong quá trình đào tạo, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập bao gồm: kiểm tra đánh giá liên tục trong quá trình học tập; thi kết thúc học phần hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp. Đề cương các học phần trong CTĐT đều nêu rất rõ mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Các mục tiêu, yêu cầu này đều được tổ bộ môn thảo luận, thống nhất dựa trên các mức độ đáp ứng CDR [H5.05.01.12]. Những yêu cầu này chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của người học theo ba mức độ: thấp (L), trung bình (M), cao (H) tương ứng theo thang bậc: biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá. Từ mục tiêu của học phần, giảng viên xác định các nội dung cần kiểm tra, đánh giá, các cách thức kiểm tra đánh giá và những yêu cầu cụ thể việc kiểm tra

đánh giá phù hợp với CĐR của học phần. Phương pháp đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng: bài tập cá nhân, bài tập nhóm đối với đánh giá giữa kỳ; tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, tiểu luận học phần đối với đánh giá cuối kỳ và được quy định trong các đề cương chi tiết học phần [H5.05.01.10]. Việc tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đánh giá tốt nhất theo cả ba mức độ đạt được CĐR của người học: thấp (L), trung bình (M), cao (H). Cụ thể, trắc nghiệm phù hợp với đánh giá các mức độ biết, hiểu; tự luận thường dùng để đánh giá khả năng hiểu, vận dụng, phân tích, và tổng hợp và vấn đáp đánh giá rất tốt việc am hiểu kiến thức nền tảng của người học. Tất cả đề thi kết thúc học phần đều được trưởng bộ môn xem xét, phê duyệt dựa trên khả năng đánh giá theo các mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp của người học và so sánh đối chiếu mức độ đạt được của CĐR [H5.05.01.13].

Riêng với học phần thực tập thực tế, giảng viên phụ trách hướng dẫn đánh giá sinh viên theo quy định nhằm đảm bảo cả ba chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đã được nêu trong CTĐT [H5.05.01.09].

Để có đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên cần đạt điều kiện cần theo yêu cầu của Nhà trường [H5.05.01.13], [H5.05.01.14]. Đề tài khóa luận tốt nghiệp phải phù hợp với định hướng chuyên môn của khung CTĐT và có tính ứng dụng cao. Khóa luận tốt nghiệp đều có quy định cụ thể về quy cách trình bày, tiêu chí đánh giá. Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp được thành lập theo đúng quy định, tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng đảm bảo độ tin cậy, công bằng đối với sinh viên. Đối với đánh giá khóa luận tốt nghiệp, các yêu cầu cụ thể về ý thức, thái độ, ý nghĩa đề tài và phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu được đặt ra đối với khóa luận [H5.05.01.07], [H5.05.01.15].

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có hệ thống các văn bản quy định, kế hoạch rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mục tiêu và đo được CĐR của CTĐT.

Các quy định, tài liệu về đánh giá kết quả học tập của người học đều căn cứ vào các mức độ đạt được của CĐR. Tất cả các đề thi của các học phần đều được các Bộ môn xem xét từng câu hỏi để đánh giá người học theo ba mức độ: thấp (L),

trung bình (M), cao (H) tương ứng theo thang bậc: biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá.

Đối với các học phần thực tập, có đánh giá người học từ các giảng viên hướng dẫn, đánh giá kết quả thực tập của sinh viên về các tiêu chí như thái độ nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng hành nghề, sự tuân thủ quy tắc nghề và kỹ năng nghiên cứu.

### *3 . Điểm tồn tại*

Mặc dù chú trọng thiết kế việc đánh giá kết quả học tập theo các thang bậc cao của CĐR đối với các học phần chuyên ngành, nhưng chưa thống kê phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó một cách định lượng để phân loại và đánh giá kết quả học tập của sinh viên một cách chính xác.

CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm hầu như chỉ được đánh giá thông qua 10% điểm chuyên cần, hoặc ở một số học phần trực tiếp đề cập đến mức tự chủ và trách nhiệm thực hành nghề như rèn luyện nghiệp vụ và thực tập.

### *4 . Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường và Khoa tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, trắc nghiệm nhằm đáp ứng CĐR; Khoa sẽ tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi, đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi theo CĐR.

Việc đánh giá CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm vẫn dựa trên tiêu chí 10% điểm chuyên cần. Từ năm học 2020 - 2021, Khoa sẽ cập nhật chương trình, điều chỉnh đánh giá kết quả học tập dựa trên toàn bộ quá trình học tập, và sẽ thông báo cho sinh viên ngay từ khi bắt đầu học phần.

### *5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí 4/7.*

***Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.***

#### *1. Mô tả*

Nhằm giúp cho việc đánh giá kết quả học tập của người học theo các mức độ đạt được của CĐR tốt nhất, Khoa và Nhà trường đã xây dựng các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học rất rõ ràng. Các quy định này bao gồm Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế

tín chỉ [H5.05.02.01], Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.02.02], Quy định tổ chức và quản lý thực tập [H5.05.02.03], Quy định về việc giao đồ án tốt nghiệp cho sinh viên cuối khóa hệ chính quy [H5.05.02.04]. Các quy định này và đề cương chi tiết các học phần được thông báo công khai cho người học trên website của Nhà trường [H5.05.02.05], Khoa [H5.05.02.06], Sổ tay sinh viên [H5.05.02.07].

Ngoài ra, các quy định về phương thức kiểm tra, đánh giá học phần, các thành phần điểm và trọng số tương ứng, thời điểm kiểm tra cũng được quy định rõ ràng trong các Đề cương chi tiết các học phần của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh [H5.05.02.08]. Cụ thể, điểm đánh giá học phần bao gồm 03 cột điểm, trong đó điểm chuyên cần chiếm trọng số 10%, điểm đánh giá quá trình học tập chiếm trọng số 30% và điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 60% [H5.05.02.02], [H5.05.02.08].

Đối với khóa luận tốt nghiệp đại học, Nhà trường và Khoa cũng đã có các quy định rõ ràng về điều kiện cần để viết khóa luận tốt nghiệp, quy định về đơn đăng kí làm khóa luận tốt nghiệp, quy định cách trình bày nội dung khóa luận tốt nghiệp, quy trình chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu nhận xét của giảng viên hướng dẫn, giảng viên phản biện. Cách tính điểm của học phần khóa luận tốt nghiệp cụ thể như sau: Điểm đánh giá khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm các thành viên hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp, điểm của giảng viên hướng dẫn và điểm của giảng viên phản biện [H5.05.02.04], [H5.05.02.09].

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) cũng được Khoa và Nhà trường triển khai, thông báo công khai tới người học. Ngay từ khi nhập học, Nhà trường, Khoa bố trí lịch sinh hoạt công dân đầu khóa cho sinh viên và chào tân sinh viên, qua đó phổ biến các nội dung liên quan đến các quy định, công bố mục tiêu và các CDR của ngành đào tạo, hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch học tập phù hợp nhằm đáp ứng các CDR đã được công bố [H5.05.02.10].

Thời gian thi kết thúc học phần do Phòng Đào tạo Đại học lên kế hoạch và được Nhà trường phê duyệt sau đó được công bố cho sinh viên ngay từ đầu năm học [H5.05.02.11]. Cuối mỗi học kỳ, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng lập kế

hoạch thi và thông báo cho sinh viên biết thông qua tài khoản cá nhân ít nhất là 2 tuần trước khi kỳ thi bắt đầu [H5.05.02.12]. Trợ lý khoa nhập điểm chuyên cần và giữa kỳ (chậm nhất 10 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy của học phần) và công bố công khai cho người học thông qua trang web của trường [H5.05.02.13]. Người học được quyền phản hồi nếu điểm nhập sai bằng việc viết đơn đề nghị điều chỉnh điểm theo đúng quy trình [H5.05.02.01].

Bên cạnh đó, cơ chế phản hồi điểm thi kết thúc học phần cũng quy định rõ ràng. Bảy ngày sau khi thi, sinh viên được báo kết quả thi qua tài khoản cá nhân. Nếu kết quả chưa tương xứng với bài làm, sinh viên có quyền phản hồi bằng việc viết đơn đề nghị phúc khảo. Trợ lý học tập tiếp nhận và thông tin lại cho giảng viên tiến hành rà soát và phản hồi lại cho sinh viên [H5.05.02.01].

Với mục tiêu đảm bảo chất lượng đào tạo, Nhà trường đã ban hành Quy định CĐR ngoại ngữ [H5.05.02.14], tin học [H5.05.02.15] đối với sinh viên đại học hệ chính quy và thông báo đến toàn bộ sinh viên được biết. Theo đó, khi được công nhận tốt nghiệp bậc đại học hệ chính quy, sinh viên phải đạt chuẩn bậc 5 cho chuyên ngành tiếng Anh và bậc 3 ngoại ngữ 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc các chứng chỉ tương đương, CĐR tin học theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

## *2. Điểm mạnh*

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh thông tin, do vậy giúp người học hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

Kết quả học tập của sinh viên được phản hồi nhanh chóng vào tài khoản cá nhân của từng sinh viên, giúp sinh viên chủ động trong lập kế hoạch học tập, học cải thiện.

## *3. Điểm tồn tại*

Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trong đề cương học phần, được giảng viên phổ biến trực tiếp vào đầu kì học, được đăng tải trên trang web của Nhà trường, tuy nhiên việc phối hợp các kênh triển khai còn chưa thật sự đồng bộ.

## *4. Kế hoạch hành động*



Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ tăng cường sử dụng website để đăng tải thường xuyên các hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong tiến trình học cho người học chủ động học tập và nghiên cứu. Nhà trường, Khoa và các bộ môn tiếp tục phối hợp thực hiện tốt hơn nữa quy định về đánh giá kết quả học tập của người học và thông báo đồng bộ các kênh công khai cho người học.

*5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí 4/7.*

***Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.***

*1. Mô tả*

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được xác định cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ [H5.05.03.01], Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.03.02], Quy định tổ chức và quản lý thực tập [H5.05.03.03], Quy định về việc giao khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên cuối khóa hệ chính quy [H5.05.03.04].

Hình thức thi kết thúc học phần đa dạng, đáp ứng mục tiêu học phần, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, bao gồm thi viết (tự luận, trắc nghiệm), vấn đáp, làm bài tập lớn, thuyết trình hoặc kết hợp giữa các hình thức trên và được quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần [H5.05.03.05] và quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.03.01]. Đề thi tự luận hay trắc nghiệm đều phải đảm bảo kiểm tra được kiến thức, kỹ năng cơ bản của học phần, đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo. Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch thi, chọn và in sao đóng gói đề thi giao cho khoa quản lý học phần tổ chức coi thi, làm phách, chấm thi, lên điểm và nhập điểm thi, quy trình thực hiện theo đúng quy chế [H5.05.03.01], [H5.05.03.06].

Để đảm bảo tính khách quan, công bằng trong công tác chấm bài thi, mỗi bài thi đều do hai cán bộ chấm thi độc lập, thực hiện như quy chế chấm thi tuyển sinh, bảng điểm mỗi học phần, ngoài hai giảng viên chấm thi, đều có ký xác nhận của Trưởng bộ môn, Trưởng khoa [H5.05.03.01]. Trợ lý khoa quản lý học phần ráp

phách và lên bảng điểm học phần cho các học phần thi viết. Các bài thi vấn đáp, đồ án, thực hành được chấm bởi hai giảng viên. Người học được quyền phản hồi nếu điểm nhập sai bằng việc viết đơn đề nghị điều chỉnh điểm theo đúng quy trình [H5.05.03.07]. Nhà trường tổ chức thanh tra tất cả các khâu từ in sao, quản lý đề thi, coi thi, chấm thi, nhập điểm, kiểm tra tính chính xác của việc lên điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần [H5.05.03.08].

Các học phần trong CTĐT trình độ đại học được đánh giá qua 03 cột điểm, trong đó điểm chuyên cần chiếm trọng số 10%, điểm đánh giá quá trình học tập chiếm trọng số 30% và điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 60% [H5.05.03.01]. Với khóa luận tốt nghiệp, Khoa thực hiện theo Quy định về việc giao khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên cuối khóa hệ chính quy, quy trình chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu nhận xét của giảng viên hướng dẫn, giảng viên phản biện. Việc chấm khóa luận tốt nghiệp có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, khung lý thuyết, phương pháp sử dụng và kết quả thực tiễn. Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá khóa luận tốt nghiệp. Cách tính điểm của học phần khóa luận tốt nghiệp cụ thể như sau: Điểm đánh giá khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm các thành viên hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp, điểm của giảng viên hướng dẫn và điểm của giảng viên phản biện [H5.05.03.04], [H5.05.03.09].

Ngoài ra, cuối mỗi kỳ thi học kỳ, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tổ chức thi kết thúc học phần, tổng hợp ý kiến về CTĐT và hoạt động giảng dạy của giảng viên qua đó xác định phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng và đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề [H5.05.03.10], [H5.05.03.11].

## 2. Điểm mạnh

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên đa dạng: kiểm tra viết, vấn đáp, bài tập lớn, khóa luận, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình đã giúp việc đánh giá theo các mức độ CDR hiệu quả hơn.

Đề thi đảm bảo độ tin cậy được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá.

Tổ chức họp tổng kết rút kinh nghiệm nhằm đảm bảo phương pháp, quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên tin cậy và công bằng.

### *3. Điểm tồn tại*

Hình thức thi trắc nghiệm chỉ mới được triển khai ở một số học phần. Nhà trường, Khoa chưa xây dựng được ngân hàng đề thi học phần.

Công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện, do đó chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường sẽ ban hành quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, trắc nghiệm nhằm đảm bảo tính chính xác và công bằng hơn trong đánh giá kết quả người học;

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ xây dựng ngân hàng đề thi, tổ chức thống kê, phân tích định lượng kết quả thi nhằm đánh giá mức độ phù hợp của đề thi.

### *5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí 4/7.*

***Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.***

#### *1. Mô tả*

Kết quả học tập của người học được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến giảng viên và người học qua nhiều kênh khác nhau như: thông tin trực tiếp đến sinh viên, thông tin trên trang web của Trường, qua tài khoản của người học để người học có phản hồi và cải thiện việc học tập [H5.05.04.01]. Kết quả đánh giá chuyên cần và giữa kỳ, giảng viên thông báo cho sinh viên ngay khi kết thúc học phần. Thông qua tài khoản cá nhân của mình, sinh viên có thể truy cập các điểm thành phần của các học phần và kết quả học tập của mình [H5.05.04.02]. Các kết quả học tập của sinh viên như điểm chuyên cần, điểm kiểm tra, điểm thi được trợ lý học tập của Khoa cập nhật lên phần mềm quản lý đào tạo chậm nhất 2 tuần sau khi kết thúc kỳ thi. Kết quả học tập của người học được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình học tập của người học, rõ ràng, có thể tiếp cận, tra cứu dễ dàng [H5.05.04.03].

Ngay khi nhận được kết quả học tập, sinh viên có quyền gửi đơn đề nghị xem lại các điểm thành phần, nếu phát hiện có sai sót trong khâu nhập điểm so với

kết quả mà giảng viên đã công bố hoặc đề nghị phúc khảo bài thi kết thúc học phần nếu thấy kết quả chưa tương xứng với bài làm của mình [H5.05.04.04]. Trợ lý học tập báo lại trưởng bộ môn các trường hợp phúc khảo và giải quyết, phản hồi lại cho sinh viên trong vòng 7 ngày [H5.05.04.03], [H5.05.04.04].

Trong mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá kết quả học tập của sinh viên nhằm tuyên dương, khen thưởng các em có thành tích xuất sắc [H5.05.04.05], đồng thời cảnh báo hoặc ngưng tiến độ học tập đối với các sinh viên có kết quả học tập không đạt yêu cầu [H5.05.04.06]. Các trường hợp bị cảnh báo hoặc ngưng tiến độ, Nhà trường phối hợp với Khoa thông báo đến phụ huynh được biết, đồng thời hỗ trợ các em cải thiện kết quả học tập trong học kỳ thứ 3 (học kỳ phụ) của các năm học [H5.05.04.07], [H5.05.04.08].

Kết quả học tập của người học được Trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở các đơn vị quản lý đào tạo và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường và được sao lưu định kỳ [H5.05.04.03]. Điều này giúp hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi.

Trong mỗi học kỳ, Phòng Thanh tra – Pháp chế đều kiểm tra khâu lên điểm, ráp phách và nhập điểm vào phần mềm và lập biên bản có xác nhận của Khoa và phòng Thanh tra – Pháp chế [H5.05.04.09].

Việc phản hồi kịp thời kết quả học tập cũng giúp sinh viên chủ động trong kế hoạch học tập của mình như cải thiện kết quả học tập, vượt tiến độ chung, xin nghỉ học tạm thời và có các hướng dẫn thủ tục đăng ký cụ thể [H5.05.04.10].

Kết hợp việc đánh giá mức độ hài lòng của người học về phản hồi kết quả học tập với các mục tiêu đào tạo khác, Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đại học hệ chính quy hàng năm về hoạt động giảng dạy của giảng viên vào cuối mỗi học kỳ theo “Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên Trường ĐHQN” [H5.05.04.11]. Nhằm tạo điều kiện cho tất cả sinh viên được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên ở tất cả các học phần, từ năm học 2013 –2014 đến nay, Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên bằng hình thức trực tuyến trên website [H5.05.04.12].

Sau mỗi đợt khảo sát, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tổng hợp dữ liệu, xử lý và báo cáo kết quả phản hồi của sinh viên cho lãnh đạo Nhà trường và các khoa nhằm nắm bắt tình hình giảng dạy của giảng viên, giúp giảng viên có những điều chỉnh, cải tiến góp phần nâng cao chất lượng dạy học [H5.05.04.13].

Hàng năm, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tổ chức khảo sát ý kiến sinh viên năm cuối về chất lượng ngành đào tạo, trong đó có tiêu chí đánh giá việc công bố, phản hồi kết quả học tập của sinh viên kịp thời, đúng quy định không [H5.05.04.14]. Kết quả khảo sát hàng năm cho thấy sinh viên được khảo sát hài lòng với việc công bố, phản hồi kết quả học tập của sinh viên kịp thời, đúng quy định [H5.05.04.15].

### *2. Điểm mạnh*

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Trong quá trình học tập, sinh viên được tạo điều kiện trao đổi với CVHT, giảng viên bộ môn, và Trợ lý học tập của Khoa.

Sinh viên được cấp tài khoản riêng, đảm bảo việc thông báo kết quả học tập nhanh chóng, tiện lợi và riêng tư.

Trường, Khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ, hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp kết quả học tập, văn bằng tốt nghiệp. Hệ thống văn bằng được cấp đúng quy định, sổ cấp văn bằng rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc công bố điểm thi kết thúc học phần cho sinh viên đôi khi còn chậm. Điều này ảnh hưởng đến quyết định đăng ký học phần, kế hoạch học tập của sinh viên, đặc biệt đối với sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp.

### *4. Kế hoạch hành động*

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định về thông tin, lưu trữ kết quả học tập của sinh viên một cách đầy đủ, chính xác và an toàn.

Lãnh đạo khoa sẽ thúc đẩy công tác chấm thi và công bố điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng thời hạn quy định.

### *5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.***

***1. Mô tả***

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập được Nhà trường quy định cụ thể trong ”Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” [H5.05.05.01]. Quy trình này được phổ biến cho sinh viên một cách cụ thể như sau.

Các quy trình và hình thức khiếu nại được triển khai cho sinh viên ngay sau khi sinh viên nhập học, thông qua Sổ tay sinh viên, các tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và các giờ sinh hoạt lớp trong giai đoạn trước khi bước vào kì thi kết thúc học phần [H5.05.05.02]. Trong quá trình học tập, người học được quyền kiểm tra, phúc khảo điểm thi trong vòng 7 ngày kể từ khi công bố điểm theo mẫu quy định của Nhà trường nếu thấy kết quả chưa tương xứng với bài thi, bài kiểm tra của mình [H5.05.05.03]. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày nhận đơn, Khoa tiếp nhận đơn của sinh viên phải thông báo kết quả cho sinh viên [H5.05.05.03].

Đối với điểm chuyên cần và giữa kỳ, sinh viên khiếu nại trực tiếp với giảng viên giảng dạy học phần đó ngay khi công bố điểm trước lớp. Nếu thấy điểm trên phần mềm không khớp với điểm đã công bố trước lớp thì sinh viên làm đơn gửi về Văn phòng Khoa đề nghị xem xét lại. Theo đó, trong 5 năm gần đây, không có trường hợp nào khiếu nại về điểm chuyên cần và giữa kỳ.

Đối với điểm thi kết thúc học phần, người học nếu thấy kết quả thi không tương xứng với bài làm của mình thì làm đơn theo mẫu gửi về Văn phòng Khoa đề nghị kiểm tra lại bài thi [H5.05.05.03]. Sau khi tiếp nhận đơn của sinh viên, Khoa sẽ phối hợp với giáo viên để giải quyết cho sinh viên theo quy định.

Đối với việc phúc khảo bài thi, Khoa phân công 02 giám khảo chấm phúc khảo bài thi một cách độc lập, lập biên bản chấm phúc khảo bài thi. Trường hợp phải điều chỉnh điểm thi, Khoa gửi biên bản, phiếu điều chỉnh điểm học phần, bảng điểm gốc về phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, phòng Đào tạo đại học để điều chỉnh điểm thi. Kết quả học tập của người học được Khoa và Nhà trường thông báo công khai và kịp thời tới người học thông qua tài khoản của người học trên trang tín chỉ của Nhà trường [H5.05.05.03] để người học có phản hồi và khiếu nại kết quả học tập.

Đối với điểm trung bình chung học tập năm học, sau mỗi học kỳ, sinh viên đều được in bảng điểm để đối chiếu và có quyền khiếu nại khi có sai sót.

### *2. Ưu điểm*

Quy trình khiếu nại được công bố công khai, rộng rãi đến người học giúp người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Khoa đã giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập để hỗ trợ cho người học trong quá trình học tập tại Trường.

### *3. Điểm tồn tại*

Một số ít sinh viên vẫn chưa nắm rõ quyền khiếu nại và quy trình khiếu nại kết quả học tập. Ngoài ra, vẫn còn tình trạng số ít người học chưa hài lòng về các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do liên quan đến việc làm nhiều giấy tờ, gây mất thời gian và công sức của người học.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường có kế hoạch chỉ đạo rút gọn, số hóa quy trình, thủ tục phúc tra kết quả học tập của người học và tăng cường phổ biến rộng rãi quy định và quy trình đến các sinh viên. Ban chủ nhiệm khoa sẽ chỉ đạo CVHT hỗ trợ tư vấn tích cực cho sinh viên khi có phát sinh khiếu nại.

### *5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí 5/7.*

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường, phù hợp với CDR được ban hành và được thông báo rõ ràng và công khai tới người học. Phương pháp đánh giá đa dạng, khách quan và công bằng đảm bảo tính giá trị, tin cậy cao. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời đến người học. Tuy nhiên sinh viên vẫn còn tâm lý rụt rè trong việc khiếu nại kết quả học.

## **Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

### ***Mở đầu***

Với bề dày lịch sử hình thành và phát triển, Trường ĐHQN luôn đặt mục tiêu sẽ trở thành một trường ngang tầm với các đại học lớn trong nước và quốc tế. Một trong những yếu tố then chốt quyết định việc thực hiện thành công mục tiêu này chính là việc xây dựng thành công đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và cán bộ quản lý ở các khoa, viện, trung tâm đạt chuẩn chất lượng tương đương với các đại học hàng đầu trong nước và trên thế giới.

Trường ĐHQN khẳng định rõ và quyết tâm thực hiện sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Nhà trường nhận thấy cần phải có một lực lượng giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ chuyên môn cao, đủ năng lực để tham gia công tác giảng dạy và NCKH thì mới có thể thực hiện thành công sứ mệnh to lớn ấy. Chính vì vậy, Nhà trường luôn xác định rõ công tác chuẩn hóa và nâng cao chất lượng, trình độ chuyên môn cho đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên ở các khoa, viện là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng và phải được thực hiện một cách liên tục.

Khoa Ngoại ngữ hiện có một đội ngũ giảng viên rất mạnh về chuyên môn, năng lực NCKH, kinh nghiệm giảng dạy, năng lực quản lý cùng với lòng tận tụy yêu nghề. Khoa có những giảng viên có thành tích NCKH xuất sắc được giới chuyên gia ngoại ngữ đánh giá cao. Đặc biệt, với bề dày kinh nghiệm trong đào tạo ngành Sư phạm Anh (từ 1990) và ngành Ngôn ngữ Anh (từ 1999), đội ngũ giảng viên của Khoa luôn phát triển về mặt số lượng và chất lượng, có trình độ chuyên môn cao, có nghiệp vụ sư phạm tốt, và có trình độ tin học đáp ứng tốt các yêu cầu trong thực hiện các chương trình đào tạo và nhiệm vụ NCKH. Trong quá trình xây dựng được đội ngũ giảng viên có chất lượng Khoa Ngoại ngữ đã thực hiện việc quy hoạch, tuyển dụng giảng viên luôn đảm bảo đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Khoa căn cứ trên trình độ chuyên môn, thành tích NCKH, kinh nghiệm giảng dạy và kỹ năng của giảng viên để thực hiện phân công trách nhiệm đào tạo, trách nhiệm quản lý sao cho rõ ràng, phù hợp đối với từng giảng viên; đồng thời Khoa



thực hiện một cách công khai, đúng quy định, quy trình việc tuyển dụng và đề bạt cán bộ để tạo được sự đồng thuận, nhất trí cao. Bên cạnh đó, Khoa thực hiện quản lý, đánh giá theo kết quả công việc và ghi nhận kịp thời thành tích của giảng viên. Điều này đã giúp các giảng viên của Khoa có động lực lớn để phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng được giao.

***Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

#### *1. Mô tả*

Khoa Ngoại ngữ xem việc quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa là nhiệm vụ vô cùng quan trọng và cần phải làm thường xuyên để có thể luôn đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của từng năm học. Chính vì vậy, Khoa thường xuyên có kế hoạch rà soát số lượng giảng viên cần bổ sung để thay thế cho các giảng viên đã nghỉ hưu, sắp nghỉ hưu hoặc chuyển công tác và cho những năm tiếp theo dựa trên chiến lược phát triển Nhà trường và Khoa [H6.06.01.01]. Căn cứ vào kết quả rà soát, Khoa kịp thời đề xuất với Nhà trường có kế hoạch tuyển đủ về số lượng và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng giảng viên nên đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Đội ngũ giảng viên của Khoa không chỉ được xây dựng đủ về số lượng và có cơ cấu chuyên môn phù hợp giữa các tổ bộ môn, mà còn phải có trình độ chuyên môn cao, năng lực NCKH và nghiệp vụ sư phạm vững vàng nhằm đảm bảo tính kế thừa, liên tục trong thực hiện CTĐT.

Ngôn ngữ Anh là một ngành đào tạo có lịch sử khá lâu của Trường Đại học Quy Nhơn, tạo nên thương hiệu trong việc cung cấp nguồn nhân lực giỏi ngoại ngữ cho cả nước, góp phần vào kế hoạch nâng cao trình độ ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục nói riêng và toàn dân nói chung. Nhu cầu đào tạo của Trường ĐHQN được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn từ 2016 đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H6.06.01.01] và trong tuyên bố về sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường [H6.06.01.02], việc đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh được coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, theo hướng đáp ứng tối đa nguyện vọng của người học và nhu cầu xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa-hiện

đại hóa đất nước. Trong chủ trương của Nhà trường và của Khoa, hoạt động phục vụ cộng đồng được thể hiện rõ ở công tác giảng dạy, đào tạo và hoạt động NCKH [H6.06.01.01].

Khoa Ngoại ngữ đã chủ động trong công việc quy hoạch đội ngũ giảng viên nhằm đáp ứng cho nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc thực hiện quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa theo quy trình chặt chẽ và phù hợp với quy định chung của Nhà trường [H6.06.01.03] và theo nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ giảng viên [H6.06.01.04].

Đội ngũ tham gia đào tạo chương trình Ngôn ngữ Anh gồm 45 người (nam: 7; nữ: 38) trong đó gồm 42 giảng viên cơ hữu (được chia làm 03 tổ bộ môn: Ngoại ngữ đại cương, Ngôn ngữ - Văn hóa – Dịch thuật, Thực hành ngôn ngữ), 02 giảng viên kiêm nhiệm công tác quản lý (tại Phòng Tổ chức – Nhân sự và Việc Khoa học giáo dục), và 03 chuyên viên [H6.06.01.05], [H6.06.01.06]. Hiện cán bộ cơ hữu của Khoa có độ tuổi bình quân là 42 [H6.06.01.05]. Số cán bộ giảng viên có học hàm PGS, TS: 02 (chiếm 4,6%), số cán bộ đạt trình độ TS: 4 (chiếm 9,3%), số cán bộ đang làm NCS ngoài nước là 02 (chiếm 4,6%). Phân hạng giảng viên, bao gồm giảng viên cao cấp: 02, giảng viên chính: 09, giảng viên: 29, chuyên viên: 03 [H6.06.01.05].

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, Lãnh đạo Khoa đã xây dựng lộ trình phát triển đội ngũ cán bộ trong 5 năm. Đây là căn cứ để Lãnh đạo Khoa xây dựng lộ trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, sử dụng, tuyển dụng viên chức đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên các quy chế, quy hoạch của Nhà trường; đề án việc làm của Khoa; khối lượng công việc đang thực hiện của giảng viên và lực lượng cán bộ của Khoa [H6.06.01.01], [H6.06.01.06], [H6.06.01.07].

Đội ngũ giảng viên của Khoa không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy chuyên môn mà còn tích cực trong công tác NCKH, nỗ lực nâng cao kiến thức chuyên môn thông qua việc dự các hội nghị, hội thảo, seminar trong và ngoài nước [H6.06.01.08]. Hằng năm giảng viên của Khoa có nhiều bài báo được công bố trên các tạp chí chuyên ngành; các tổ bộ môn định kỳ tổ chức seminar khoa học để trao đổi chuyên môn và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học [H6.06.01.09]. Khoa có đội ngũ giảng viên trẻ được đào tạo sau đại học ở nước ngoài [H6.06.01.10], tiếp

cận nhiều kiến thức chuyên môn mới và phương pháp giáo dục tiên bộ của thế giới. Việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên luôn được Khoa rất quan tâm và có hình thức hỗ trợ phù hợp. Các giảng viên của Khoa được tạo mọi điều kiện thuận lợi để được đi học tập, đào tạo ngắn hạn, nghiên cứu tại nước ngoài và tham gia các khóa học bồi dưỡng tại Trường và trong nước [H6.06.01.11], [H6.06.01.12], [H6.06.01.13], [H6.06.01.14]. Khoa còn chủ động hợp tác với các tổ chức quốc tế như Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ, Hội đồng Anh để tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng cả về nghiệp vụ giảng dạy lẫn nghiệp vụ kiểm tra đánh giá [H6.06.01.20].

Bên cạnh đó, việc bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho các giảng viên trẻ luôn được Khoa Ngoại ngữ quan tâm hỗ trợ và nhiệm vụ này do các tổ bộ môn đảm nhận. Mỗi giảng viên trẻ trước khi đứng lớp đều được tổ bộ môn phân công một giảng viên có kinh nghiệm lâu năm hướng dẫn, bồi dưỡng về chuyên môn [H6.06.01.15] nên chuyên môn và nghiệp vụ của các giảng viên trẻ được đảm bảo chắc chắn.

Ngoài ra, trong thực hiện CTĐT cho các hệ Đại học và Sau đại học, Khoa còn có sự hợp tác rộng rãi với nhiều giảng viên thỉnh giảng là các nhà khoa học, giảng viên có uy tín đến từ các trường đại học hàng đầu trong nước và ngoài nước về ngôn ngữ và ngoại ngữ [H6.06.01.16].

Việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Khoa đều thực hiện công khai, đúng quy trình, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường. Nhà trường có ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN [H6.06.01.03]. Quy định này được thực hiện thống nhất trong Nhà trường. Trưởng bộ môn được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ dựa trên các tiêu chí về trình độ, năng lực và thành tích NCKH của cán bộ giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cũng như năng lực NCKH [H6.06.01.03].

Khoa luôn kịp thời đề nghị Nhà trường ra quyết định tuyển dụng và xếp ngạch theo quy định đối với trường hợp giảng viên hết thời gian tập sự [H6.06.01.17]; và thực hiện theo thông báo chính thức của Nhà trường về việc cử giảng viên của Khoa đi thi nâng ngạch nếu giảng viên của Khoa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước [H6.06.01.18].

Định kỳ hằng năm, Nhà trường có thực hiện hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Căn cứ trên kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi, Khoa tiến hành kiểm tra, họp tổng kết, đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên trong Khoa nhằm chấn chỉnh những mặt còn tồn tại đồng thời cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo. Theo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học, đội ngũ giảng viên của Khoa đã đáp ứng tốt với nhu cầu đào tạo [H6.06.01.19].

### *2. Điểm mạnh*

Nhà trường và Khoa trong thời gian qua đã luôn chú trọng việc phát triển đội ngũ giảng viên nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có tính kế thừa, đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy và quản lý cũng như các hoạt động chuyên môn khác. Nhờ có kế hoạch tuyển dụng và thực hiện tuyển dụng đúng quy định, Khoa Ngoại ngữ đã xây dựng được một đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo bài bản, mạnh về năng lực, có nhiệt huyết lớn và sẵn sàng thực hiện các hoạt động giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

### *3. Điểm tồn tại*

Do nhu cầu về đào tạo trong các năm qua phát triển khá nhanh, tỉ lệ sinh viên trên số giảng viên của khoa còn khá cao, dẫn đến số giờ dạy của mỗi giảng viên vượt giờ chuẩn khá nhiều; đồng thời nhiều giảng viên còn đang thời gian học sau đại học trong và ngoài nước nên chưa tập trung nhiều vào công tác giảng dạy và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường còn thiếu những chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút, giữ chân những giảng viên, nhà khoa học được đào tạo chính quy tại các trường đại học lớn, uy tín ở nước ngoài.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020- 2021, Khoa Ngoại ngữ sẽ định kỳ thực hiện việc rà soát, quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa. Lãnh đạo Khoa tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho đội ngũ giảng viên trẻ kế cận của Khoa được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhằm đảm bảo về năng lực và trình độ trong nhiệm vụ giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Ngoài ra, Khoa kiến nghị với Nhà trường trong việc đề ra các chính sách ưu đãi

thiết thực để giữ chân, thu hút những giảng viên, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao.

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

***Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.***

*1. Mô tả*

Hằng năm, thực hiện công tác 3 công khai đối với toàn xã hội theo quy định của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHQN công bố tổng số giảng viên cơ hữu và tổng số sinh viên để các đơn vị chức năng và toàn xã hội giám sát [H6.06.02.01].

Hiện nay tổng số cán bộ của Khoa Ngoại ngữ là 45 giảng viên cơ hữu; trong đó có 02 PGS, 06 TS, 34 ThS (trong đó có 02 NCS đang học ở nước ngoài), đồng thời có 05 giảng viên thỉnh giảng thường xuyên tham gia giảng dạy.

Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh là 42. Số lượng giảng viên quy đổi của ngành Ngôn ngữ Anh hiện nay là 49 giảng viên và số lượng người học chính quy ngành Ngôn ngữ Anh năm học 2020 - 2021 là 1565 sinh viên. Như vậy, tỷ lệ sinh viên/giảng viên của ngành Ngôn ngữ Anh là 31,9. Tỷ lệ này là vượt chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT về tiêu chí tỷ lệ số sinh viên chính quy tính trên một giảng viên quy đổi (tỷ lệ sau quy đổi của khối ngành I là 20/1) [H6.06.02.02]. Với lực lượng giảng viên như vậy, Khoa Ngoại ngữ đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu đào tạo của ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Giảng viên khoa Ngoại ngữ còn tham gia hoạt động giảng dạy và đào tạo ở nhiều loại hình đào tạo và cấp độ đào tạo như: cao học, đại học hệ chính quy ngành ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh, ngành SP tiếng Anh hệ liên thông (hoàn chỉnh kiến thức), ngành ngôn ngữ Anh hệ Văn bằng 2, giảng dạy các chương trình ngoại ngữ hai cho khối sinh viên không chuyên ngữ. Ngoài ra, đội ngũ giảng viên của Khoa còn đảm nhận việc giảng dạy ngoại ngữ cho học viên cao học, cho sinh viên thuộc tất cả các ngành khác của Trường ĐHQN, các lớp thuộc hệ vừa làm vừa học ở các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Đắk Lắk và Kon Tum, bồi dưỡng giáo viên phổ thông. Hiện nay khoa có 2 khóa Cao học với 64 học viên, và bắt đầu tham gia đào tạo Cao học ngành Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh học kì đầu tiên. Ngoài ra, trong năm học 2020 – 2021 Khoa bắt đầu tuyển sinh ngành Ngôn ngữ

Trung. Điều này dẫn đến số giờ giảng của giảng viên cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh và sinh viên các ngành khác là rất cao. Các cán bộ giảng viên của Khoa đã thực hiện đầy đủ số giờ giảng dạy tối thiểu và số giờ định mức về NCKH hằng năm theo đúng quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH.

Trong công tác giám sát và thi đua, các giảng viên đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ vào cuối mỗi năm học và lập kế hoạch trong năm học tới thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và có sự đánh giá của Trưởng bộ môn và Lãnh đạo Khoa. Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, trước tiên cá nhân từng giảng viên tự đánh giá khối lượng công việc, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành. Tiếp theo Trưởng bộ môn đánh giá, Lãnh đạo Khoa đánh giá và cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua [H6.06.02.03]. Ngoài ra, một kênh thông tin để giảng viên có thể tham khảo nhằm phát huy mặt tích cực và điều chỉnh những hạn chế trong giảng dạy đó là việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên hàng năm [H6.06.02.04]. Việc này không chỉ giúp từng giảng viên đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình mà còn giúp các cấp Lãnh đạo Khoa nắm được tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong Khoa, để từ đó đưa ra định hướng thích hợp.

Khối lượng, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của giảng viên được thực hiện theo chế độ làm việc đối với giảng viên của Bộ GD&ĐT, Quyết định về việc ban hành Quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của giảng viên Trường ĐHQN. Việc thực hiện công tác giảng dạy và NCKH của giảng viên có sự giám sát chặt chẽ của Bộ môn, Khoa và các phòng chức năng của Trường. Giảng viên thực hiện không đủ khối lượng giờ dạy bị trừ phụ cấp ưu đãi, không thực hiện NCKH bị trừ giờ chuẩn theo quy định của Trường [H6.06.02.05], [H6.06.02.06].

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ tương đối tích cực tham gia hoạt động NCKH, được thể hiện rõ qua số công trình được công bố hàng năm trên các tạp chí chuyên ngành cùng với số đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp trường do giảng viên của Khoa làm chủ nhiệm [H6.06.02.07].

## *2. Điểm mạnh*

Khối lượng công việc của từng giảng viên trong Khoa được xác định rõ ràng, hợp lí và được giám sát bởi các đơn vị chức năng trong Nhà trường. Điều này đã góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Khoa có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm để giảng dạy cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, sư phạm Anh và học viên cao học ngành Ngôn ngữ Anh.

Hàng năm các cán bộ giảng viên đã thực hiện vượt số giờ chuẩn và hoàn thành số giờ định mức về NCKH theo đúng quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đã được Nhà trường ban hành. Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác giảng dạy, đội ngũ giảng viên của Khoa rất nỗ lực trong công tác NCKH.

### *3. Điểm tồn tại*

Tỷ lệ người học/giảng viên còn khá cao so với quy định, dẫn đến khối lượng giờ giảng và công việc nhiều nên số lượng đề tài NCKH thực hiện hàng năm còn hạn chế.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, lãnh đạo Khoa sẽ tích cực đẩy mạnh việc hình thành các nhóm nghiên cứu, để thực hiện các đề tài có khả năng ứng dụng cao với mục tiêu phục vụ cho công việc giảng dạy và phục vụ cộng đồng.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

***Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.***

#### *1. Mô tả*

Trường ĐHQN có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên rất rõ ràng, cụ thể (bao gồm cả phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp) để bổ nhiệm, điều chuyển. Ngoài các tiêu chí tuyển dụng nói chung, người dự tuyển cần đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ đối với viên chức giảng dạy. Thứ nhất, về tiêu chuẩn đặc thù nghề nghiệp, quy chế tuyển dụng của Trường ĐHQN nêu rõ người đăng ký dự tuyển làm viên chức giảng dạy cần đáp ứng các yêu cầu đặc thù nghề nghiệp về ngoại hình, kỹ năng sư phạm, phương pháp sư phạm

**[H6.06.03.01]**. Thứ hai, về tiêu chuẩn chuyên môn, quy chế tuyển dụng cũng yêu cầu ứng viên cần có học vị tiến sĩ hoặc thạc sĩ chuyên ngành phù hợp, và đáp ứng các điều kiện sau: Có trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. **[H6.06.03.01]**.

Ngoài ra, do đặc thù của ngành Ngoại ngữ, các ứng viên cần đáp ứng thêm các tiêu chí tuyển dụng như sau: Có chứng chỉ IELTS 7.0 hoặc TOEFL IBT 95 điểm trở lên còn thời hạn sử dụng và có trình độ ngoại ngữ hai tối thiểu đạt bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương. **[H6.06.03.01]**, **[H6.06.03.02]**.

Quy trình, nội dung và hình thức thi tuyển viên chức giảng dạy được quy định rất rõ ràng, cụ thể trong các văn bản, quy chế của nhà trường. Trong kỳ thi tuyển dụng, mỗi ứng viên phải tham gia các môn thi điều kiện (ngoại ngữ và tin học) môn thi chuyên môn để tính điểm (kiến thức chung, viết hoặc vấn đáp chuyên ngành và thực hành giảng dạy). **[H6.06.03.01]**, **[H6.06.03.02]**. Với môn thi thực hành giảng dạy, mỗi ứng viên trình bày bài giảng trực tiếp trước tiểu ban chấm thi trong thời gian tối đa 50 phút. **[H6.06.03.01]**, **[H6.06.03.02]**. .

Nhà trường thông báo công khai điều kiện tuyển dụng cũng như kết quả thi tuyển trên website của Trường ĐHQN và đồng thời niêm yết trên bảng tin của Phòng Tổ chức – Nhân sự **[H6.06.03.03]**. Sau khi trúng tuyển, các giảng viên phải trải qua thời gian tập sự 12 tháng trừ khi trước đó đã thực hiện giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học từ đủ 12 tháng trở lên **[H6.06.03.01]**. Trong 1 năm tập sự, giảng viên cần phải tham gia sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, coi thi, củng cố, bổ sung kiến thức, kỹ năng chuyên môn và thực tập giảng dạy: thực hiện giảng thử 10 tiết, trong đó có 06 tiết tiến hành ở tổ bộ môn và 04 tiết ở hội đồng đánh giá tiết giảng **[H6.06.03.01]**. Trong 1 năm này, giảng viên được một giảng viên có chức



đanh nghề nghiệp cao hơn, có năng lực, trình độ và kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ hướng dẫn và nhận xét, gửi đánh giá kết quả tập sự cho Trường khoa [H6.06.03.01], [H6.06.03.04].

Ngoài ra, đối với công tác bổ nhiệm chức danh và bổ nhiệm cán bộ quản lý, Trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của giảng viên (giảng viên chính, giảng viên cao cấp, PGS, GS) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức vụ quản lý Trường/Phó Khoa, Trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy và NCKH [H6.06.03.05], [H6.06.03.06]. Giảng viên của Khoa được điều chuyển, bổ nhiệm giữ chức vụ quan trọng trong Nhà trường như: Chủ tịch Hội đồng trường Trường ĐH Quy Nhơn nhiệm kỳ 2020 – 2025, Trưởng phòng Tổ chức – Nhân sự, Phó Viện trưởng Viện khoa học giáo dục, Phó Trưởng Khoa Sư phạm, Phó trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Giám đốc Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản [H6.06.03.07].

## *2. Điểm mạnh*

Trường có văn bản quy định rõ ràng các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên để bổ nhiệm và công khai rộng rãi đến toàn thể viên chức trong Trường. Trên cơ sở quy định các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, Khoa đã tuyển dụng được đội ngũ giảng viên đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ năng lực NCKH, nghiệp vụ sư phạm và các kỹ năng về tin học, ngoại ngữ. Nhiều giảng viên được tuyển dụng đã và đang được đào tạo sau đại học ở các trường đại học có uy tín của nước ngoài (Úc, Mỹ, New Zealand, Trung Quốc ...). Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực giảng dạy và NCKH, tuân thủ nghiêm chỉnh sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, giữ gìn đạo đức nhà giáo và đạt nhiều thành tích trong công tác.

## *3. Điểm tồn tại*

Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm có yêu cầu rất cao nhưng chế độ ưu đãi, điều kiện làm việc chưa thật sự tốt nên chưa thu hút được nguồn giảng viên có trình độ cao.

## *4. Kế hoạch hành động*

Chủ động đề xuất với Nhà trường những chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút nguồn giảng viên có trình độ cao.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

**Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.**

*1. Mô tả*

Nhà trường và Khoa luôn xem hoạt động đánh giá năng lực giảng dạy và NCKH của giảng viên là việc làm có ý nghĩa rất quan trọng. Hoạt động này sẽ góp phần nâng cao năng lực, sức sáng tạo trong giảng dạy và NCKH của giảng viên nếu được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc và chất lượng.

Trong thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo thì đội ngũ giảng viên là nguồn lực rất quan trọng. Vì vậy, việc đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn được Khoa xem là một trong những mục tiêu then chốt trong định hướng phát triển của Khoa. Mặc dù, ứng viên khi được tuyển làm giảng viên của Trường ĐHQN nói chung và tại Khoa Ngoại ngữ nói riêng đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, nhưng sau khi trúng tuyển, các giảng viên vẫn tiếp tục được Khoa và Nhà trường tạo điều kiện đi bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm, chức danh nghề nghiệp do Nhà trường tổ chức [H6.06.04.01] [H6.06.04.02]. Ngoài ra, Nhà trường cũng liên tục cử các cán bộ và viên chức đi học các lớp Trung cấp Lý luận chính trị-hành chính, cao cấp chính trị, bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng-an ninh [H6.06.04.03]. Về đào tạo, bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ-tin học, Nhà trường khuyến khích giảng viên nâng cao trình độ ngoại ngữ theo các chứng chỉ quốc gia và quốc tế (VSTEP, IELTS, TOEFL) và triển khai chương trình tin học hóa công tác đào tạo và quản lý viên chức. [H6.06.04.01].

Hằng năm, Khoa và Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch, cử viên chức tham dự các lớp tập huấn nghiệp vụ nhằm cập nhật thông tin và kiến thức, chuyên môn. Ví dụ năm 2019 và 2020, Khoa Ngoại ngữ đã cử các giảng viên tham gia hai khóa bồi dưỡng cấp chứng chỉ cán bộ chấm thi nói, viết ngoại ngữ và cán bộ ra đề thi theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho VN tại trường ĐH Ngoại Ngữ - ĐH Huế và tổ chức chương trình tập huấn phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên tiếng Anh của khoa do Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ thực hiện [H6.06.04.04].

Bên cạnh đó, Khoa và Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo cán bộ, viên chức giảng dạy; hiện Khoa đã có 02 PGS và 06 TS và 34 thạc sĩ. Khoa luôn tạo điều kiện và hỗ trợ cho giảng viên trẻ tham gia đào tạo, tập huấn, nghiên cứu tại nước ngoài **[H6.06.04.05]**.

Đội ngũ giảng viên của Khoa có nỗ lực tham gia NCKH và điều đó được thể hiện qua số lượng công trình nghiên cứu được công bố hàng năm trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế, số giờ NCKH của giảng viên hàng năm cũng như số lượng đề tài NCKH các cấp mà giảng viên của Khoa đã và đang thực hiện **[H6.06.04.07]**. Tuy nhiên, số lượng ấn phẩm, bài báo công bố chưa nhiều và phân bố không đều giữa các giảng viên. Xét về cơ bản, trình độ chuyên môn của giảng viên luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng tốt yêu cầu của công việc.

Nhà trường đã có quy định rõ ràng về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của giảng viên, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng giảng viên **[H6.06.04.06]**. Do đó, cuối mỗi năm học, các giảng viên đều phải thực hiện nhiệm vụ kê khai số bài báo, số đề tài NCKH các cấp đã thực hiện và việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh nhiệm vụ được giao **[H6.06.04.08]**. Hằng năm, sau khi kết thúc năm học Nhà trường đều triển khai tổng kết, đánh giá phân loại viên chức **[H6.06.04.09]**. Trên cơ sở Bộ môn và Lãnh đạo Khoa đánh giá, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua và ban hành quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức **[H6.06.04.08]**. Kết quả đánh giá hàng năm, đội ngũ giảng viên của Khoa đều hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và được các cấp khen thưởng trong đó có các danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, được nhận Giấy khen của Hiệu trưởng cho cả khoa ngoại ngữ và danh hiệu chiến sĩ thi đua cho các cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **[H6.06.04.10]**, **[H6.06.04.11]**. Công tác bình xét thi đua – khen thưởng hàng năm không chỉ giúp các cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình mà còn giúp cho các cấp quản lý ghi nhận thành tích đóng góp của cán bộ và có tổng quan về tình hình giảng dạy, nghiên cứu trong toàn Khoa, qua đó có định hướng chiến lược phát triển phù hợp. Ngoài ra, giảng viên của Khoa phải thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá, theo 4 tiêu chí đánh giá: nhiệm vụ giảng dạy, nhiệm vụ NCKH và chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ quản lý đào tạo, quản lý NCKH công nghệ và nhiệm vụ học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ **[H6.06.04.12]**.

Dữ liệu giảng viên tự đánh giá sẽ làm căn cứ để điều chỉnh các chính sách, xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ đào tạo của Khoa. Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, giảng viên không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

## *2. Điểm mạnh*

Giảng viên của Khoa Ngoại ngữ đều được đào tạo chính quy, bài bản, có nghiệp vụ chuyên môn và sư phạm vững vàng. Các yếu tố chuyên môn có liên quan như kiểm tra đánh giá, ứng dụng công nghệ thông tin, nghiên cứu khoa học luôn được đảm bảo.

## *3. Điểm tồn tại*

Do đặc thù giảng viên có nhiều thế hệ, hiện nay còn một tỉ lệ giảng viên chưa có chứng chỉ chuyên môn quốc tế như IELTS, TOEFL.

Do khối lượng giảng dạy của giảng viên khoa nhiều nên số lượng bài NCKH được đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế còn hạn chế.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học sau, Trường ĐH Quy Nhơn và Khoa Ngoại ngữ tạo mọi điều kiện để tiếp tục nâng cao năng lực chuyên môn, khuyến khích giảng viên thi lấy các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế, đáp ứng tốt hơn yêu cầu đào tạo ngày càng cao của xã hội.

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nhằm liên tục nâng cao trình độ, nghiệp vụ giảng dạy, năng lực nghiên cứu khoa học và phẩm chất chính trị, đạo đức.

## *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

***Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.***

### *1. Mô tả*

Năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên được coi là nhân tố cực kỳ quan trọng, then chốt giúp cho Nhà trường phát triển và có uy tín cao. Vì vậy

Trường ĐHQN xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, chuyên viên, điều đó thể hiện qua: Đề án nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2015-2020 [H6.06.05.01]; Đề án nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT giai đoạn 2015-2020 [H6.06.05.02]; Thông báo công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường ĐHQN [H6.06.05.03]; Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Quy Nhơn giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030, và của Khoa Ngoại ngữ [H6.06.05.04]. Đồng thời, Khoa Ngoại ngữ cũng đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy được Nhà trường chú trọng nhằm giúp giảng viên rút kinh nghiệm trong quá trình đào tạo sinh viên [H6.06.05.05], [H6.06.05.06].

Để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên và chuyên viên, Trường ĐHQN đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực. Khoa tạo điều kiện cho cán bộ giảng viên tham gia lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trường Đại học Quy Nhơn [H6.06.05.07]. Hàng năm, Nhà trường đều triển khai các thông báo về chương trình tuyển sinh đào tạo trong nước và nước ngoài của Bộ GD&ĐT đến tất cả các đơn vị trong Trường, và sau đó Khoa phổ biến đến toàn thể giảng viên của Khoa. Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích, tạo điều kiện cho các giảng viên có nhu cầu học tập, nghiên cứu đồng thời có chính sách ưu đãi cụ thể cho từng đối tượng theo Trường [H6.06.05.08]. Nhiều giảng viên được đào tạo ngắn hạn và dài hạn trong nước và tại nước ngoài [H6.06.05.09]. Các giảng viên được nhà trường tạo điều kiện tham gia các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước do nhà trường hỗ trợ kinh phí [H6.06.05.10].

Việc tuyển giảng viên của Trường được thực hiện theo nhu cầu nguồn nhân lực thực tế và được thực hiện công khai, minh bạch nhằm thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao về công tác tại Trường [H6.06.05.11]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn ban hành những chính sách đãi ngộ cụ thể quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và Quy định thời gian làm việc, giờ chuẩn của giảng viên để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo, phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, chuyên viên [H6.06.05.12],

Khoa Ngoại ngữ xây dựng mô tả vị trí làm việc của giảng viên [H6.06.05.13], từ đó đưa ra kế hoạch phát triển và quy hoạch đội ngũ giáo viên nhằm định hướng cho sự phát triển đội ngũ giảng viên trong tương lai.

#### [H6.06.05.14]

##### 2. Điểm mạnh

- Trường ĐHQN đã xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, chuyên viên và đồng thời thực hiện triển khai nhiều hoạt động, biện pháp để đáp ứng nhu cầu đó.

- Nhà trường đã có chế độ đãi ngộ cụ thể về kinh phí và thời gian để khuyến khích giảng viên, chuyên viên tích cực nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

##### 3. Điểm tồn tại

- Việc tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên và chuyên viên hằng năm còn chưa được phân tích đầy đủ, toàn diện.

##### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2019 – 2020, Khoa sẽ thường xuyên khảo sát nhằm dự đoán chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên, chuyên viên, đồng thời lên kế hoạch cụ thể để triển khai định kỳ hằng năm trong công tác tuyển dụng, bồi dưỡng. Kiến nghị kịp thời về cơ chế chính sách để tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, công việc để giảng viên, chuyên viên có thể tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

Khoa dưới sự giúp đỡ của trường liên kết với các trường ở nước ngoài, tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các lớp nâng cao trình độ ngắn hạn, cử giảng viên tham gia NCKH với các trường bạn.

##### 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

**Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

##### 1. Mô tả

Quản trị theo kết quả công việc của giảng viên là việc mà Trường ĐHQN đã triển khai sâu rộng nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã ban hành những Quy định cụ thể về khối

lượng công việc cho từng đối tượng cán bộ (giảng viên, chuyên viên). Đối với giảng viên phải đảm bảo số giờ chuẩn theo quy định, bao gồm: số giờ chuẩn giảng dạy và NCKH trong một năm học [H6.06.06.01]. Dựa vào đó, Khoa thực hiện tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng giảng viên hằng năm theo hướng dẫn và các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau. Các hoạt động thi đua, khen thưởng được tổ chức nghiêm túc và đạt hiệu quả, thể hiện qua Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHQN [H6.06.06.02] và các Quyết định về công nhận, khen thưởng các danh hiệu thi đua của cán bộ quản lý hằng năm, kết quả xếp loại viên chức hằng năm [H6.06.06.03]. Nhà trường có quy định rõ ràng về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của giảng viên, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng giảng viên [H6.06.06.01]. Do đó, cuối mỗi năm học, các giảng viên đều phải thực hiện nhiệm vụ kê khai số bài báo, số đề tài NCKH các cấp đã thực hiện và việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh nhiệm vụ được giao [H6.06.06.04], [H6.06.06.05]

Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là việc ghi nhận thành tích đạt được trong quá trình công tác của cá nhân. Những giảng viên hoàn thành tốt công tác giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác, luôn được ghi nhận và khích lệ bằng những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng... Mức độ hoàn thành công việc sẽ là căn cứ để Nhà trường tổ chức họp bình xét thi đua – khen thưởng cấp Trường và các cấp cao hơn, đồng thời xếp loại lao động đối với giảng viên [H6.06.06.03]. Dựa vào kết quả xếp loại lao động của cán bộ Nhà trường sẽ chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ theo từng quý và đây thực sự là nguồn động viên, khuyến khích cán bộ nỗ lực hoàn thành tốt hơn nữa nhiệm vụ được giao

## *2. Điểm mạnh*

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được Trường ĐHQN triển khai sâu rộng đã giúp tạo động lực và hỗ trợ mạnh mẽ cho các hoạt động đào tạo, NCKH cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Khoa luôn chú trọng đến việc quản trị theo kết quả công việc, luôn chủ động đề nghị giảng viên của Khoa được xét danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, giấy

khen của Hiệu trưởng, bằng khen cấp Tỉnh, bằng khen của Công đoàn ngành Giáo dục ...

### *3. Điểm tồn tại*

Hiện nay, mặc dù Nhà trường có các văn bản quy định về khen thưởng và công nhận công việc của viên chức nhưng chưa có quy định toàn diện về quản trị theo kết quả công việc. Điều này dẫn đến việc đánh giá viên chức chưa toàn diện, một số mặt chưa thực sự tạo động lực cho giảng viên trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021 trở đi, Khoa sẽ tiếp tục kiến nghị Nhà trường ban hành quy định, quy chế phù hợp hơn trong các hoạt động đánh giá viên chức theo công việc.

Về phía Khoa sẽ phát triển cơ chế quản trị theo kết quả công việc, kịp thời công nhận những đóng góp trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng dành cho giảng viên của Khoa.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

***Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

#### *1. Mô tả*

Để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế trong thời đại hiện nay, các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên luôn được Khoa và Nhà trường chú trọng. Khoa Ngoại ngữ luôn là khoa có số lượng sinh viên theo học rất đông và được đánh giá khá cao về chất lượng đào tạo cũng như việc nghiên cứu về Ngôn ngữ ứng dụng nên lãnh đạo Khoa và Trường luôn xem NCKH là hoạt động mang tính trọng yếu và bắt buộc của tất cả giảng viên. Theo quy định, mỗi một năm học giảng viên trong Khoa bắt buộc phải hoàn thành một mục tiêu NCKH cụ thể (tham gia thực hiện đề tài/dự án các cấp; hướng dẫn sinh viên làm NCKH, khóa luận tốt nghiệp; hướng dẫn học viên cao học làm luận văn thạc sĩ và hướng dẫn NCS làm luận án tiến sĩ) đảm bảo đủ số giờ NCKH phải đảm nhiệm theo chức danh [**H6.06.07.01**].



Cuối mỗi năm học Nhà trường và Khoa luôn tổ chức tổng kết, đánh giá để đảm bảo về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của giảng viên. Điều này được thể hiện qua quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của giảng viên Trường ĐHQN [H6.06.07.01]; thông báo về việc tuyển chọn, thực hiện đề tài NCKH các cấp [H6.06.07.02] dành cho giảng viên, nghiên cứu viên; Thống kê số lượng đề tài NCKH các cấp đã thực hiện giai đoạn 2016-2020 [H6.06.07.03]; Thống kê các công trình NCKH công bố trong nước và công bố quốc tế 2016-2020 [H6.06.07.04], [H6.06.07.05]; Thống kê số giờ NCKH của giảng viên hằng năm [H6.06.07.06]. Dựa vào đó, Khoa và Nhà trường tiến hành đánh giá và phân loại công chức, viên chức định kỳ hằng năm một cách chính xác, công bằng [H6.06.07.07].

Các công trình NCKH của các giảng viên luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng khoa học Khoa, Hội đồng khoa học và đào tạo Trường ĐHQN, Bộ GD&ĐT [H6.06.07.08] hạn chế tối đa việc các đề tài nghiên cứu bị trễ hạn hay bị thanh lý. Các công trình nghiên cứu của các giảng viên trong Khoa được đăng trên những tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế có hội đồng phản biện để đảm bảo về chất lượng [H6.06.07.04], [H6.06.07.05]. Khoa và Nhà trường luôn quan tâm, khuyến khích mạnh mẽ cán bộ giảng viên trong Khoa tăng cường trao đổi, hợp tác NCKH với các giảng viên, chuyên gia từ các trường đại học, các trung tâm nghiên cứu có uy tín trong và ngoài nước để giúp nâng cao trình độ NCKH của giảng viên cũng như nâng cao uy tín NCKH học của Khoa và Nhà trường.

## *2. Điểm mạnh*

- Mặc dù tham gia công tác giảng dạy nhiều, đôi lúc quá tải nhưng đội ngũ giảng viên Khoa Ngoại Ngữ luôn thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học với sự nỗ lực nhất, đáp ứng đầy đủ yêu cầu đào tạo và hòa nhập với các đề tài khoa học các cấp từ cơ sở đến cấp Bộ; công bố nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước; xuất bản giáo trình.

- Khoa luôn theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của giảng viên để công nhận, khuyến khích và có những hình thức khen thưởng phù hợp.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc xác lập, giám sát và đối sánh cải tiến chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa vẫn phải theo quy định chung của Nhà trường thông qua đầu

mỗi Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế nên trong một số trường hợp chưa được thực hiện một cách toàn diện và hiệu quả.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Khoa Ngoại ngữ sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ chế xác lập, giám sát và đối sánh công tác NCKH đối với giảng viên của Khoa, đặc biệt sẽ thực hiện việc tạo lập cơ sở dữ liệu thống kê và lưu trữ mọi kết quả NCKH của giảng viên trong Khoa.

#### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 6**

Cùng với Nhà trường, Khoa Ngoại ngữ đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu), nhờ đó mà đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tuy tỉ lệ người học/giảng viên còn khá cao và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên luôn nhiều do nhu cầu đào tạo ngày càng tăng, các tỉ lệ này luôn được đo lường, giám sát thường xuyên với mục đích làm căn cứ lập kế hoạch, cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã ban hành, phổ biến rộng rãi và công khai các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, chuyên viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên được đánh giá một cách chính xác và khách quan. Thêm nữa, những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, chuyên viên được Trường ĐHQN xác định rất rõ thông qua các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai sâu rộng để đáp ứng nhu cầu đó. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, chuyên viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai sâu rộng và nghiêm túc để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và chuyên viên đã được Trường, Khoa xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tự đánh giá theo 7 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Ngôn ngữ Anh đã đạt yêu cầu 7/7 tiêu chí trong đó 05 tiêu chí đạt 4/7 điểm và 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên.**

### ***Mở đầu***

Hiện nay, chất lượng đào tạo là vấn đề cốt lõi trong các cơ sở giáo dục đại học nói chung và Trường ĐHQN nói riêng. Vấn đề này phần lớn phụ thuộc vào mối quan hệ, tương tác giữa giảng viên và người học. Tuy nhiên, đội ngũ giảng viên sẽ không thể thực hiện tốt nhiệm vụ và người học sẽ khó có kết quả học tập tốt nếu thiếu chất lượng dịch vụ hỗ trợ của đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ người học khác. Vì vậy, trong những năm qua, bên cạnh việc chú trọng công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên, Nhà trường còn tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, có cơ chế đánh giá năng lực, khen thưởng và công nhận đối với đội ngũ này để tạo động lực hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng nhằm đáp ứng mục tiêu chiến lược của Nhà trường đã đề ra.

***Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

### ***1. Mô tả***

Trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030, Nhà trường và Khoa phân tích dự báo nhu cầu và đánh giá về thực trạng nhân sự nói chung và đội ngũ viên chức hành chính nói riêng, từ đó xác định mục tiêu và chiến lược phát triển đội ngũ này đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.01]. Đội ngũ viên chức làm công tác hỗ trợ, phục vụ được quy hoạch theo vị trí việc làm, chiếm tỷ lệ không quá 25% trên tổng số công chức, viên chức toàn đơn vị [H7.07.01.02]. Thông qua Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN [H7.07.01.03], Nhà trường có chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đồng thời, Nhà trường có các chế độ đãi ngộ, thu hút đội ngũ nhân viên như: thu nhập tăng thêm; tiền hỗ trợ phục vụ đào tạo; chế độ tham quan, du lịch trong và ngoài nước; học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; ... được quy định chi tiết trong Quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Quy Nhơn [H7.07.01.04].

Trên cơ sở Đề án đổi mới hoạt động Trung tâm Thông tin tư liệu (nay là Thư viện) theo hướng hiện đại [H7.07.01.05], đội ngũ nhân viên của Thư viện hiện có 14 viên chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu, sách, báo, giáo trình của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong toàn trường nói chung và Khoa Ngoại ngữ nói riêng [H7.07.01.06], [H7.07.01.07] [H7.07.01.08] [H7.07.01.09].. Bên cạnh đó, hằng năm đội ngũ nhân viên Thư viện còn tổ chức các hoạt động phục vụ bạn đọc như: tổ chức triển lãm sách, Hướng dẫn tra cứu cơ sở dữ liệu ProQuest,....

Về đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm việc tại văn phòng khoa, theo cơ cấu chung của Nhà trường, Khoa Ngoại ngữ có 01 thư ký và 02 trợ lý giáo vụ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, có trách nhiệm giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Khoa như: quản lý điểm thi; quản lý đăng ký học học kỳ phụ, xét học bổng, ngừng học, thôi học, cảnh cáo học vụ, xét tốt nghiệp, phát giấy chứng nhận kết quả học tập; quản lý công tác NCKH sinh viên; đánh giá điểm rèn luyện, giải đáp thắc mắc của sinh viên,.... Trong những năm qua, đội ngũ này thực hiện tốt các công việc được phân công, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu và triển khai ứng dụng của giảng viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh của Khoa Ngoại ngữ [H7.07.01.10].

Ngoài ra, đội ngũ nhân viên của Trường đang làm việc tại các đơn vị như: Phòng Công tác chính trị và Sinh viên, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, phòng máy tính, phòng thực hành, và các dịch vụ hỗ trợ khác đều đủ về số lượng, đảm bảo về phẩm chất, năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí công tác [H7.07.01.11]

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Công tác tuyển dụng của Nhà trường có căn cứ vào kế hoạch và các tiêu chí đề xuất từ phía Khoa, qua đó đảm bảo chất lượng nhân sự.

## *3. Điểm tồn tại*

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực

hiện thường xuyên và đồng bộ. Nhà trường chưa thường xuyên lấy ý kiến giảng viên về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 -2021, Nhà trường chú trọng công tác khảo sát, đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên từ giảng viên và người học để quy hoạch đội ngũ này đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong những năm tiếp theo, Nhà trường hoàn thiện đề án vị trí việc làm và trên cơ sở đó thực hiện công tác quy hoạch, bố trí đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách hợp lý hơn.

#### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7*

***Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.***

##### *1. Mô tả*

Trong những năm qua, Nhà trường và Khoa Ngoại Ngữ rất chú trọng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khoa và Nhà trường luôn quan tâm về việc khảo sát phân tích nhu cầu nhân lực để có cơ sở cho việc xác định chỉ tiêu và tiêu chí tuyển dụng nhân viên. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN [H7.07.02.01] và Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN [H7.07.02.02]. Theo đó, các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ như: phải có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại khá trở lên; có trình độ ngoại ngữ 2 tối thiểu đạt bậc 3 (B1) và có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Việc lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm vào vị trí viên chức quản lý cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm công tác. Bên cạnh đó, các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên đều được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý từ các đơn vị, cá nhân trong Trường trước khi chính thức ban hành và phổ biến công khai [H7.07.02.03]. Trong quá trình làm việc, nhà trường luôn theo dõi, giám sát, kiểm tra nhân viên đã hoàn thành công việc được giao ở

mức độ nào để từ đó điều động, thuyên chuyển, thay đổi vị trí việc làm cho phù hợp [H7.07.02.04].

Hàng năm, căn cứ chiến lược phát triển nhân sự của Nhà trường, kết quả khảo sát phân tích nhu cầu tuyển dụng nhân sự của các đơn vị. Nhà trường xây dựng và thông báo công khai kế hoạch tuyển dụng nhân viên với các chỉ tiêu và tiêu chí cụ thể trên các phương tiện thông tin đại chúng, website hay bảng tin của Nhà trường. [H7.07.02.05], [H7.07.02.07]. Bên cạnh đó, để đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng nhân sự, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức có sự tham gia của đại diện lãnh đạo, viên chức các đơn vị có chuyên ngành hoặc chuyên môn liên quan đến vị trí tuyển dụng và thành lập các ban kiểm tra, giám sát các ứng viên tham gia tuyển dụng. [H7.07.02.06]. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Kết quả thi tuyển, xét tuyển viên chức được Nhà trường công bố công khai, rõ ràng và minh bạch trên các phương tiện truyền thông [H7.07.02.07]. Tất cả các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên hàng năm đều được Nhà trường phổ biến, công khai bằng văn bản đến các đơn vị trong Nhà trường [H7.07.02.04].

### *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai. Các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch.

### *3. Điểm tồn tại*

Nhà trường chưa thường xuyên phân tích vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để xác định các chỉ tiêu tuyển dụng và sử dụng đội ngũ này hợp lý hơn.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2019 - 2020, Nhà trường tiến hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể của từng vị trí việc làm để từ đó có chính sách tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên hợp lý hơn.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7*

***Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.***

#### *1. Mô tả*

Việc đánh giá năng lực và phân loại viên chức được Nhà trường tổ chức định kỳ vào cuối mỗi năm học trên cơ sở Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN [H7.07.03.01]. Hằng năm, theo các văn bản hướng dẫn của phòng chức năng về việc phân loại đánh giá viên chức [H7.07.03.02], các đơn vị tổ chức phân loại, đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên dựa trên kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao theo các tiêu chí cụ thể ở các mức độ từ không hoàn thành nhiệm vụ đến hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Việc đánh giá, phân loại năng lực của nhân viên được thực hiện theo trình tự: nhân viên tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao và trình bày báo cáo tại cuộc họp đơn vị để toàn thể đồng nghiệp đóng góp ý kiến. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát ý sự hài lòng của sinh viên về thái độ phục vụ và hoạt động hỗ trợ của đội ngũ này cũng được đưa ra xem xét [H7.07.03.03]. Sau khi tiếp nhận các ý kiến của các bên, Trưởng đơn vị quyết định mức đánh giá và phân loại nhân viên trước tập thể và gửi cho Nhà trường. Kết quả đánh giá viên chức được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận [H7.07.03.04].

Trong những năm gần đây, hầu hết đội ngũ chuyên viên của Trường và Khoa đều được đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H7.07.03.05]. Kết quả đánh giá đều được thông qua từ cấp cơ sở [H7.07.03.06] và được phòng chức năng, ban đánh giá kiểm tra và Hiệu trưởng đưa ra quyết định khen thưởng [H7.07.03.07]. Một số nhân viên có các sáng kiến kinh nghiệm được áp dụng hiệu quả trong công việc hoặc lập thành tích xuất sắc được Hiệu trưởng khen thưởng và công nhận các danh hiệu thi .

## *2. Điểm mạnh*

Việc đánh giá, xếp loại đội ngũ nhân viên hằng năm của Trường nói chung và của Khoa Ngoại Ngữ nói riêng được thực hiện nghiêm túc theo các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể. Kết quả đánh giá đảm bảo tính khách quan, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc khảo sát sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên và chưa được xem như kênh thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện việc phân loại, đánh giá

nhân viên.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2019-2020, Nhà trường thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên thường xuyên, theo định kỳ nhằm có thêm cơ sở đánh giá chính xác năng lực của nhân viên trong việc thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

#### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7*

***Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.***

##### *1. Mô tả*

Trong những năm qua, Trường ĐHQN luôn chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên đáp ứng mục tiêu chung của Nhà trường đã đề ra. Việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, cụ thể trong *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN* với các hình thức và yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng: Đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Bồi dưỡng kiến thức quản trị học, chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học, lý luận chính trị và kiến thức hỗ trợ khác. Đồng thời, Quy chế cũng xác định rõ về các điều kiện, yêu cầu, quyền lợi và nghĩa vụ đối với viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng cũng như các quy định khác có liên quan [H7.07.04.01]. Căn cứ báo cáo tổng kết hằng năm về kết quả đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, Nhà Trường đã xác định rõ nhu cầu cho năm tiếp theo, từ đó xây dựng và triển khai kế hoạch, phân bổ kinh phí.

Hằng năm, Trường đều có kế hoạch và triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng viên chức nói chung và đội ngũ nhân viên nói riêng dựa trên các tiêu chuẩn, yêu cầu của chức danh nghề nghiệp mà viên chức đảm nhận và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường [H7.07.04.02]. Trong 5 năm qua, đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và Khoa Ngoại ngữ nói riêng được Nhà trường và Khoa tạo điều kiện và cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tại Trường hoặc tại các tỉnh, thành trên cả nước [H7.07.04.03], [H7.07.04.04].



Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên theo *Quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHQN*. Qua đó, Trường hỗ trợ, khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho đội ngũ nhân viên được đi học cao học, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, tham dự hội thảo, hội nghị khoa học ... Điều này góp phần tạo động lực cho nhân viên phấn đấu học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đáp ứng tốt các yêu cầu hỗ trợ về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.04.05], [H7.07.04.06].

### *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

Nhà trường có triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

### *3. Điểm tồn tại*

Công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên, liên tục.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2019-2020, Khoa Ngoại ngữ tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của Khoa và đề nghị Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thiết thực cho đội ngũ nhân viên nhằm phục vụ tốt hơn trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Khoa và của Trường.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7*

***Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

#### *1. Mô tả*

Khoa Ngoại ngữ và Nhà trường luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ kết quả công việc của nhân viên nhằm tạo động lực cho cán bộ trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã ban hành văn bản Quy định về công tác thi đua, khen

thường Trường ĐHQN [H7.07.05.01] làm cơ sở cho việc đánh giá, phân loại viên chức và bình xét thi đua, khen thưởng cho viên chức theo từng năm học. Quy trình theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thể hiện rõ trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức [H7.07.05.01], [H7.07.05.02] Hàng năm, căn cứ vào mức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhân viên, Nhà trường có các hình thức khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua đối với các cá nhân như: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc,... dựa trên các tiêu chuẩn cụ thể. Nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ viên chức phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao Nhà trường còn có Quy định về việc xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao đối với các viên chức đạt được các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, được nhận bằng khen cấp Bộ, cấp Tỉnh [H7.07.05.02], [H7.07.05.03].

Hàng năm Khoa và Nhà trường luôn triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo [H7.07.05.04]. Những cán bộ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng luôn hoàn thành công việc được giao, luôn được Khoa, Nhà trường ghi nhận và kết thúc mỗi năm học, nhân viên tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, đơn vị tổ chức họp lấy ý kiến đánh giá của đồng nghiệp và của cấp trên đối với viên chức và thống nhất kết quả đánh giá và bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng đối với cá nhân. Kết quả phân loại đánh giá viên chức được Hiệu trưởng phê duyệt làm cơ sở cho việc bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với từng cá nhân được Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Trường họp xét duyệt và thông qua [H7.07.05.05], [H7.07.05.06].

Việc đánh giá hiệu quả công việc của viên chức được Khoa và Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo khách quan, công bằng và chính xác. Các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá viên chức, thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn đều được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi bằng văn bản hoặc thông qua các Hội nghị Công chức-Viên chức hằng năm trước khi chính thức ban hành hoặc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung [H7.07.05.07], [H7.07.05.08].

## *2. Điểm mạnh*

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ hỗ trợ. Công tác

đánh giá, thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được Nhà trường quy định rõ ràng, công khai, góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

### *3. Tồn tại*

Chưa có tiêu chí đánh giá chất lượng công việc cụ thể vì vậy việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên như chưa thực sự hiệu quả.

Chưa có chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho các cán bộ trong quá trình làm việc

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm 2021 Nhà trường sẽ xây dựng tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng công việc theo từng vị trí việc làm cũng như xây dựng chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho các cán bộ trong quá trình làm việc.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7*

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 7**

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN và của khoa Ngoại ngữ đảm bảo về chất lượng, được tuyển dụng đúng quy trình của Nhà trường, quá trình tuyển dụng và kết quả tuyển dụng được công bố công khai và rộng rãi. Trường ĐHQN và khoa Ngoại ngữ có cơ chế tạo điều kiện và khuyến khích đội ngũ cán bộ hỗ trợ bồi dưỡng và tự bồi dưỡng, nâng cao phương pháp và công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ của khoa Ngoại ngữ hiện nay đảm bảo thực hiện tốt công tác hỗ trợ và phục vụ đào tạo và NCKH của Khoa và Nhà trường. Trong những năm học tiếp theo, Nhà trường sẽ xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc theo từng vị trí việc làm để từ đó có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên một cách khoa học và chính xác hơn.

Tự đánh giá theo 7 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Ngôn ngữ Anh đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí trong đó 04 tiêu chí đạt 4/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.**

### ***Mở đầu***

Để đáp ứng yêu cầu của bộ GD&ĐT và xu thế của thời đại, từ năm 2010, Trường ĐHQN đã chuyển đổi hình thức đào tạo từ đào tạo niên chế sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Đây là giai đoạn mà nhiều trường đại học khác trong nước có sự thay đổi và cạnh tranh lớn về số lượng cũng như chất lượng của người học. Vì vậy, Nhà trường buộc phải xây dựng lại chính sách tuyển sinh cho phù hợp, rõ ràng, và đã đưa ra các phương pháp xét tuyển công khai. Nhà trường cũng đã thiết lập hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học một cách minh bạch. Đồng thời, các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời và thường xuyên. Bên cạnh đó, Nhà trường đặc biệt quan tâm cải thiện môi trường tâm lý xã hội tích cực, làm cho cảnh quan xung quanh đẹp và tiện ích hơn. Từ đó nâng cao chất lượng người học, hoạt động hỗ trợ người học và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường nói chung.

***Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật.***

### ***1. Mô tả***

Hàng năm, khoa Ngoại ngữ tuyển người học theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H8.08.01.01]. Bên cạnh đó, các đề án tuyển sinh của Nhà trường cũng đầy đủ các phương thức, chỉ tiêu và quy trình xét tuyển [H8.08.01.02]. Tất cả thông tin tuyển sinh đều được xác định rõ ràng, đầy đủ, chi tiết và cập nhật thường xuyên. Để thông tin xét tuyển đến được với số đông người học và mang tính đại chúng, Nhà trường luôn thông báo công khai trong các thông báo, kế hoạch tuyển sinh/ xét tuyển của Nhà trường trên cổng thông tin tuyển sinh điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng khác [H8.08.01.03], [H8.08.01.04]

Công tác tư vấn tuyển sinh của Nhà trường cũng được tổ chức thường xuyên và lên kế hoạch chi tiết. Khoa thường xuyên phối hợp với Ban tư vấn tuyển sinh về tư vấn tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh như Gia Lai, Phú Yên, Khánh Hòa và Đắk Lắk. [H8.08.01.05]. Qua đó, đội ngũ tư vấn tuyển sinh cung cấp cho các học sinh cũng như phụ huynh đầy đủ thông tin về chính sách tuyển sinh của ngành ngôn ngữ Anh. Bên cạnh đó, sự đa dạng về công tác tuyển

sinh cũng được thể hiện qua sự cộng tác với Báo Tuổi trẻ trong việc tổ chức các buổi tư vấn tuyển sinh ngay tại trường Đại học Quy Nhơn dưới hình thức “Ngày hội tư vấn hướng nghiệp - tuyển sinh và ngày hội tư vấn xét tuyển [H8.08.01.06].

Số lượng thí sinh ngành Ngôn ngữ Anh theo học tại khoa trong 5 năm gần đây được thể hiện qua bảng 8.1. như sau:

**Bảng 8.1.** Số lượng thí sinh nhập học thực tế

Năm học	Số lượng nhập học thực tế
2015 – 2016	281
2016 – 2017	133
2017 – 2018	637
2018 – 2019	437
2019 – 2020	354

Các số liệu ở bảng trên cho thấy số lượng sinh viên của khoa Ngoại ngữ tăng mạnh trong năm học 2017-2018. Điều đó cho thấy chính sách tuyển sinh của Trường, Khoa được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật. Do đó, Khoa Ngoại ngữ đã thu hút được số lượng lớn thí sinh đạt các tiêu chí đặt ra và cơ bản đạt chuẩn chất lượng đầu vào [H8.08.01.07]. Tuy nhiên, từ năm 2018 đến nay, số lượng sinh viên giảm dần do sinh viên ngôn ngữ Anh không còn được học Chứng chỉ Nghiệp vụ.

## 2. Điểm mạnh

Chính sách và định hướng cũng như kế hoạch tuyển sinh của khoa Ngoại ngữ luôn được xác định rõ ràng, chuẩn bị kỹ lưỡng và phù hợp với nhu cầu thực tế. Bên cạnh đó, các chính sách tuyển sinh cũng được công khai và cập nhật thường xuyên trên trang web của Trường, của khoa Ngoại ngữ và một số địa chỉ khác. Nhờ vậy mà người học luôn có đầy đủ thông tin về ngành học, chương trình học cũng như cơ hội tìm kiếm việc làm, từ đó sẽ có tinh thần học tập hăng say hơn.

## 3. Điểm tồn tại

Bên cạnh những nỗ lực và thành tựu trong công tác tuyển sinh vẫn còn tồn tại hạn chế là Nhà trường và Khoa Ngoại ngữ chưa thực hiện khảo sát ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh thường xuyên và liên tục.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Hoạt động tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh được tiếp tục tiến hành hàng năm để đảm bảo chất lượng công tác tuyển sinh đại học chính quy theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Đồng thời, từ năm học 2020-2021 trở đi sẽ thực hiện khảo sát ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của Khoa, Trường thường xuyên và liên tục.

#### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7*

***Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.***

##### *1. Mô tả*

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Nhà trường và Khoa xác định rõ ràng trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường. Từ năm học 2015- 2016 trở về trước, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh ngành Ngôn ngữ Anh được tiến hành theo đúng quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT với khối D (Văn, Toán và tiếng Anh); thí sinh được tuyển dựa vào kết quả kỳ thi chung do Bộ GD&ĐT quy định có điểm thi 3 môn của khối D theo điểm sàn quy định. Năm 2017 và năm 2018 công tác tuyển sinh của Khoa thực hiện theo quy chế tuyển sinh mới của Bộ GD&ĐT và phương án tuyển sinh của Nhà trường chuyển từ tuyển sinh theo hình thức ba chung của Bộ GD&ĐT sang hình thức tuyển sinh xét tuyển theo kết quả thi kỳ thi THPT Quốc gia theo tổ hợp môn xét tuyển D01 và A01 và xét tuyển theo học bạ THPT (điểm trung bình chung 3 môn học trong tổ hợp môn xét tuyển năm lớp 12 lớn hơn hoặc bằng 6,0 theo thang điểm 10 [**H8.08.02.01**]).

Dựa trên cơ sở yêu cầu của thị trường sử dụng lao động, các tiêu chí tuyển sinh được cập nhật và sửa đổi theo đề xuất của Khoa. Gần đây nhất, công tác tuyển sinh ngành Ngôn ngữ Anh của Khoa được thực hiện theo chính sách tuyển sinh mới của Nhà trường. Trong đề án đó, Nhà trường đã bổ sung nhiều phương pháp xét tuyển người học như dựa trên kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia, xét tuyển dựa vào học bạ THPT và hình thức xét tuyển thẳng. Đối với ngành Ngôn ngữ Anh, thí sinh được xét tuyển dựa theo kết quả của tổ hợp môn xét tuyển: D01, A01, D14 và D15. Ngoài ra, Nhà trường cũng có thêm hình thức xét tuyển thẳng cho

ngành Ngôn ngữ Anh đối với các thí sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi môn tiếng Anh cấp tỉnh và cấp quốc gia [H8.08.02.02].

Với các tiêu chí và phương pháp để tuyển chọn người học theo cách mới như trên, Khoa Ngoại ngữ đã tuyển được số lượng thí sinh đạt các tiêu chí đặt ra và cơ bản đạt chuẩn chất lượng đầu vào. Khoa Ngoại ngữ bước đầu cũng đã thu hút được một số thí sinh có năng lực tốt vào học ngành Ngôn ngữ Anh [H8.08.02.03].

Sau mỗi đợt tuyển sinh, Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung kịp thời cho năm sau [H8.08.02.04]. Ban tư vấn tuyển sinh của Trường cũng tiến hành phân tích xu hướng người học và dự báo tình hình tuyển sinh để tư vấn cho các năm sau. Trên cơ sở đó, tiêu chí và phương pháp tuyển người học sẽ được điều chỉnh phù hợp với thực tế, tầm nhìn và sứ mạng của Trường ĐHQN, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho các tỉnh khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

## *2. Điểm mạnh*

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được công khai, cập nhật, được đánh giá khách quan và chính xác đã đảm bảo tuyển chọn được thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào trường cũng như ngành Ngôn ngữ Anh.

## *3. Điểm tồn tại*

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh theo hình thức dựa vào học bạ đã làm cho chất lượng đầu vào của các thí sinh thấp. Trong khi đó, CTĐT của ngành Ngôn ngữ Anh yêu cầu ngày càng nâng cao, điều đó dẫn đến tình trạng một số sinh viên không theo kịp CTĐT của Khoa.

## *4. Kế hoạch hành động*

Để giải quyết những tồn tại trong công tác tuyển chọn người học, trong kỳ tuyển sinh cho năm học 2020-2021, Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Ban tuyển sinh của Nhà trường, trao đổi, thảo luận và đưa ra các giải pháp như sau: Đưa ra điểm sàn được công nhận trúng tuyển vào Khoa Ngoại ngữ một cách phù hợp; theo dõi sát sao tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học/số lượng thí sinh được công nhận trúng tuyển để có sự điều chỉnh và can thiệp kịp thời; có các hình thức quảng bá phù hợp, đa dạng và hấp dẫn hơn nhằm thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh có năng lực tốt vào học.

## *6. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học.***

***1. Mô tả***

Nhà trường và Khoa Ngoại ngữ có hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học một cách chặt chẽ và hiệu quả. Hệ thống giám sát này được thực hiện thông qua hệ thống cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, và các phòng ban chức năng trong Trường.

Về học tập, kết quả học tập của sinh viên được đánh giá dựa trên Quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ [H8.08.03.01], [H8.08.03.02], [H8.08.03.03]; và khối lượng học tập của người học được nêu cụ thể và chi tiết trong chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết của từng học phần do Trường ĐHQN ban hành [H8.08.03.04]. Đề cương chi tiết của ngành Ngôn ngữ Anh nêu rõ mục tiêu đạt được, phương thức kiểm tra, đánh giá cụ thể đối với từng môn học như mức độ chuyên cần, thái độ học tập, hình thức và cách thức đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ và được công khai cho người học vào đầu học kỳ. Theo cách đánh giá, sinh viên sẽ được giám sát chặt chẽ, chính xác trong mỗi tiết học cũng như trong suốt quá trình học tập của mỗi học phần bởi chính các giảng viên trực tiếp giảng dạy học phần. Hơn nữa, trường ban hành các quyết định về quy định tổ chức thi học phần dẫn đến kết quả điểm thi cuối kỳ của sinh viên được đánh giá khách quan và chính xác [H8.08.03.05]. Hệ thống giám sát, đánh giá chặt chẽ và phù hợp như trên đã tạo cho sinh viên thói quen học tập chăm chỉ, trung thực và nghiêm túc.

Về rèn luyện, kết quả rèn luyện của sinh viên được đánh giá thông qua kết quả học tập, các hoạt động phong trào của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và hoạt động NCKH sinh viên trong Trường. Kết quả rèn luyện được đánh giá và xếp loại cụ thể theo từng học kỳ và theo đúng Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học chính quy do Bộ GD&ĐT ban hành [H8.08.03.06]. Hơn nữa, để khuyến khích sinh viên tham gia NCKH, Nhà trường đã dành một phần kinh phí để hỗ trợ cho hoạt động này [H8.08.03.07]. Điều này đã góp phần thúc đẩy sinh viên có nhiều tiến bộ hơn trong học tập cũng như rèn luyện.

Để đảm bảo việc giám sát tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên, Khoa Ngoại ngữ và Nhà trường đã xây dựng phần mềm quản lý điểm của sinh viên,



đồng thời thành lập một đội ngũ cố vấn học tập làm công tác kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm giám sát, tư vấn sinh viên trong các vấn đề liên quan đến học tập và rèn luyện [H8.08.03.08]. Mỗi tháng, cố vấn học tập được quy định gặp lớp sinh viên mình phụ trách một lần để thông báo các nội dung hoạt động hàng tháng của Khoa và Trường, đồng thời tiếp thu, tư vấn, hỗ trợ cho sinh viên các vấn đề liên quan đến học tập và rèn luyện [H8.08.03.09]. Do đó, cố vấn học tập luôn nắm được cụ thể tình hình học tập cũng như rèn luyện của từng sinh viên trong tháng, từ đó phối hợp với Khoa và Nhà trường đưa ra các biện pháp phù hợp để giúp đỡ sinh viên tiến bộ hơn trong học tập cũng như rèn luyện. Ngoài ra, cố vấn học tập còn phối hợp với trợ lý đào tạo cung cấp cho sinh viên thông tin về CTĐT, khối lượng kiến thức theo học kỳ, khối kiến thức chuyên ngành, các học phần bắt buộc và tự chọn, giúp sinh viên lựa chọn và đăng ký đúng và đủ số tín chỉ theo quy định đó,

Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được nhà trường thực hiện thường xuyên và định kỳ. Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Đào tạo Đại học và Phòng Công tác chính trị & Sinh viên cung cấp cho Khoa, cố vấn học tập, và sinh viên bảng điểm rèn luyện và bảng điểm tổng hợp các học phần của mỗi sinh viên, trong đó ghi rõ tổng số tín chỉ mà sinh viên đã tích lũy, điểm trung bình chung các học phần, kết quả học tập, các hình thức cảnh báo kết quả học tập [08.03.10], [08.03.11]. Điều này sẽ giúp sinh viên nắm được đầy đủ thông tin liên quan đến quá trình học tập và rèn luyện của mình. Trên cơ sở đó, cùng với sự hỗ trợ từ các cố vấn học tập, sinh viên sẽ đề ra kế hoạch hành động cụ thể để đạt được kết quả học tập và rèn luyện tốt hơn.

Trên cơ sở Quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ của Bộ GD&ĐT, Quy định đào tạo Đại học và cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ của Trường ĐHQN, Khung CTĐT và kết quả học tập của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, Nhà trường cùng với Khoa Ngoại ngữ và cố vấn học tập sẽ xét cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học đối với sinh viên có điểm học tập và rèn luyện dưới mức quy định. Kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên được Khoa Ngoại ngữ, Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Công tác chính trị & Sinh viên và cố vấn học tập thông báo kịp thời cho sinh viên và gia đình để theo dõi sự tiến bộ của sinh viên qua mỗi học kỳ.

**Bảng 8.3.** Tỷ lệ sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh hoàn thành CTĐT trong 5 năm gần đây

<b>Năm học</b>	<b>Số lượng sinh viên hoàn thành CTĐT</b>	<b>Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp (%)</b>
2015-2016	86	93,5%
2016-2017	97	84,3%
2017-2018	88	89,8 %
2018-2019	102	40,0%
2019-2020	176	62,6%

Bảng số liệu trên cho thấy tỷ lệ sinh viên hoàn thành CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh trong 3 năm 2016, 2017, và 2018 khá cao, cụ thể 93,5%, 84,3%, và 89,8%. Tuy nhiên, trong năm học 2019 và 2020 tỷ lệ sinh viên ngành ngôn ngữ Anh hoàn thành CTĐT chỉ ở mức 40,0 % và 62,6 %. Điều này được lý giải một phần do sinh viên chưa hoàn thành số tín chỉ theo khung chương trình, và phần lớn sinh viên chưa đạt được yêu cầu chuẩn đầu ra Ngoại ngữ tiếng Anh theo khung Năng lực Ngoại ngữ Việt Nam bậc 5/6.

### 2. Điểm mạnh

Khối lượng học tập được xếp thành các khối kiến thức chuyên ngành hẹp trong khối kiến thức ngành và bổ trợ, giúp người học có nhiều cơ hội lựa chọn các học phần phù hợp với nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của bản thân.

Sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được giám sát bởi hệ thống gồm giảng viên, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, quản lý sinh viên, và các phòng ban chức năng đã tạo ra hiệu quả cao trong hoạt động cải tiến chất lượng học tập của người học.

### 3. Điểm tồn tại

Một số học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành chung chiếm thời lượng quá nhiều ngay từ năm thứ nhất. Điều đó làm cho người học giảm hứng thú học tập ngay thời gian mới nhập học.

Việc quản lý đào tạo bằng phần mềm đôi lúc vẫn chưa kịp thời đáp ứng các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Mặc dù Khoa và Trường đã luôn giám sát tiến trình học tập của sinh viên, song một số sinh viên còn chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, dẫn đến tình trạng sinh viên chưa tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định cũng như chưa hoàn thành các điều kiện CĐR. Tỷ lệ sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh hoàn thành CTĐT tương đối thấp.

### *1. Kế hoạch hành động*

Trong năm học tới, Hội đồng khoa học khoa sẽ đề xuất với Nhà trường về việc điều chỉnh lại kế hoạch phân bổ các học phần thuộc khối kiến thức chung trong CTĐT sao cho phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên sớm tiếp cận với kiến thức và kỹ năng chuyên ngành ngay từ năm thứ nhất. Đồng thời, Khoa cùng với CVHT sẽ tổ chức buổi gặp mặt, giao lưu để tư vấn, hỗ trợ và giúp sinh viên có được những định hướng và kế hoạch trong học tập.

Khoa Ngoại ngữ đề nghị Nhà trường cải thiện phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ để người học cập nhật được thông tin kịp thời.

### *2. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

***Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.***

#### *1. Mô tả*

Sinh viên Trường Đại học Quy Nhơn sau khi tốt nghiệp tìm được việc làm có tỉ lệ khá cao so với số lượng sinh viên tốt nghiệp ra trường thất nghiệp trong cả nước như hiện nay [H8.08.04.01]. Nhằm giúp sinh viên nâng cao nhận thức về quyền lợi và ý thức trách nhiệm, Nhà trường trang bị đầy đủ, kịp thời những thông tin cơ bản và cần thiết thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến nhiệm vụ của người học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo, rèn luyện và nhu cầu xã hội. Với sinh viên mới nhập học, để giúp sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt, có khả năng xin được việc sau khi tốt nghiệp, Nhà trường và Khoa Ngoại ngữ đã phối hợp với các phòng ban chức năng tăng cường công tác quản lý, hỗ trợ sinh viên trong các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác. Ngay từ khi mới nhập học, sinh viên đã được Nhà trường và Khoa tư vấn rất chu đáo về thông tin tổng quan về Trường và Khoa, về chương trình đào tạo, Quy định và Quy

chế đào tạo, phương pháp hòa nhập với môi trường học tập mới thông qua các buổi sinh hoạt đầu khóa cho sinh viên **[H8.08.04.02]**.

Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho cố vấn học tập là người chịu trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ học tập cho sinh viên, phối hợp với đơn vị liên quan tăng cường công tác quản lí, hỗ trợ và tư vấn cho sinh viên trong quá trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ **[H8.08.04.03]**. Công tác cố vấn học tập được phân công và triển khai ngay từ đầu các năm học. Cố vấn học tập là những giảng viên có kinh nghiệm, hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên các vấn đề liên quan đến học tập như việc lựa chọn đăng kí học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập. Định kì 01 lần/tháng, Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn nội dung sinh hoạt lớp, trong đó thông tin cụ thể đến sinh viên tình hình hoạt động của Nhà trường, phương hướng và các hoạt động trong tháng tới cũng như một số vấn đề liên quan đến việc giải quyết quyền lợi của người học **[H8.08.04.04]**. Giữa mỗi năm học, Nhà trường tổ chức đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo Nhà trường nhằm thu thập thông tin phản hồi của sinh viên về tất cả hệ thống quản lí của Nhà trường để có thể làm hài lòng người học. Ngoài ra, thông qua các hòm thư góp ý, sinh viên có thể tham gia đóng góp ý kiến nhằm cải thiện các hoạt động hỗ trợ học tập **[H8.08.04.05]**. Vào đầu mỗi năm học, Khoa thường tổ chức buổi định hướng đầu khóa cho sinh viên năm nhất và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên năm thứ hai, thứ ba, và thứ tư nhằm cung cấp cho sinh viên những thông tin, kiến thức về nghề nghiệp trong xã hội và định hướng cho sinh viên hướng đi đúng đắn trong tương lai **[H8.08.04.06]**.

Nhà trường luôn quan tâm và động viên khen thưởng kịp thời những sinh viên có thành tích tốt **[H8.08.04.07]**. Bên cạnh các hoạt động học tập theo chương trình đào tạo, sinh viên khá giỏi còn có cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên hàng năm. Đây là hoạt động hỗ trợ nhằm giúp sinh viên làm quen với nghiên cứu khoa học, tạo tiền đề để sinh viên có thể học lên các bậc học cao hơn sau khi tốt nghiệp đại học. Để khuyến khích cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, Nhà trường cũng dành một phần kinh phí nhất định để hỗ trợ **[H8.08.04.08]**.

Hơn thế nữa, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ với doanh nghiệp và ban hành Quy chế hoạt động của Trung tâm **[H8.08.04.09]**. Thông qua Trung tâm này, Nhà trường thường xuyên tổ chức các ngày hội việc làm,

mời các doanh nghiệp tham gia giới thiệu cho sinh viên những vị trí và cơ hội việc làm [H8.08.04.10]. Ngoài các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên học tập, nghiên cứu khoa học, tìm kiếm việc làm, sinh viên còn được tham gia các cuộc thi do Hội Sinh viên, Đoàn Thanh niên tổ chức. Các hoạt động ngoại khóa đã tập hợp được đông đảo sinh viên tham gia, tạo ra những sân chơi bổ ích cho sinh viên. Từ đó, làm tăng cơ hội tiếp xúc và định hướng nghề nghiệp sau tốt nghiệp cho người học [H8.08.04.11].

Bên cạnh đó, sinh viên Khoa Ngoại ngữ luôn có cơ hội được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa do Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên của Trường, Khoa tổ chức. Với phương châm hoạt động tích cực, lành mạnh, sáng tạo và thiết thực, các hoạt động ngoại khóa, sân chơi bổ ích giúp người học hình thành những kỹ năng cần thiết cho học tập cũng như cho nghề nghiệp khi ra trường [H8.08.04.12]. Ngoài ra, Khoa Ngoại ngữ thành lập English House và sinh hoạt định kỳ 1 tháng 1 lần. Đây là sân chơi trí tuệ bổ ích cho sinh viên, tạo sự gắn kết giữa sinh viên với sinh viên, sinh viên với giảng viên, giúp sinh viên trau dồi kiến thức, phát triển kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc theo nhóm [H8.08.04.13].

Đặc biệt, sinh viên năm cuối được đi trải nghiệm thực tế làm phiên dịch thuyết trình bằng tiếng Anh tại Đà Nẵng. Đây được xem như là một trải nghiệm lớn đối với sinh viên trong 4 năm học và cũng giúp cho sinh viên trau dồi thêm kiến thức, kinh nghiệm để phục vụ cho nghề nghiệp của họ sau khi ra trường [H8.08.04.14].

## 2. Điểm mạnh

Trợ lý Khoa, cố vấn học tập thường xuyên hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho sinh viên trong việc lựa chọn các học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập thực tế.

Môi trường sinh hoạt lành mạnh, năng động và sáng tạo giúp người học hình thành những kỹ năng mềm trong học tập và trong cuộc sống.

Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối doanh nghiệp được thực hiện dưới nhiều hình thức giúp người học có cơ hội tiếp cận việc làm trước khi ra trường.

## 3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số sinh viên chưa chủ động trong việc tham gia Câu lạc bộ tiếng Anh và thực hành nói tiếng Anh tại phòng English House do Khoa Ngoại ngữ tổ chức.

Sinh viên còn thụ động trong việc tự trang bị các kỹ năng mềm cần thiết thông qua các hoạt động ngoại khóa.

Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, giảng viên phụ trách thực tập chưa được bao quát.

Đa số sinh viên ngại tiếp cận với cố vấn học tập để làm nghiên cứu khoa học.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Để cải tiến những tồn tại nêu trên, từ năm học 2020 trở đi, Khoa Ngoại ngữ sẽ tăng cường thực hiện các giải pháp sau: khuyến khích sinh viên làm nghiên cứu khoa học, tham gia Câu lạc bộ - thực hành tiếng Anh tại phòng English House và các hoạt động ngoại khóa khác để phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên.

Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp sẽ tăng cường liên kết với nhà tuyển dụng, xây dựng chương trình hoạt động phù hợp với nhu cầu tuyển dụng thực tế cho sinh viên; Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, giảng viên phụ trách thực tập trải nghiệm thực tế để kịp thời có những điều chỉnh cần thiết.

#### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.***

##### *1. Mô tả*

Khuôn viên của Trường ĐHQN được thiết kế rất khoa học, gồm có các khu vực: Khu giảng đường, thực hành, thí nghiệm; Khu làm việc hành chính; Khu ký túc xá sinh viên và Khu thư viện. Khuôn viên nhà trường rộng rãi, thoáng mát và được đầu tư vào công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, lớp học luôn sạch sẽ, hệ thống thoát nước tốt, trồng nhiều cây xanh. Ký túc xá rộng rãi và sạch sẽ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và học tập của sinh viên, với diện tích 4m<sup>2</sup>/người. Sơ đồ các khu vực trong Trường rất rõ ràng và được công bố rộng rãi trên website của Trường và trên các pano, áp phích đặt trong khuôn viên của Trường nhằm tạo sự thuận tiện cho sinh viên khi di chuyển trong khuôn viên Trường [H8.08.05.01].

Các giảng đường, hội trường, nhà luyện tập thể dục thể thao luôn được đầu tư, sửa chữa và nâng cấp theo tình hình thực tế sử dụng. Nhà trường cũng chú trọng

đầu tư mua sắm nhiều trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học. Thư viện của Trường được trang bị, cập nhật thường xuyên nhiều sách giáo trình và tài liệu phục vụ người học, ký túc xá sinh viên có sức chứa hơn 3000 chỗ ở, được trang bị wi-fi, nước máy và luôn đảm bảo tốt vấn đề an ninh. Các dịch vụ giữ xe, nhà ăn, căn tin, văn phòng phẩm, photocopy được Nhà trường tổ chức đấu thầu với giá cả hợp lý, chất lượng phục vụ tốt. Các khu nhà chức năng được bố trí phù hợp, tiện lợi cho sinh viên trong học tập và sinh hoạt.

Nhà trường đã ban hành các bảng/biển phổ biến nội quy/quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục cho tất cả sinh viên của trường nhằm tạo môi trường làm việc, học tập thân thiện, hợp tác, trách nhiệm, cởi mở, trung thực, văn minh trong nhà trường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo **[H8.08.05.02]**. Nhà trường cũng đã ban hành các nội quy giảng đường, nội quy thư viện và nội quy ký túc xá để hướng tới triết lý khai phóng trong giáo dục, tạo động lực mới và sự thoải mái trong tư tưởng của toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên **[H8.08.05.03]**.

Khoa Ngoại ngữ và Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, các cuộc thi bổ ích để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho sinh viên, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng sinh viên trong Trường **[H8.08.05.04]**.

Trong các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, giảng viên Khoa Ngoại ngữ luôn nhiệt tình, chu đáo, từ đó kích thích sự đam mê tìm tòi trong học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên. Giảng viên Khoa Ngoại ngữ luôn lắng nghe và tôn trọng ý kiến của sinh viên, đồng thời luôn khuyến khích sinh viên tự học và độc lập suy nghĩ. Khoa đã thành lập English House, được sinh hoạt định kỳ 1 lần/ tháng với mục đích tạo ra môi trường lành mạnh và thân thiện để sinh viên có thể học hỏi, trao đổi kinh nghiệm. Từ đó có thể giúp sinh viên nâng cao kiến thức cũng như kỹ năng sống phục vụ cho công việc sau này **[H8.08.05.05]**.

Để chuẩn bị tốt cho hoạt động học tập, Trường ĐHQN chú trọng đến việc chăm sóc sức khỏe cho sinh viên thông qua các hoạt động thăm khám sức khỏe cho sinh viên **[H8.08.05.06]**. Trường cũng tổ chức các chương trình tư vấn, chia sẻ kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho các sinh viên nữ **[H8.08.05.07]**. Nhằm nâng cao tinh thần cảnh giác, nhận thức của sinh viên trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19, nhà trường chú trọng tuyên truyền đến sinh viên thông tin chính xác, kịp

thời diễn biến tình hình, tính chất nguy hiểm, nguy cơ, tác hại và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh thông qua các thông báo tại mỗi phòng học cũng như trong các buổi sinh hoạt lớp đột xuất và định kỳ [H8.08.05.08]. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm ở các nhà ăn trong Trường cũng được chú trọng và thường xuyên quan tâm [H8.08.05.09]. Công tác phòng chống cháy nổ cũng được chú trọng đầu tư [H8.08.05.10]. Công tác bảo đảm an ninh trong Trường và trong khu vực cũng được Nhà trường phối hợp với các cơ quan an ninh của khu vực thực hiện nghiêm túc [H8.08.05.11].

Nhà trường và Khoa thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quang trong nhà trường thông qua phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Trên cơ sở tiếp thu, Nhà trường tiến hành điều chỉnh, áp dụng biện pháp mới nhằm làm cho môi trường văn hóa, xã hội và cảnh quan ngày càng phù hợp hơn với nhu cầu của người học [H8.08.05.12].

## 2. Điểm mạnh

Với cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại, Trường ĐHQN luôn đáp ứng tốt các nhu cầu học tập, sinh hoạt và rèn luyện của người học.

Trong môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch và đẹp, sinh viên Khoa Ngoại ngữ được phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần, phát huy tính chủ động trong học tập và NCKH.

Khi học tập tại Khoa Ngoại ngữ, sinh viên sẽ thấu hiểu tầm quan trọng của sự tôn trọng tính chủ thể, chấp nhận sự khác biệt, quyền tự quyết của mỗi cá nhân, không phân biệt đối xử. Từ đó mối quan hệ, ứng xử giữa thầy-trò Khoa Ngoại ngữ có sự mềm mại và linh hoạt, tạo ra môi trường tâm lý xã hội tích cực trong học tập và giảng dạy.

## 3. Điểm tồn tại

Phòng nghiệp vụ (nghe nhìn) của khoa chưa được nhà trường đầu tư toàn diện gây ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo của ngành.

Khoa chưa xây dựng được phòng học liệu hiện đại để phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

## 4. Kế hoạch hành động



Trong năm học 2020-2021, Khoa Ngoại ngữ sẽ đề nghị Nhà trường bố trí, sửa chữa, và lắp đặt thêm các hệ thống phòng nghe nhìn tạo điều kiện môi trường thuận lợi để nâng cao hiệu quả học tập và giảng dạy.

Đồng thời Khoa cũng sẽ phát động và khuyến khích các giảng viên đóng góp nguồn tài liệu để tạo dựng và hiện đại hóa phòng học liệu nhằm phát triển sinh viên đam mê học tập và nghiên cứu khoa học.

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 8***

Khoa Ngoại ngữ luôn xác định rõ chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học là một trong những khâu then chốt trong hoạt động đào tạo của Khoa. Chính sách tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn người học của Trường và Khoa được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật thường xuyên. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học luôn được thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh của Trường và thường xuyên được đánh giá. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh nắm đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Do đó, số lượng thí sinh đăng ký vào học ngành Ngôn ngữ Anh tại Khoa hàng năm tăng cao.

Người học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn trong học tập và rèn luyện trong toàn bộ quá trình học tập, Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học đã được Nhà trường phối hợp với Khoa xây dựng và công bố công khai. Khối lượng học tập được phân bổ đồng đều giữa các năm giúp người học không bị quá tải ở mỗi học kỳ. Bên cạnh đó, nhiều hoạt động ngoại khóa được tổ chức, qua đó góp phần giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống lành mạnh và hình thành những kỹ năng mềm cần thiết cho sinh viên của Trường nói chung và sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh nói riêng. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh Khoa và Trường luôn xanh sạch đẹp làm cho Trường ĐHQN trở thành môi trường giáo dục lành mạnh và góp phần phát huy sự sáng tạo, sự thoải mái cho người học.

Tuy nhiên, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh theo hình thức dựa vào học bạ đã làm cho chất lượng đầu vào của các thí sinh thấp. Trong khi đó, CTĐT của ngành Ngôn ngữ Anh yêu cầu ngày càng nâng cao, điều đó dẫn đến tình trạng một số sinh viên không theo kịp CTĐT của Khoa. Ngoài ra, Khoa và Trường vẫn chưa có nhiều chiến lược hành động thu hút học sinh giỏi vào học tại Khoa.

Trong những năm học tới, Khoa cần có những chiến lược phát huy hơn nữa thành tích đã đạt được trong Tiêu chuẩn 8. Khoa cũng sẽ thực hiện các giải pháp mang tính đồng bộ để giải quyết những vấn đề còn tồn đọng, chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học được nâng cao, góp phần vào sự lớn mạnh của Khoa Ngoại ngữ.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Ngôn ngữ Anh đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 01 tiêu chí đạt mức 4/7 và 04 tiêu chí đạt mức 5/7.

## **Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.**

### ***Mở đầu***

Trường ĐHQN được xây dựng và phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật và kết cấu hạ tầng trên tổng diện tích là 24 ha, bao gồm 01 trụ sở chính với diện tích gần 13,2 ha tại 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn và 01 Khu thực nghiệm Nhơn Tân với diện tích gần 11 ha nằm ở xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Cơ sở quy hoạch tổng thể cả về chiều sâu lẫn chiều rộng nhằm tạo môi trường thuận lợi, hài hòa để phát huy toàn bộ năng lực và trí tuệ của giảng viên và sinh viên trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Bên cạnh đó, Nhà trường kết hợp Khoa tăng cường các trang thiết bị giảng dạy, học tập và NCKH theo hướng hiện đại và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng, phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy tính, máy in, máy photocopy, máy chiếu và các thiết bị đảm bảo nhiệt độ, âm thanh và ánh sáng... Thư viện có đủ giáo trình, sách tham khảo, đề cương bài giảng và các loại tạp chí; hệ thống mạng internet được kết nối toàn trường, các phần mềm quản lý đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng. Tọa lạc tại trung tâm thành phố biển Quy Nhơn, Trường ĐHQN có cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp; các vấn đề an toàn, vệ sinh, an ninh, trật tự luôn được đảm bảo; các sân bóng, nhà thi đấu được trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ tốt các hoạt động thể dục, thể thao.

Trong thời gian qua, hệ thống cơ sở vật chất của Trường đã không ngừng được hoàn thiện, quy mô, và hiện đại hơn nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh và bền vững của nhà trường. Trường còn chú trọng cải tiến, nâng cấp các trang thiết bị và hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên cập nhật giáo trình, tài liệu; cải tạo cảnh quan, môi trường, đảm bảo về sức khỏe, trật tự, an ninh, an toàn cho cán bộ, giảng viên, viên chức và người học.

***Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

### ***1. Mô tả***

Hệ thống các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của trường được trang bị đầy đủ các phương tiện hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Văn phòng khoa Ngoại ngữ được bố trí ở tầng 9 của nhà 15 tầng; phòng họp của khoa cũng được bố trí ở tầng 9, sát bên văn phòng Khoa [H9.09.01.01]. Cả 2 phòng này đều được trang bị đầy đủ bàn ghế, các thiết bị ánh sáng, điều hòa. Bên cạnh đó, hệ thống máy vi tính, máy in, máy scan, máy chiếu, tủ đựng hồ sơ tài liệu, mạng Internet cũng được trang bị đầy đủ để phục vụ các hoạt động quản lý đào tạo, nghiên cứu và trao đổi khoa học giữa các giảng viên trong khoa cũng như với các nhà nghiên cứu, chuyên gia trong nước và nước ngoài [H9.09.01.02].

Về phòng học, hiện tại trường có 144 phòng với tổng diện tích là 15.442m<sup>2</sup> được bố trí ở 6 khu giảng đường: A1, A2, A3, A5, A8 và nhà 4 tầng. Trong đó, 30 phòng học có sức chứa từ 100 đến 200 chỗ ngồi là 30, 101 phòng học có sức chứa từ 50 đến 100 chỗ ngồi và 13 phòng có sức chứa dưới 50 chỗ ngồi [H9.09.01.03]. Hầu hết các phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy chiếu, tivi, bảng đen và hệ thống chiếu sáng, âm thanh, quạt, Internet không dây nhằm phục vụ tốt nhất công tác giảng dạy và học tập của giảng viên, sinh viên [H9.09.01.04]. Sinh viên khoa Ngoại ngữ sử dụng phòng học ở các giảng đường theo sự phân công của phòng Đào tạo Đại học.

Hiện nay, trường có 04 phòng Hội thảo và 03 Hội trường lớn với đầy đủ trang thiết bị và hệ thống Internet [H9.09.01.05]. Trung tâm Thông tin tư liệu có phòng đọc với 700 chỗ ngồi được trang bị hệ thống máy tính hiện đại có kết nối Internet, kết nối với hệ thống học liệu quốc gia, quốc tế để đáp ứng nhu cầu khai thác dữ liệu của cán bộ, giảng viên và người học [H9.09.01.06].

Việc khảo sát mức độ hài lòng của cán bộ, giảng viên, viên chức và người học về hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được nhà trường triển khai hằng năm. Kết quả phản hồi từ các khảo sát này là cơ sở để Trường và Khoa điều chỉnh các biện pháp quản lý, bổ sung trang thiết bị, cải tạo nâng cấp các phòng học, hội trường, trung tâm thông tin tư liệu nhằm đáp ứng các yêu cầu của hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học [H9.09.01.07].

## 2. Điểm mạnh

Đa số phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng của trường được trang bị các thiết bị phù hợp với yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên khoa Ngoại ngữ.

Việc kiểm tra được nhà trường tiến hành thường xuyên và liên tục. Khi trang thiết bị hư hỏng thì nhà trường kịp thời sửa chữa và nâng cấp.

### *3. Điểm tồn tại*

Một số phòng được trang bị máy chiếu nhưng chưa có loa nên ảnh hưởng đến chất lượng dạy các kỹ năng ngôn ngữ.

Hơn nữa, hệ thống phòng nghe nhìn đang xuống cấp nên việc giảng dạy và học tập kỹ năng nghe và phiên dịch sẽ bị ảnh hưởng.

### *4. Kế hoạch hành động*

Khoa Ngoại ngữ đề nghị nhà trường lắp đặt thêm hệ thống loa ở các phòng học.

Ngoài ra, Trường cần nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống phòng nghe nhìn để đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7*

***Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

#### *1. Mô tả*

Sinh viên khoa Ngoại ngữ được thụ hưởng nguồn tư liệu, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài từ Trung tâm Thông tin tư liệu của Trường ĐHQN. Trung tâm có tổng diện tích sàn xây dựng là 3.339 m<sup>2</sup>, bao gồm tòa nhà Thư viện trung tâm 3 tầng và 01 dãy nhà trệt nằm liền kề. Trung tâm có 01 phòng giáo trình và 12 phòng đọc với 700 chỗ ngồi, trong đó bao gồm 02 phòng đọc mở, 01 phòng mượn, 02 phòng truy cập internet với 60 máy tính được nối mạng tốc độ cao, và 07 phòng tự học [H9.09.02.01]. Trung tâm còn cung cấp nội quy, quy định, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Hàng ngày, Trung tâm mở cửa từ 7h15' đến 11:15' sáng và từ 13:45' đến 16:45' chiều, tạo điều kiện cho giảng viên và sinh viên tiếp cận các nguồn học liệu một cách thuận lợi nhất [H9.09.02.02].

Bên cạnh đó, Trung tâm Thông tin tư liệu được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động, bao gồm chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính, thiết bị, phần mềm tra

cứu và nguồn học liệu phong phú với nhiều hình thức như sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử. Kể từ năm 2016, Trung tâm đã đề xuất các biện pháp đổi mới về hoạt động theo hướng hiện đại và tối ưu hơn, giúp nâng cao hiệu suất tra cứu cho người sử dụng [H9.09.02.03].

Mặt khác, để thuận tiện hơn trong việc tra cứu nguồn tài liệu của thư viện, Trung tâm cũng có những văn bản hướng dẫn khai thác cơ sở dữ liệu bằng phần mềm CDS/ISIS và khai thác dữ liệu ProQuest Central [H9.09.02.04].

Giáo trình và tài liệu tham khảo (sách, báo, tạp chí, tài liệu) luôn được bổ sung, cập nhật nhanh chóng và kịp thời theo các văn bản đề xuất từ các đơn vị. Các đầu sách của Trung tâm đảm bảo theo đề cương chi tiết học phần các môn học của Khoa Ngoại ngữ, để hỗ trợ cho học viên, sinh viên có thể tiếp cận chuyên sâu và hiểu hơn nội dung môn học [H9.09.02.05].

Hơn nữa, Trung tâm Thông tin tư liệu Trường cố gắng hợp tác với nhiều đơn vị bên ngoài để cung cấp đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của giảng viên, sinh viên và học viên [H9.09.02.06].

Thông qua việc khảo sát thăm dò lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của thư viện đối với chương trình đào tạo của Khoa Ngoại ngữ cho thấy giảng viên và sinh viên về cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của Trung tâm [H9.09.02.07].

Bên cạnh đó, để khuyến khích và phát triển văn hóa đọc của sinh viên, trong những năm 2017 và 2019, Trung tâm Thông tin tư liệu và Hội sinh viên đã phối hợp tổ chức “Ngày sách Việt Nam” [H9.09.02.08]; tuy nhiên số lượng sinh viên Khoa Ngoại ngữ tham gia còn hạn chế, chưa thấy rõ sự tích cực.

Nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu trực tuyến, Trung tâm Thông tin tư liệu đã hợp tác với Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ về quyền khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử, tham gia hệ thống Liên hiệp thư viện Việt Nam, mua quyền khai thác tài liệu tại Thư viện pháp luật trực tuyến, mua dùng chung 3 cơ sở dữ liệu: Cơ sở dữ liệu Proquest Central, Cơ sở dữ liệu STD (Tài liệu KH&CN Việt Nam), Cơ sở dữ liệu KQNC (Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu) [H9.09.02.09].

## 2. Điểm mạnh

- Giảng viên Khoa Ngoại ngữ có ý thức trách nhiệm về việc đầu tư xây dựng nguồn học liệu, luôn cố gắng cập nhật các đầu sách mới và phù hợp với công tác

giảng dạy và chuyên ngành của mình để từ đó giúp sinh viên có thể tiếp nhận được những kiến thức mới và chính xác nhất.

- Sự đa dạng của các nguồn tài liệu của Khoa Ngoại ngữ đã giúp cho giảng viên và sinh viên có nhiều nguồn tham khảo hơn trong việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

### *3. Điểm tồn tại*

Những đề án đổi mới của Trung tâm vẫn chưa thực sự theo hướng hiện đại hóa. Do vậy, nhiều khâu trong công tác quản lý và tra cứu vẫn còn dựa theo mô hình truyền thống.

Ngày hội sách tổ chức với quy mô nhỏ, nên chưa thu hút được nhiều bạn đọc tham gia.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa đề nghị Nhà trường đầu tư kinh phí mua thêm cơ sở dữ liệu, hiện đại hóa trong công tác quản lý và tra cứu thông tin, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người quản lý lẫn người sử dụng. Hơn nữa, Trung tâm cần mua thêm những đầu sách nước ngoài mới xuất bản để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực Ngôn ngữ học. Cán bộ, giảng viên Khoa Ngoại ngữ triển khai thực hiện kế hoạch biên soạn và cập nhật tài liệu, giáo trình để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học. Bên cạnh đó, Trung tâm cần phối hợp với Khoa Ngoại ngữ để tổ chức thêm nhiều hoạt động nhằm khuyến khích sinh viên tích cực tham gia và phát triển “văn hóa đọc” giúp sinh viên bổ sung tri thức cho mình để phục vụ cho công tác dạy và học trong nhà trường.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

#### *1. Mô tả*

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, Trường ĐHQN rất chú trọng đầu tư cho hệ thống phòng thí nghiệm - thực hành với các trang thiết bị hiện đại và phù hợp với nhu cầu của môn học. Các năm trước đây khoa Ngoại ngữ được sử dụng 08 **phòng Lab** tại khu nhà A7 [H9.09.03.01]. Bắt đầu từ năm học 2020, nhà trường đã xây dựng 2 phòng học thông minh đa năng (tại nhà A1, phòng 109 và 110) thích hợp cho việc học ngoại ngữ thay thế cho các phòng lab cũ [H9.09.03.02]. Phòng

học thông minh bên cạnh việc trang bị các ứng dụng phần mềm hiện đại với đầy đủ tính năng cần có, còn trang bị các cơ sở vật chất hiện đại bao gồm màn hình tương tác, máy tính, loa, tai nghe chuyên dụng, và bàn ghế. Ngoài ra, sinh viên khoa Ngoại ngữ cũng được sử dụng 02 phòng máy phục vụ việc học và thực hành tin học Đại cương. Các phòng thực hành tin học mỗi phòng được trang bị 40 máy tính với các phần mềm tin học cùng các thiết bị cung cấp ánh sáng và nhiệt độ phù hợp đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu dạy và học [H9.09.03.03]. Trong suốt quá trình sử dụng, các trang thiết bị thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, thay mới hoặc nâng cấp, cập nhật, bổ sung [H9.09.03.04].

Dưới sự chỉ đạo của nhà trường và sự quản lý thống nhất của phòng Cơ sở Vật chất, cùng với đội ngũ nhân viên chuyên trách, việc quản lý và sử dụng trang thiết bị được đảm bảo sử dụng một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, nhà trường ban hành quy định sử dụng phòng máy [H9.09.03.05].

Nhà trường luôn quan tâm đến công năng sử dụng của các thiết bị tại phòng học, trong đó có phòng thực hành ngoại ngữ; thường xuyên theo dõi kiểm tra để từ đó đưa ra những điều chỉnh thích hợp phục vụ công tác giảng dạy, học tập và NCKH của giảng viên và sinh viên. Cuối mỗi năm học, nhà trường còn triển khai khảo sát sự hài lòng về mức độ đáp ứng nhu cầu của sinh viên và giảng viên về trang thiết bị và chất lượng phục vụ của CSVN tại nhà trường [H9.09.03.06]. Từ đó, nhà trường và khoa sẽ đưa ra các giải pháp kịp thời và phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các trang thiết bị.

## *2. Điểm mạnh*

Các phòng thực hành tin học và 2 phòng smart class được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, hiệu quả sử dụng cao, phù hợp với hoạt động giảng dạy của giảng viên và thực hành của sinh viên.

Các thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, nâng cấp, bổ sung đảm bảo hỗ trợ tốt nhất các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của người học.

## *3. Điểm tồn tại*

Các phòng Lab hiện tại đang xuống cấp và công năng sử dụng thấp. Chưa có phòng học có kết nối internet chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu cho sinh viên và học viên học tập và trao đổi trực tuyến.

## *4. Kế hoạch hành động*



Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Ngoại ngữ đề nghị Nhà trường đầu tư nâng cấp phòng học ngoại ngữ chuyên dụng hiện đại với chất lượng cao và đa chức năng, phục vụ cho nhu cầu thực hành và nghiên cứu ngoại ngữ của Khoa, theo kịp với sự phát triển của các hệ thống trường chất lượng cao trong và ngoài nước, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực ngoại ngữ của xã hội.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

**Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

1. Mô tả

Trường Đại học Quy Nhơn xây dựng mô hình trường học điện tử đảm bảo nguyên tắc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) một cách hiệu quả, thiết thực, nhằm hiện đại hóa công tác quản lý, đổi mới phương pháp dạy-học, đảm bảo đáp ứng tốt trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển của CNTT, cơ sở vật chất về CNTT, Nhà trường đã từng bước tăng cường đầu tư, trang bị máy tính, máy chiếu phục vụ công tác giảng dạy và học tập [H9.09.04.01].

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị CNTT phục vụ công tác quản lý, điều hành [H9.09.04.02]. Với hơn 700 máy tính được trang bị tại khu Nhà A7 và nhà 4 tầng, đảm bảo cho tất cả sinh viên có máy tính để sử dụng và thực hành; chưa kể Thư viện còn được trang bị 60 máy tính phục vụ nhu cầu khai thác tư liệu của cán bộ và sinh viên và hơn 300 máy tính trang bị tại phòng làm việc của các khoa, phòng chức năng [H9.09.04.03], [H9.09.04.04]. Đặc biệt, Nhà trường cũng tạo điều kiện trang bị cho Khoa Ngoại ngữ hệ thống phòng Lab theo hình thức đặc thù riêng [H9.09.04.05].

Nhà trường quyết tâm thực hiện kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng CNTT, tăng cường đầu tư về hạ tầng CNTT [H9.09.04.06]. Nhà trường đã hợp đồng với Công ty PSC nâng cấp và hoàn thiện website của Trường, Khoa; hoàn thiện và đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý đào tạo, tính thù lao giảng dạy (PMS), quản trị nhân sự (HRM), khảo sát ý kiến (eSurvey), quản lý tạp chí (JMS), dạy học trực tuyến (eLearning), quản lý tài sản [H9.09.04.07]. Ngoài ra, Nhà trường trang bị cho Khoa

Ngoại ngữ phần mềm tổ chức thi, hợp tác và hỗ trợ ngân hàng đề thi tiếng Anh chuẩn hóa theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam [H9.09.04.08].

Nhà trường được quản lý bằng hệ thống phần mềm một cách khoa học và hợp lý. Các dữ liệu về quản lý nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ [H9.09.04.09]. Quản lý sinh viên, quản lý giáo viên, quản lý các kỳ thi, xếp thời khóa biểu, quản lý tài chính, quản lý cơ sở vật chất, quản lý thư viện... Phần mềm luôn được cập nhật thường xuyên để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của trường [H9.09.04.10]. Hệ thống phần cứng và phần mềm được Nhà trường luôn được duy trì thường xuyên bằng việc thay thế, cấp mới [H9.09.04.11]. Đặc biệt, Nhà trường đang đưa vào sử dụng phần mềm hành chính điện tử (E-Office), rất hữu ích cho việc vận hành và quản lý các dữ liệu của Trường [H9.09.04.12].

Hạ tầng và trang thiết bị CNTT phục vụ quản lý và dạy – học gồm: mạng LAN, Internet tốc độ cao, mạng không dây (wifi), phòng máy tính, máy tính phục vụ quản lý, máy tính phục vụ chuyên môn, máy in, webcam/camera, thiết bị trình chiếu (màn chiếu, màn hình) ... và một số trang thiết bị tiên tiến, được bố trí trong phòng có đủ diện tích, ánh sáng và bàn ghế, tiện nghi phụ trợ phù hợp [H9.09.04.13].

Nhà trường đã cấp tài khoản email với tên miền @qnu.edu.vn cho tất cả cán bộ, giảng viên, viên chức [H9.09.04.14]. Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông là đầu mối tiếp nhận và xử lý các vấn đề kỹ thuật về đường truyền, mạng máy tính thông qua việc bố trí chuyên viên phụ trách hệ thống mạng, phụ trách phần mềm với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt giúp hệ thống hoạt động ngày càng hiệu quả [H9.09.04.15].

Nhà trường cũng đã chú trọng đầu tư hệ thống CNTT để đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, đào tạo và NCKH của cán bộ, giảng viên và sinh viên [H9.09.04.16]. Toàn trường hiện đang sử dụng 02 đường cáp quang tốc độ cao (FTTH) để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng Lab, nhà làm việc, hội trường và phủ sóng wifi toàn trường [H9.09.04.17]; một đường truyền kênh riêng cho các máy chủ để cung cấp các dịch vụ như website, Thư viện hay các dịch vụ tiện ích khác phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH [H9.09.04.18].

Nhà trường thường xuyên triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn an ninh đối với các hệ thống CNTT (phần cứng, phần mềm, website...). Thường xuyên rà

soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin [H9.09.04.19], [H9.09.04.20].

Để giúp cho cán bộ, công chức viên chức trong Trường có cái nhìn tổng quan về tình hình an toàn thông tin trong nước, cũng như trong đơn vị, Trường đã trang bị kỹ năng ứng dụng CNTT để tự bảo vệ, lưu trữ dữ liệu và khai thác Internet một cách an toàn, hiệu quả thông qua việc tổ chức các Hội thảo khoa học [H9.09.04.21].

Công tác đảm bảo an toàn mạng và an ninh thông tin là nhiệm vụ thường xuyên. Nhằm thực hiện nhiệm vụ phổ biến tuyên truyền, cung cấp thông tin về các hoạt động, sự kiện của Trường. Nhà trường thành lập Ban Biên tập Trang Thông tin điện tử, đầu tư về nội dung và hình ảnh trang web, giúp cho người truy cập có cơ hội nắm bắt đầy đủ thông tin về Trường [H9.09.04.22].

## *2. Điểm mạnh*

Nhìn chung, Nhà trường luôn quan tâm, trang thiết bị được đầu tư hiện đại, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả hỗ trợ quá trình đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Cơ sở hạ tầng của CNTT của Trường Đại học Quy Nhơn đáp ứng cơ bản các hoạt động trong Trường, bao gồm công tác quản lý, thủ tục hành chính, đổi mới nội dung, phương pháp dạy – học, kiểm tra đánh giá nghiên cứu khoa học, cung cấp dịch vụ cho sinh viên, đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo trong giai đoạn mới. Điều này được đánh giá cao qua kết quả khảo sát sự hài lòng của sinh viên về hoạt động hỗ trợ đào tạo.

## *3. Điểm tồn tại*

Do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập và internet bị chậm.

## *4. Kế hoạch hành động*

Nhà trường thực hiện phân luồng đăng kí học trực tuyến hợp lý theo khóa để giảm sự cố nghẽn mạng; tiếp tục yêu cầu nhà cung cấp phần mềm hoàn thiện phần mềm quản lý Nhà trường. Khoa đề nghị Nhà trường nâng cấp chất lượng wifi ở các khu vực còn yếu.

## *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7.*

***Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an ninh trật tự, an toàn.***

### 1. Mô tả

Trong những năm qua, công tác quản lý môi trường luôn được Nhà trường quan tâm, kịp thời khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường; quản lý chất thải; xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; kiểm soát ô nhiễm môi trường các khu, quan trắc môi trường; tiếp tục kiện toàn, duy trì hiệu quả hoạt động các Tổ giám sát về môi trường [H9.09.05.01].

Xác định vấn đề môi trường - cảnh quan là yếu tố cốt lõi để phát triển, Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện nội dung môi trường thuộc tiêu chí Môi trường và An toàn thực phẩm trong xây dựng... cung cấp công cụ, phương tiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt... [H9.09.05.02].

Bên cạnh đó, Nhà trường đã đầu tư trang bị cơ sở vật chất góp phần đảm bảo vệ sinh, hạn chế sự lây lan dịch bệnh. Đặc biệt, các hệ thống công trình vệ sinh bị hư hỏng, xuống cấp luôn được khắc phục kịp thời. Mặt khác, công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt đã được quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền. Điển hình như mô hình thu gom, xử lý rác làm giảm đáng kể lượng rác thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý, giải quyết được vấn đề ô nhiễm môi trường do rác thải gây ra... [H9.09.05.03], [H9.09.05.04].

Nhà trường chú trọng đến việc trồng cây xanh, tạo không gian thoáng mát cho người học. Nhà trường hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quy Nhơn về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường, hợp đồng với Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ở các khu thí nghiệm, thực hành; và hợp đồng với Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật và môi trường Trung Việt trong việc tiến hành quan trắc môi trường trong khu vực Nhà trường, viết báo cáo giám sát và báo cáo quản lý chất thải nguy hại [H9.09.05.05].

Trường có thành lập Trạm Y tế dành phục vụ cho cán bộ và sinh viên của Trường, đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực, đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời cho cán bộ và sinh viên khi gặp vấn đề về sức khỏe. Cán bộ và sinh viên Khoa Ngoại ngữ nói riêng có thể khám chữa bệnh định kỳ và được cấp phát thuốc tại Trạm Y tế. Nhà trường định kỳ hàng năm đều tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ và sinh viên, mở các đợt tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe [H9.09.05.06].

Hàng năm, để phòng chống dịch bệnh, Nhà trường đều tiến hành công tác phun thuốc phòng dịch tại các Khu Ký túc xá, Khu làm việc Trung tâm, Giảng đường và toàn bộ khuôn viên Trường [H9.09.05.07]. Các dịch vụ canteen trong Trường luôn đạt yêu cầu vệ sinh thực phẩm, đảm bảo an toàn, sức khỏe cho cán bộ, sinh viên của Trường. Canteen trong Trường được Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm của Sở Y tế tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận công nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H9.09.05.08].

Công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong trường học luôn được Nhà trường chú trọng [H9.09.05.09]. Nhà trường có bộ phận Bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng quy định và yêu cầu của Trường, trực bảo vệ 24/24 giờ trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Hàng năm, lực lượng này đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Trong các dịp nghỉ Lễ, nghỉ Tết, Nhà trường đều có phân công trực lãnh đạo và thông báo kế hoạch bảo vệ đến tất cả các đơn vị và cán bộ, giảng viên [H9.09.05.10]. Nhà trường đã phối hợp tốt với Công an Phường Nguyễn Văn Cừ và các Phường lân cận trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự; giải quyết kịp thời những sự vụ, góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực Trường [H9.09.05.11]. Nhà trường cũng đã thành lập đoàn công tác phối hợp với Công an địa phương kiểm tra, nắm bắt tình hình của sinh viên nội trú và ngoại trú [H9.09.05.12]. Nhà trường còn có các lực lượng hỗ trợ vào thời điểm diễn ra các hoạt động đông người như Trung đội tự vệ, Đội Thanh niên xung kích [H9.09.05.13].

Nhà trường cũng ban hành các văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn theo Nghị định của Thủ tướng chính phủ như quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự; quy định về công tác sinh viên tự quản; quy định công tác học sinh, sinh viên và học viên nội trú, ngoại trú [H9.09.05.14].

Bên cạnh đó, Trường có tổ chức các cuộc tập huấn các biện pháp ứng phó khẩn cấp, triển khai công tác an ninh, chính trị trật tự an toàn xã hội và ban hành các văn bản hướng dẫn và sử dụng các hệ thống thiết bị nhằm thực hiện ứng phó khẩn cấp, đảm bảo an toàn trường học [H9.09.05.15].

Nhận thức được vai trò quan trọng của công tác cứu hộ, cứu nạn, phòng cháy chữa cháy (PCCC) trong Nhà trường, Trường đã trang bị các trang thiết bị, phương

tiện PCCC, niêm yết nội quy tiêu lệnh chữa cháy; xây dựng các kế hoạch PCCC, phổ biến kiến thức về PCCC, ban hành các nội quy, quy định về việc thực hiện các điều kiện đảm bảo an toàn PCCC để tổ chức triển khai cho cán bộ, giáo viên và toàn thể sinh viên sinh trong Nhà trường [H9.09.05.16].

Công tác PCCC của Nhà trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn trường. Nhà trường có thành lập Ban Chỉ huy phòng chống cháy nổ [H9.09.05.17]. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến pháp luật và huấn luyện nghiệp vụ về PCCC cho cán bộ và sinh viên. Tăng cường tuyên truyền, huấn luyện về PCCC cho các thành viên đội PCCC cơ sở nhằm nâng cao kiến thức PCCC đáp ứng yêu cầu PCCC [H9.09.05.18].

### *2. Điểm mạnh*

- Nhà trường luôn quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe, an toàn thực phẩm, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ cho cán bộ, giảng viên và sinh viên.

- Trạm Y tế của Trường đáp ứng tốt nhu cầu y tế ban đầu của cán bộ và sinh viên; Định kì hàng năm tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, giảng viên và sinh viên; thường xuyên phun thuốc diệt côn trùng, nhằm tránh lây lan dịch bệnh. Việc này được sinh viên ghi nhận qua khảo sát về vấn đề quan tâm chăm sóc sức khỏe người học của Nhà trường.

### *3. Điểm tồn tại*

- Một số khu vực của Nhà trường còn thiếu cây xanh.

- Nhà trường đã có chính sách quan tâm đến người khuyết tật nhưng còn hạn chế.

### *4. Kế hoạch hành động*

Kiến nghị Nhà trường đầu tư trồng các loại cây xanh. Đồng thời, quan tâm hơn nữa trong việc triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7.*

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 9**

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của nhà trường - một trong những yếu tố quan trọng đảm bảo yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học - luôn được Khoa và Nhà trường đầu tư và nâng cấp. Hệ thống phòng học, phòng làm

việc, phòng chức năng của Nhà trường hoàn toàn phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành Ngôn ngữ Anh; Trung tâm Thông tin tư liệu của Nhà trường và phòng Học liệu của Khoa Ngoại ngữ có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đặc biệt là nguồn tài liệu tiếng nước ngoài; Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học; Các phòng thực hành trong đó có phòng thực hành Nghe với các trang thiết bị phù hợp đã hỗ trợ tốt cho công tác nghiên cứu khoa học, hoạt động dạy học và rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ của giảng viên và sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh; Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho cán bộ, giảng viên và sinh viên rèn luyện sức khỏe; Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho cán bộ, giảng viên và sinh viên làm việc, học tập và nghiên cứu.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Ngôn ngữ Anh đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí trong đó 02 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 01 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 02 tiêu chí đạt 6/7.

## **Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.**

### ***Mở đầu***

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Quy Nhơn được thành lập từ năm 1990 với mục đích đào tạo đội ngũ giáo viên Tiếng Anh cho khu vực Miền Trung - Tây Nguyên. Trải qua 30 năm xây dựng và phát triển, Khoa không ngừng lớn mạnh cả về quy mô và lĩnh vực đào tạo, góp phần vào sự phát triển chung của Trường ĐHQN.

Cho đến nay, Khoa đang là một cơ sở đào tạo nhân lực trong lĩnh vực ngoại ngữ có uy tín, đặc biệt là ở khu vực Miền Trung - Tây nguyên. Khoa rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu và đào tạo được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc tạo điều kiện cho giảng viên và sinh viên tham gia nhiều chương trình hợp tác trong nước và quốc tế trong cả nghiên cứu và học tập, đến việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

***Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.***

### ***1. Mô tả***

Chương trình dạy học ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế và cập nhật, điều chỉnh định kỳ để đáp ứng nhu cầu xã hội. Theo Quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN, CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh từ năm 2015 đến nay đã trải qua 3 lần điều chỉnh vào năm 2017, 2019 và năm 2020 trên cơ sở lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan [H10.10.01.01]. Để công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, Nhà trường đã ban hành quy định lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan tại trường ĐHQN vào năm 2018, trong đó quy định cụ thể các đơn vị thực hiện, quy trình tổ chức khảo sát ý kiến cho các đối tượng khác nhau. Nội dung khảo sát rất đa dạng về các hoạt động khác nhau như: hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá, chất lượng đào tạo, CTĐT, CSVC, dịch vụ,... [H10.10.01.02]. Trên cơ sở Kế hoạch Đảm bảo chất lượng giáo dục hàng năm, Nhà trường tiến hành các loại



khảo sát, xác định đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin và báo cáo kết quả khảo sát [H10.10.01.03]. Việc thu thập ý kiến phản hồi làm căn cứ cho việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học từ các bên liên quan được triển khai thực hiện một cách hệ thống với nhiều hình thức khác nhau như: Khảo sát trực tuyến, gửi phiếu khảo sát; phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp qua điện thoại; tổ chức hội thảo,... theo quy định của Nhà trường. Trường ĐHQN, Khoa Ngoại ngữ xác định tầm quan trọng, sự cần thiết của việc thu thập ý kiến, thông tin phản hồi từ các bên liên quan để làm căn cứ thiết kế và điều chỉnh chương trình đào tạo, cụ thể từng loại đối tượng như sau: Đối với cán bộ, giảng viên của Khoa Ngoại ngữ đều tham gia xây dựng và đóng góp ý kiến rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần thông qua các cuộc họp Hội đồng Khoa, họp Tổ bộ môn [H10.10.01.04]; Đối với sinh viên, Khoa Ngoại ngữ đã phối hợp với Phòng KT&BDCL tổ chức hướng dẫn và nhắc nhở sinh viên tham gia khảo sát ý kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên sau mỗi học kỳ bằng phần mềm khảo sát trực tuyến E-Survey và khảo sát ý kiến SV năm cuối về CTĐT [H10.10.01.05], [H10.10.01.06]. Đối với cựu sinh viên, Khoa xây dựng mạng lưới liên kết cựu sinh viên bằng các công cụ mạng xã hội. Ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo của cựu SV được Khoa thu thập thông qua Facebook của Khoa [H10.10.01.07], [H10.10.01.08]. Đối với nhà sử dụng lao động, Khoa Ngoại ngữ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị đã, đang sử dụng sinh viên tốt nghiệp của Khoa như các đơn vị sản xuất-kinh doanh và các cơ quan nhà nước để làm cơ sở cho việc điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo [H10.10.01.09].

Tất cả các ý kiến thu được từ các bên liên quan đều được Khoa tổng hợp, xử lý và họp xem xét, sử dụng các ý kiến đóng góp trong việc xây dựng, thiết kế, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo [H10.10.01.10]. Ngoài ra, khi rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, Khoa Ngoại ngữ còn tham khảo, đối sánh với chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh của các trường đại học uy tín trong nước [H10.10.01.11]. Sau đó chương trình đào tạo sẽ được trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường thông qua để ban hành, chính thức áp dụng và phổ biến đến giảng viên, sinh viên [H10.10.01.12].

## *2. Điểm mạnh*

Hiện nay Khoa và Nhà trường đã thực hiện thu thập thông tin phản hồi

online nên việc thu thập thông tin sẽ được thuận lợi hơn nhiều so với trước đây.

Việc thu thập thông tin được tiến hành từ nhiều phía liên quan: người sử dụng lao động, cựu sinh viên, sinh viên đang học và giảng viên, tạo cơ sở vững chắc để thiết kế chương trình đào tạo phù hợp.

Khoa thường xuyên có mối liên hệ chặt chẽ gắn gũi với một lượng lớn cựu sinh viên đang làm việc tại các đơn vị kinh doanh-sản xuất cũng như tại các cơ quan nhà nước. Do vậy việc liên hệ để thu thập thông tin từ cựu sinh viên và người sử dụng lao động sẽ dễ dàng hơn, khu vực lấy thông tin sẽ rộng và tăng phần khách quan hơn, ít cục bộ hơn.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến phản hồi mang tính chính thức từ phía Nhà Trường được thực hiện dựa trên bộ câu hỏi chung, vì vậy chưa đảm bảo tốt nhất cho sự phù hợp với đặc điểm riêng biệt của chuyên ngành đào tạo. Ngược lại, việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan do Khoa chủ động thực hiện chưa được tiến hành tốt trên trang web chính thống của Khoa và Nhà trường, mà chỉ thực hiện qua mạng xã hội Facebook.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ tận dụng tối đa điểm mạnh của Khoa để xây dựng kế hoạch cụ thể, bám sát kế hoạch của Nhà trường nhằm tạo sự chủ động hơn nữa trong thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Đồng thời Khoa sẽ khắc phục những hạn chế còn lại để việc thực hiện lấy thông tin từ các bên liên quan được tiến hành trên các trang web chính thống của Khoa và Nhà Trường.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.***

#### *1. Mô tả*

Trong những năm qua, việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học ngành Ngôn ngữ Anh đã được Khoa thực hiện theo quy trình và quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN [H10.10.02.01]. Theo đó, chương trình dạy học được thiết kế và phát triển theo xu hướng và cách tiếp cận phát triển Giáo dục hướng đến CDR - Outcome-based Education (OBE) với nguyên lý nhấn mạnh vai trò trung tâm của CDR và mối liên kết giữa các thành phần của chương trình dạy học: CTĐT đáp ứng

CĐR - Phương thức dạy và học đáp ứng CĐR - Kiểm tra đánh giá người học đo lường mức độ đáp ứng CĐR. Quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học được Nhà trường/Khoa thiết lập: Từ yêu cầu của các tổ chức độc lập như: chính phủ (Luật Giáo dục...), các cơ quan quản lý nhà nước (quy chế, hướng dẫn...), các tổ chức nghề nghiệp, các tổ chức nghiên cứu... và yêu cầu, nhu cầu của Nhà trường, các giảng viên, đại diện các tổ chức sử dụng sinh viên tốt nghiệp, các cựu sinh viên, các sinh viên đang học, Khoa xác định CĐR của ngành đào tạo, thiết kế CTĐT dựa trên CĐR, thực hiện CTĐT và đánh giá CTĐT **[H10.10.02.02]**.

Từ năm 2015, dựa trên các văn bản hướng dẫn của Nhà trường, Khoa đã tiến hành tổ chức đánh giá, sửa đổi và cập nhật CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, để hoàn tất CTĐT vào các năm cụ thể qua các năm 2015, 2017, 2019, 2020 **[H10.10.02.03]**. Các ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về CTĐT và sinh viên đang học về hoạt động giảng dạy các học phần cũng là cơ sở quan trọng cho việc điều chỉnh và đánh giá tính hiệu quả của chương trình. Điều này được thể hiện trong Bản báo cáo tự đánh giá của Trường ĐHQN **[H10.10.02.04]**.

Theo hướng dẫn của Nhà trường, Khoa tiến hành biên soạn các đề cương chi tiết cụ thể từng học phần, giáo trình đáp ứng CĐR. Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm đánh giá tính cần thiết, chất lượng chuyên môn, sự cân đối giữa nội dung đào tạo, tính sư phạm, mức độ khả thi để có thể đưa vào vận hành trong CTĐT **[H10.10.02.05]**, **[H10.10.02.06]**.

Hàng năm theo thông báo của Nhà trường về biên soạn giáo trình, theo quy định chung về giờ chuẩn giảng dạy của Nhà trường, Khoa cũng tiến hành lập danh sách và đề nghị các giảng viên tiến hành đăng ký viết giáo trình phù hợp với CĐR vừa cập nhật để phục vụ việc học tập của sinh viên. **[H10.10.02.07]**, **[H10.10.02.08]**.

Trong quá trình thực hiện CTĐT chương trình dạy học, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan về chất lượng CTĐT, tính thiết yếu của các học phần trong chương trình để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của sinh viên và đáp ứng yêu cầu của xã hội. Kết quả khảo sát sinh viên về CTĐT trong những năm qua cho thấy phần lớn sinh viên của Khoa hài lòng về CTĐT cũng như sự đổi mới

liên tục của chương trình dạy học đáp ứng kịp thời với nhu cầu xã hội [H10.10.02.09].

### *2. Điểm mạnh*

CTĐT và chương trình dạy học ngành Ngôn ngữ Anh thường xuyên được cập nhật, đánh giá và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc tiếp cận các phương pháp hiện đại trong giảng dạy tại Khoa đặt ra nhu cầu cần có những tài liệu hiện đại cho các giảng viên của Khoa. Các tài liệu phục vụ dạy học ngoại ngữ của Nhà trường còn chưa được thường xuyên cập nhật, chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng của giảng viên và sinh viên trong Khoa.

### *4. Kế hoạch hành động*

Trong các năm tới, Khoa Ngoại ngữ sẽ tiếp tục triển khai cho các bộ môn và đề xuất với Nhà trường biên soạn tập bài giảng cho các học phần hiện chưa có bài giảng. Hơn nữa, Khoa cũng tập trung phát triển một số bài giảng thành giáo trình. Đồng thời, Khoa tăng cường đề xuất sử dụng tham khảo các giáo trình của một số trường đại học lớn ở nước ngoài nhằm tăng thêm nguồn học liệu cho sinh viên.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.***

#### *1. Mô tả*

Việc dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học luôn được Nhà trường quan tâm hàng đầu, cụ thể Nhà trường đã ban hành quy định rà soát, đánh giá quá trình dạy và học các ngành đào tạo trình độ đại học nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra [H10.10.03.01].

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra. Các lần kiểm tra trong một học kỳ gồm 3 thành phần: đánh giá chuyên cần, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên và đáp ứng

mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp và được ghi rõ trong đề cương chi tiết của học phần đó. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần của Trường ĐHQN, và thường xuyên được thay đổi điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của ngành đào tạo ở từng thời điểm [H10.10.03.02].

Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường có bảng Kế hoạch năm học chung cho cả trường giúp các khoa chủ động trong công tác giảng dạy cả năm học [H10.10.03.03]. Vào đầu mỗi học kỳ, Khoa kết hợp với Phòng Đào tạo Đại học tiến hành thông báo mở lớp học phần để sinh viên đăng ký tín chỉ và các tổ chuyên môn của Khoa tiến hành đăng ký giảng viên phụ trách các học phần [H10.10.03.04]. Vào cuối mỗi học kỳ, Khoa phối hợp với Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tổ chức nghiêm túc các kỳ thi kết thúc học phần theo quy định [H10.10.03.05]. Kết thúc mỗi kỳ thi, Khoa có tổ chức họp tổng kết, đánh giá tất cả các vấn đề liên quan đến kỳ thi như khâu tổ chức coi thi, ra đề, in sao đề thi, chấm thi... vào trong hoạt động sơ kết học kì và tổng kết năm học [H10.10.03.06]. Đồng thời, Nhà trường cũng yêu cầu các khoa và các đơn vị chức năng báo cáo về tình hình tổ chức thi, từ đó làm căn cứ tổng kết về công tác tổ chức kì thi kết thúc học phần để rút kinh nghiệm và cải tiến chất lượng công tác đánh giá kết quả học tập của sinh viên phù hợp hơn [H10.10.03.07].

Ngoài ra, Khoa cũng thường xuyên tổ chức các buổi kiểm tra, đánh giá đối với những giảng viên lần đầu tiên giảng dạy một học phần mới, hoặc cán bộ trẻ nhằm đóng góp ý kiến cho các giảng viên về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H10.10.03.08]

Quy trình đảm bảo chất lượng của kiểm tra, đánh giá được thực hiện ngay từ trước khi bắt đầu mỗi kỳ thi, từ hoạt động tuyên truyền bằng băng rôn, khẩu hiệu của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên cho đến việc phát huy vai trò của cố vấn học tập trước mỗi kỳ thi qua các buổi sinh hoạt lớp cuối tháng [H10.10.03.09].

Các hình thức đánh giá và thi cử được thực hiện đúng theo quy định về “Đánh giá kết quả và thực hiện của các kỳ thi cuối khóa”. Nhà trường và Khoa sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá sinh viên nhằm nâng cao hiệu quả

quản lý kết quả học tập của sinh viên **[H10.10.03.10]**.

Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình như sau: đầu tiên, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng gửi đến Khoa danh sách và kế hoạch thi học phần (các môn tự luận), trong vòng 1 tuần, các giáo viên bộ môn gửi lại đề thi kèm đáp án có chữ ký của Trưởng bộ môn cho trợ lý Khoa. Sau đó, bộ phận này gửi đề thi và đáp án cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng để tổ chức thi cho sinh viên. Lịch chấm thi đã được thông báo cho giảng viên ít nhất là 2 tuần trước khi môn thi đầu tiên bắt đầu, vì vậy, theo lịch đó, giảng viên chấm thi vào nộp điểm cho bộ phận đào tạo của Khoa **[H10.10.03.11]**.

Nhằm đảm bảo việc thực hiện khóa luận của sinh viên được tiến hành đúng quy trình và thuận lợi, Nhà trường đã ban hành quy định về việc giao đề án, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên **[H10.10.03.12]**. Về quy trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp (khóa luận tốt nghiệp): đầu năm thứ 4, sinh viên được thông báo danh sách các sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp (gồm sinh viên có điểm trung bình chung học tập đến hết học kỳ 6 đạt từ 7.0 trở lên và số lượng sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp không vượt quá 20% số lượng sinh viên năm cuối của ngành). Sau đó, thông báo danh sách giảng viên hướng dẫn để sinh viên liên hệ và giao đề tài. Đến thời gian bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, Khoa tiến hành các bước sau: (1) thông báo cho giảng viên và sinh viên trước 1 tháng về thời gian, địa điểm chấm khóa luận tốt nghiệp; (2) phân công giảng viên phản biện cho khóa luận của sinh viên; (3) bộ phận đào tạo của Khoa thu khóa luận tốt nghiệp của sinh viên và gửi đến các giảng viên phản biện, giảng viên hướng dẫn để viết nhận xét khóa luận tốt nghiệp của sinh viên, đồng thời yêu cầu các giảng viên hướng dẫn nộp nhận xét về sinh viên thực hiện khóa luận; (4) thành lập hội đồng và các tiểu ban chấm khóa luận tốt nghiệp; (5) bộ phận đào tạo tổng hợp điểm của các khóa luận; (6) Ngay sau mỗi hội đồng bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, hội đồng họp và cho điểm khóa luận tốt nghiệp ngay; (7) ngay sau khi mọi hội đồng chấm điểm xong, các hội đồng chấm khóa luận họp lại lần nữa (bao gồm các trưởng tiểu ban và các thư ký tiểu ban) để tổng hợp điểm khóa luận cuối cùng, xem xét toàn cục chất lượng khóa luận của sinh viên và cuối cùng (8) thông báo ngay điểm khóa luận cho sinh viên **[H10.10.03.13]**.

Quá trình dạy học còn được xem xét, đánh giá qua các ý kiến phản hồi của sinh viên vào cuối mỗi học kì/năm học **[H10.10.03.14]**. Tương tự, công tác đánh giá

kết quả học tập sinh viên được triển khai thường xuyên theo cuối mỗi học kì [H10.10.03.15]. Từ đó, Nhà trường và Khoa đưa ra những quyết định khen thưởng phù hợp để động viên, khích lệ tinh thần của giảng viên và sinh viên, từ đó làm động lực phát huy hơn nữa năng lực dạy của giảng viên và học của sinh viên toàn Khoa [H10.10.03.16].

### *2. Điểm mạnh*

Quá trình dạy và học và quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm túc và được rà soát thường xuyên theo từng học kỳ.

### *3. Điểm tồn tại*

Mặc dù quá trình dạy và học được rà soát thường xuyên và nghiêm túc nhưng vẫn còn gặp một số hạn chế nhất định trong việc tiến hành khảo sát sinh viên. Tỷ lệ sinh viên khoa Ngoại ngữ tham gia phản hồi ý kiến còn khá thấp. Ngoài ra, việc lấy ý kiến đánh giá chỉ mới được thực hiện đối với công tác giảng dạy, kiểm tra đánh giá nói chung chứ chưa đánh giá được việc dạy học của từng học phần cụ thể. Do đó, chưa thể tạo cơ sở chắc chắn để đánh giá chính xác quá trình dạy học nhằm cải thiện các hoạt động liên quan, tiến đến đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Việc tiến hành kiểm tra thường xuyên bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận, thi vấn đáp chưa được thực hiện ở tất cả các học phần.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường tiếp tục công việc hoàn thiện và nâng cấp phần mềm khảo sát ý kiến sinh viên. Việc khảo sát đối với việc giảng dạy từng học phần cụ thể cần được lên kế hoạch thực hiện. Các cố vấn học tập các lớp, Phòng công tác sinh viên tăng cường việc nâng cao ý thức của sinh viên trong việc tham gia phản hồi ý kiến cho Nhà trường nhằm giúp Nhà trường có đầy đủ thông tin hơn để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Việc kiểm tra thường xuyên bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận, thi vấn đáp cần được thực hiện đồng bộ ở tất cả các học phần. Khoa tăng cường hơn nữa việc tổ chức các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho các giảng viên trong Khoa; các bộ môn tổ chức dự giờ giảng của các giảng viên trong bộ môn, đặc biệt là các giảng viên trẻ, để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, phù hợp với CĐR.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.***

***1. Mô tả***

NCKH gắn liền với mục tiêu nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập của người học là một thế mạnh của Khoa Ngoại ngữ. Số lượng các bài báo khoa học được công bố trong nước và quốc tế là kết quả của các NCKH do giảng viên Khoa Ngoại ngữ chủ trì ngày càng nhiều. Hàng năm, giảng viên khoa Ngoại ngữ đều có tham gia đăng ký đề tài cấp Trường. Đặc biệt, nội dung hầu hết các đề tài NCKH và bài báo đều nhằm giải quyết các vấn đề nảy sinh trong qua trình giảng dạy và đều nhằm tìm ra phương pháp giảng dạy có hiệu quả nhất, đổi mới cập nhật nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. [H10.10.04.01], [H10.10.04.02]. Ngoài ra, nhiều cán bộ của Khoa tham gia học tập và hợp tác nghiên cứu về TESOL (phương pháp giảng dạy Tiếng Anh) với các cơ sở trong và ngoài nước như: Đại học Queensland, Brisbane (Úc), Đại học South Australia, Adelaide (Úc) [H10.10.04.03]. Nội dung các công trình nghiên cứu này đều phục vụ tốt cho công việc giảng dạy và nghiên cứu mà đặc biệt là làm căn cứ cho các đề xuất đổi mới phương pháp giảng dạy, cập nhật các nội dung dạy học, giới thiệu tài liệu tham khảo, hướng dẫn các đề tài NCKH sinh viên hay các khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên [H10.10.04.04].

Khoa cũng rất coi trọng việc đào tạo kỹ năng NCKH cho sinh viên. Hàng năm, Khoa đều có tổ chức cho sinh viên tham gia NCKH dưới sự hướng dẫn của giảng viên để tham gia cuộc thi NCKH sinh viên các cấp, trong đó có nhiều đề tài NCKH sinh viên của Khoa đạt giải cao cấp Trường và giải thưởng “*Sinh viên nghiên cứu khoa học*” cấp Bộ. Một số kết quả trong các đề tài NCKH sinh viên được nhận đăng trên tạp chí khoa học của trường. Các kết quả này có thể làm tài liệu tham khảo/học tập trong các chuyên đề chuyên sâu cho sinh viên vì phần lớn các kết quả này là các nhánh nhỏ trong các đề tài nghiên cứu lớn của các giảng viên của Khoa [H10.10.04.05], [H10.10.04.06].

Ngoài ra, Khoa cũng đã tham gia đóng góp cho việc tổ chức thành công các hội nghị, hội thảo chuyên ngành về Ngôn ngữ học và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh toàn quốc. Khoa cũng đã tổ chức hội thảo tập huấn về phương pháp giảng dạy



với chuyên gia Hoa Kỳ của nhằm tiếp cận các phương pháp giảng dạy mới để giảng viên hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp của mình. Hàng năm, Khoa định kỳ tổ chức từ 5 đến 6 hội thảo chuyên môn để giảng viên có thể trao đổi, giới thiệu các phương pháp giảng dạy mới, các công nghệ giảng dạy hiệu quả hay các đường hướng nghiên cứu mới cho các đồng nghiệp với mục tiêu cuối cùng là nâng cao chất lượng giáo dục của toàn Khoa [H10.10.04.07].

### *2. Điểm mạnh*

Hầu hết các hoạt động nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với việc dạy và học ngoại ngữ, nhằm cải tiến phương pháp giảng dạy, đổi mới cập nhật nội dung giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

### *3. Điểm tồn tại*

Số lượng và chất lượng NCKH của giảng viên và sinh viên còn hạn chế, kết quả NCKH đóng góp còn nhỏ lẻ, chưa tương xứng với yêu cầu của công cuộc đổi mới chất lượng dạy và học do khối lượng công việc giảng dạy là quá tải và trình độ đầu vào của sinh viên của Khoa còn hạn chế.

### *4. Kế hoạch hành động*

Khoa hướng đến thành lập các nhóm NCKH của giảng viên, tạo điều kiện giúp đỡ cho các giảng viên trẻ tham gia cùng làm đề tài với những người có kinh nghiệm để nâng cao công tác NCKH của Khoa cả về lượng và chất.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

***Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.***

#### *1. Mô tả*

Để nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ giảng viên và sinh viên, Trường ĐHQN đã có những văn bản hướng dẫn cụ thể về công tác đảm bảo chất lượng trong đó có liên quan đến dịch vụ hỗ trợ giảng viên và sinh viên. Hàng năm Nhà trường lên kế hoạch đảm bảo chất lượng [H10.10.05.01]. Đồng thời nhà trường tổ chức kiểm kê tài sản nhằm thống kê lại cơ sở vật chất của năm học trước và có định hướng sửa chữa, cải tiến cho năm học tiếp theo [H10.10.05.02]. Một cách tổng quan, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập được

Nhà trường và Khoa đánh giá định kỳ và cải tiến chất lượng. Cơ sở vật chất của Khoa gắn liền với cơ sở vật chất của Nhà trường (bao gồm phòng học và các thiết bị đi kèm: loa, máy chiếu, đèn chiếu, thư viện, dữ liệu truy cập internet). Nhà trường và Khoa đã thực hiện một số cải tiến cơ sở dữ liệu, tài liệu học tập cho cán bộ và sinh viên. Từ 2016, thư viện Trường ĐHQN đã kết nối với thư viện của một số trường đại học trong nước, đặc biệt với Trung tâm Học liệu của Trường Đại học Cần Thơ và Thư viện quốc gia, để khai thác cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ nghiên cứu và học tập của giảng viên và sinh viên **[H10.10.05.03]**.

Hàng năm, Nhà trường định kỳ tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập cũng như các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Kết quả khảo sát trong những năm gần đây cho thấy sinh viên có xu hướng đánh giá theo hướng tích cực về điều kiện cơ sở vật chất cũng như các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ học tập **[H10.10.05.04]**.

Từ các kết quả này, Nhà trường, Khoa và các đơn vị có liên quan kịp thời có những giải pháp cải tiến phù hợp nhằm phục vụ tốt hơn các nhu cầu học tập của sinh viên. Cụ thể, Ban lãnh đạo nhà trường, đã thông báo về kết luận của Hiệu trưởng về triển khai sắp xếp phòng thí nghiệm thực hành và thông báo về kết luận của Hiệu trưởng về phương án xây dựng mạng Wifi **[H10.10.05.05]**.

Ngoài việc lấy ý kiến đánh giá của sinh viên về điều kiện vật chất phục vụ trực tiếp cho việc học, Khoa cũng đánh giá những hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến đời sống của sinh viên thông qua các Cố vấn học tập, Hội sinh viên và Đoàn thanh niên. Những dịch vụ này (như chất lượng phòng ở kí túc xá, hiệu quả của công tác chăm sóc sức khỏe cho sinh viên, của công tác cố vấn học tập) cũng ít nhiều có ảnh hưởng đến chất lượng học tập của sinh viên và cảm nhận hài lòng của sinh viên về môi trường đại học nói chung, về Khoa Ngoại ngữ nói riêng. Nhìn chung, sinh viên của Khoa hài lòng với chất lượng của các hoạt động hỗ trợ này ở mức trung bình cao. Để phát huy vai trò của cố vấn học tập, Khoa cũng sát sao trong việc nhắc nhở các cố vấn học tập ngoài việc duy trì lịch làm việc cố định với sinh viên (một lần/tháng), cố vấn học tập nên thường xuyên tiếp xúc với sinh viên trong các giờ giải lao giữa các tiết học để nắm bắt tình hình sinh viên kỹ hơn. Phần lớn các cán bộ trong khoa luôn sẵn sàng tư vấn cho sinh viên mỗi khi các em có nhu

cầu. Khoa và Nhà trường luôn tìm những nguồn học bổng trao cho các sinh viên có thành tích nổi bật nhằm khuyến khích các em phấn đấu hơn nữa trong học tập và công tác khác [H10.10.05.06].

## *2. Điểm mạnh*

Các tài liệu tham khảo học tập ở Khoa là tương đối đầy đủ cho các hoạt động chuyên ngành của giảng viên và sinh viên.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện định kỳ, bài bản, được đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho sinh viên.

## *3. Điểm tồn tại*

Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

Về tư liệu, tủ sách của Khoa phục vụ cho sinh viên chưa cập nhật thật sự nhanh và đầy đủ các nguồn tài liệu và giáo trình hiện đại, tiên tiến trên thế giới, phần nào hạn chế cơ hội học hỏi và cập nhật kiến thức mới của sinh viên.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Khoa đề nghị Nhà trường rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, chất lượng kém. Thành lập bộ phận sửa chữa trang thiết bị ở các phòng học, giảng đường có đường dây nóng nhằm kịp thời khắc phục các sự cố hỏng hóc trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

Về tư liệu, các cán bộ của Khoa có cơ hội học tập, tham dự hội thảo ở nước ngoài sẽ tăng cường việc giới thiệu nguồn tài liệu mới để Khoa cập nhật. Khoa cũng đề nghị Nhà trường có cơ chế để tuyển chọn một số giáo trình tốt trên thế giới giúp sinh viên tiếp cận được với các chương trình giáo dục hiện đại và kiến thức cập nhật.

## *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.***

### *1. Mô tả*

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng của Trường được thành lập theo

Quyết định số 1301/QĐ-TCCB của Hiệu trưởng Trường ĐHQN ngày 23/10/2009 [H10.10.06.01]. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, đảm bảo và kiểm định chất lượng đào tạo cho Nhà trường; đồng thời là đơn vị nghiên cứu, tư vấn về các vấn đề đảm bảo chất lượng đào tạo. Hiện nay, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục cấp trường, đánh giá chất lượng giáo dục các CTĐT và thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.02].

Nhà trường xây dựng cơ chế phản hồi của các bên liên quan một cách có hệ thống, và liên tục đánh giá, cải tiến thường xuyên [H10.10.06.03]. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng, hoàn thiện hệ thống các bảng hỏi phục vụ hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng giáo dục cấp CTĐT và cấp Trường theo định kỳ. Nhà trường thường xuyên thực hiện các hoạt động: khảo sát ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của giảng viên; khảo sát ý kiến của sinh viên năm cuối về chất lượng CTĐT [H10.10.06.04], [H10.10.06.05], [H10.10.06.06], [H10.10.06.07], khảo sát ý kiến của sinh viên mới tốt nghiệp (6-12 tháng) về tình hình việc làm và CTĐT; khảo sát cựu sinh viên, nhà sử dụng lao động về CDR và CTĐT; khảo sát ý kiến người học về cơ sở vật chất và hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo [H10.10.06.08].

Việc khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường thực hiện qua nhiều hình thức. Trước đây, việc khảo sát thông thường là phát phiếu điều tra. Tuy nhiên trong hai năm trở lại đây, Nhà trường đã đầu tư xây dựng hệ thống khảo sát online qua phần mềm khảo sát E-survey, ngoài ra còn tiếp nhận thông tin phản hồi qua nhiều kênh khác như email, điện thoại, facebook [H10.10.06.09], [H10.10.06.10], [H10.10.06.11].

Khoa Ngoại ngữ xác định tầm quan trọng, sự cần thiết của việc thu thập ý kiến, thông tin phản hồi từ các bên liên quan để làm căn cứ thiết kế và điều chỉnh chương trình đào tạo, cụ thể từng loại đối tượng như sau: Đối với sinh viên, Khoa Ngoại ngữ đã phối hợp với Phòng KT&BDCL tổ chức hướng dẫn và nhắc nhở sinh viên tham gia khảo sát ý kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên sau mỗi học kỳ của Trường. Đối với cựu sinh viên, Khoa xây dựng mạng lưới liên kết cựu sinh viên

bằng các công cụ mạng xã hội. Ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo của cựu SV được Khoa thu thập thông qua Facebook của Khoa. Đối với nhà sử dụng lao động, Khoa Ngoại ngữ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị đã, đang sử dụng sinh viên tốt nghiệp của Khoa như các đơn vị sản xuất-kinh doanh và các cơ quan nhà nước để làm cơ sở cho việc điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo [H10.10.06.12].

Để cải tiến chất lượng đào tạo, theo quy định của Nhà trường, sau khi tiếp nhận kết quả khảo sát, Khoa và các đơn vị có liên quan phải tổ chức họp thảo luận về các ý kiến phản hồi trong đơn vị nhằm đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng trong năm học tiếp theo và báo cáo cho Nhà trường [H10.10.06.13].

### *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có hệ thống khảo sát, lấy ý kiến phản hồi online nên nhận được ý kiến phản hồi một cách thường xuyên. Từ đó, Nhà trường có cơ chế điều chỉnh lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống hơn, được đánh giá và cải tiến thường xuyên, liên tục.

### *3. Điểm tồn tại*

Trong quá trình vận hành, phần mềm khảo sát online còn thể hiện nhiều hạn chế cùng với việc ý thức của sinh viên trong tham gia phản hồi ý kiến chưa cao dẫn đến Nhà trường chưa thu thập được đầy đủ các ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên ở 100% học phần.

### *4. Kế hoạch hành động*

Trong năm học 2020-2022, Khoa đề nghị Nhà trường tích cực hoàn thiện và nâng cấp phần mềm khảo sát, đồng thời cố vấn học tập các lớp tích cực nhắc nhở, đôn đốc sinh viên tham gia phản hồi ý kiến đóng góp cho Nhà trường.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 10**

Khoa Ngoại ngữ đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được tuân thủ theo đúng quy trình: (i) xây dựng chương trình trên cơ sở so sánh/đối chiếu với chương trình của các trường đại học trong nước và thế giới có thể mạnh về nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ; (ii) lấy thông tin phản hồi từ nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên làm cơ sở để điều chỉnh chương trình; (iii) thường xuyên ứng

dụng các kết quả nghiên cứu khoa học của các cán bộ giảng viên, sinh viên trong Khoa vào nội dung của các học phần trong CTĐT.

Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN; công tác coi thi, chấm thi ở tất cả các kỳ thi/kiểm tra đều được thực hiện nghiêm túc; các hình thức thi/kiểm tra đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của người học ở từng học phần theo CDR.

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, nhìn chung đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của sinh viên. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Tự đánh giá theo 6 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Ngôn ngữ Anh đã đạt yêu cầu 6/6 tiêu chí trong đó có 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm và 05 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.**

### ***Mở đầu***

Khoa Ngoại ngữ của Trường ĐHQN là một trong những cơ sở đào tạo ngoại ngữ có uy tín ở khu vực miền Trung – Tây Nguyên, Việt Nam. Ngoài 01 ngành đào tạo Cao học, Khoa đang đào tạo 02 ngành đại học trong đó ngành Ngôn ngữ Anh được định hướng theo 03 chuyên ngành cụ thể, Tiếng Anh Biên-Phiên dịch, Tiếng Anh Kinh tế - Thương mại và Tiếng Anh Du lịch. Đây được xem là những chuyên ngành đào tạo mũi nhọn được xã hội ghi nhận. Nguồn sinh viên đầu vào của Khoa được lựa chọn từ các học sinh chất lượng, có động cơ học tập rõ ràng. Bên cạnh đó, Khoa Ngoại ngữ là một trong số các khoa có số lượng tuyển sinh đầu vào cao của Trường ĐHQN. Sinh viên được đào tạo bài bản và được thực hành, thực tập thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường, Khoa. Vì vậy, chất lượng đầu ra của CTĐT luôn được đảm bảo.

***Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

#### ***1. Mô tả***

Hoạt động đào tạo của Nhà trường được quản lý bởi Phòng Đào tạo Đại học của Trường [H11.11.01.01]. Đơn vị này quản lý việc đào tạo nói chung và kết quả học tập của sinh viên nói riêng bằng phần mềm quản lý đào tạo, cho các số liệu là chính xác và đầy đủ [H11.11.01.02]. Trên cơ sở đó, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và sinh viên thôi học được xác lập hằng năm.

Khi hoàn thành CTĐT, kết quả học tập của sinh viên được trích ra và được Trường Phòng Đào tạo Đại học đề nghị lên Hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường xem xét để Nhà trường ra quyết định tốt nghiệp cho sinh viên [H11.11.01.03]. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên cũng được Nhà trường tiến hành định kỳ, và quyết định cảnh báo kết quả học tập cũng như quyết định buộc thôi học đều được thông báo kịp thời cho sinh viên [H11.11.01.04].

Khoa đã thực hiện việc giám sát, đối sánh tỷ lệ sinh viên thôi học và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hằng năm [H11.11.01.05]. Cụ thể thông tin về số lượng sinh viên tốt nghiệp và số lượng sinh viên bỏ học của Khoa Ngoại ngữ trong 4 khóa gần đây (2015-2019) được thể hiện qua bảng số liệu sau [H11.11.01.03], [H11.11.01.04].





**Bảng 11.1.1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp, thôi học từ năm học 2015-2016 đến năm học 2018-2019**

Năm học	Số lượng sinh viên toàn khóa	Số lượng người học hoàn thành CTĐT trong thời gian		Số lượng sinh viên thôi học			
		4 năm	Trên 4 năm	Năm 01	Năm 02	Năm 03	Năm 04
2015-2016	110	87 (79,1%)	13 (11,8%)	0	0	2	0
2016-2017	83	74 (89,1%)	6 (7,2%)	0	3	1	0
2017-2018	213	94 (44,1%)	59 (27,7%)	6	2	3	5
2018-2019	231	114 (49,4%)	54 (23,4%)	11	4	15	3

Bảng 11.1.1 cho thấy đa số sinh viên của Khoa hoàn thành CTĐT đúng thời hạn trong giai đoạn 2015-2017. Một số ít sinh viên tốt nghiệp trễ hạn chủ yếu là do chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định của CTĐT. Tuy nhiên, khi CTĐT yêu cầu sinh viên tốt nghiệp phải đạt kỳ thi đánh giá năng lực chuẩn đầu ra (CEFR C1, IELTS 6,5, APTIS - 151 điểm, ...) trong giai đoạn 2017-2019 thì tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có phần giảm sút. Trước hết, nội dung CTĐT của khoa cần thời gian chuyển đổi cho phù hợp với yêu cầu mới về chuẩn năng lực ngoại ngữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo vừa mới đề ra cho sinh viên tốt nghiệp ngành ngôn ngữ Anh. Hơn nữa, sinh viên cần có thời gian chủ động lập kế hoạch cho thay đổi này. Điều này đã được thể hiện rõ qua việc tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp năm học sau (2018-2019) đã được cải thiện so với năm học trước (2017-2018) (49,4% sinh viên tốt nghiệp đúng hạn năm học 2018-2019 so với 44,1% sinh viên năm học 2017-2018) sau khi áp dụng chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ cho sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh. Qua đây

cũng cho thấy sự chuyển đổi nội dung CTĐT của khoa phù hợp, tích cực theo yêu cầu mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tỷ lệ sinh viên thôi học ngành ngôn ngữ Anh của Khoa hàng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng số sinh viên của khóa học. Sinh viên thôi học chủ yếu là vào ba năm đầu tiên của khóa học. Nguyên nhân thôi học là do sinh viên không thể tích lũy đủ số tín chỉ tối thiểu quy định của CTĐT, chưa đạt được nguyện vọng chọn ngành nghề, mong muốn thi vào các trường đại học khác ở các thành phố lớn, hoặc do hoàn cảnh gia đình.

Từ đó, Nhà trường và Khoa đã có một số biện pháp cải tiến chất lượng. Cụ thể là, đội ngũ CVHT luôn quan tâm, giám sát sinh viên thông qua các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng, quỹ sinh viên vượt khó của Khoa trao học bổng hàng năm cho sinh viên để khuyến khích và động viên người học kịp thời [H11.11.01.06], [H11.11.01.07]. Hơn nữa, trong những năm gần đây, Nhà trường đã lập kế hoạch tổ chức, đánh giá, sửa đổi, cập nhật và ban hành CTĐT [H11.11.01.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thiết lập phần mềm hệ thống quản lý đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên theo dõi kết quả học tập và chủ động trong kế hoạch học tập [H11.11.01.02].

### *2. Điểm mạnh*

Các CHTV, trợ lý đào tạo, Hội sinh viên của Khoa và Ban lãnh đạo Khoa luôn cập nhật tình hình sinh viên thông qua những buổi sinh hoạt lớp và các hoạt động khác, và có những hướng giải quyết phù hợp. Với những sinh viên thôi học, CVHT có sự trao đổi để hiểu được những khó khăn vướng mắc và có những tư vấn phù hợp cho các em.

### *3. Điểm tồn tại*

- Nhà trường chưa có một hệ thống cập nhật lý do sinh viên thôi học một cách hiệu quả: thôi học vì không hứng thú, vì có định hướng học trường khác, ngành khác..., trên cơ sở đó có những tiêu chí lựa chọn sinh viên phù hợp ngay từ khi tuyển sinh.

Với những sinh viên tốt nghiệp trên 4 năm do chưa hoàn thành các điều kiện CDR như năng lực ngoại ngữ, kỹ năng mềm, giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất, nguyên nhân là do tâm lý chủ quan từ phía sinh viên, vì đào tạo theo tín chỉ đòi hỏi sinh viên phải chủ động với kế hoạch học tập.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020–2021, Ban lãnh đạo Khoa Ngoại ngữ chỉ đạo các CVHT và trợ lý đào tạo tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của sinh viên, tìm hiểu lý do thôi học của sinh viên để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho sinh viên khi nhập học. Có sự báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của sinh viên, qua đó nhắc nhở sinh viên hoàn thành các điều kiện CĐR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

**Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

1. Mô tả

Phòng Đào tạo Đại học là bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên [H11.11.02.01]. Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian được thiết kế cho những sinh viên bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Thời gian đào tạo trình độ đại học được quy định là 4 năm và thời gian tối đa hoàn thành CTĐT là 6 năm [H11.11.02.02].

Từ năm 2010, Khoa Ngoại ngữ bắt đầu thực hiện quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Khoa Ngoại ngữ đã thực hiện việc giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên hằng năm [H11.11.02.03]. Số lượng thống kê và tỷ lệ người học hoàn thành CTĐT cử nhân Ngôn ngữ Anh trong 5 năm học gần đây được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 11.2.1. Tỷ lệ sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh hoàn thành CTĐT trong 5 năm gần đây**

Năm học	Số lượng sinh viên hoàn thành CTĐT	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp (%)
2015-2016	86	93,5%
2016-2017	97	84,3%
2017-2018	88	89,8 %
2018-2019	102	40,0%
2019-2020	176	62,6%

Bảng 11.2.1 cho thấy tỷ lệ sinh viên hoàn thành CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh trong 3 năm 2016, 2017, và 2018 khá cao, cụ thể 93,5%, 84,3%, và 89,8%. Tuy nhiên, trong năm học 2019 và 2020 tỷ lệ sinh viên ngành ngôn ngữ Anh hoàn thành CTĐT chỉ ở mức 40,0 % và 62,6 %. Điều này được lý giải một phần do sinh viên chưa hoàn thành số tín chỉ theo khung chương trình, nhưng phần lớn sinh viên chưa đạt được yêu cầu chuẩn đầu ra Ngoại ngữ tiếng Anh theo khung Năng lực Ngoại ngữ Việt Nam bậc 5/6 [H11.11.02.04].

Từ kết quả giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, các CVHT của Khoa đã tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của sinh viên [H11.11.02.03]. Bên cạnh đó, nhà trường cũng đã đề ra một số giải pháp hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, như tạo điều kiện cho sinh viên đăng ký học phần trong học kỳ phụ để cải thiện điểm và mở các lớp ôn tập để sinh viên các lớp có sĩ số ít có thể đăng ký [H11.11.02.05]

### *2. Điểm mạnh*

Hầu hết sinh viên ngành ngôn ngữ Anh luôn có ý thức học tập tốt. Đội ngũ giảng viên của Khoa, đặc biệt là các Cố vấn học tập, thường xuyên quan tâm, nắm bắt tình hình học tập của sinh viên, kịp thời hỗ trợ và giải quyết những khó khăn trong học tập, giúp sinh viên hoàn thành CTĐT.

Về phía Nhà trường, Ban Giám hiệu và Phòng Đào tạo Đại học kịp thời thông báo tới những sinh viên bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học để sinh viên nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

### *3. Điểm tồn tại*

Mặc dù Khoa và Trường đã luôn cập nhật tiến trình học tập của sinh viên, song một số sinh viên còn chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, dẫn đến chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định, hoặc chưa hoàn thành các điều kiện CDR (đa số là chứng chỉ CDR Ngoại ngữ Tiếng Anh theo khung NLNN Việt Nam bậc 5/6). Chính vì vậy sinh viên bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường.

Việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh (ít hơn 4 năm) là tương đối khó. Điều này là do ngành học Ngôn ngữ Anh đòi hỏi sinh viên đầu tư nhiều thời gian và công sức, khối lượng kiến thức nhiều nên sinh viên e ngại khi đăng ký học vượt môn ở mỗi học kỳ.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Ban Chủ nhiệm Khoa Ngoại ngữ cùng với Phòng Đào tạo Đại học tiến hành rà soát, nhắc nhở sinh viên chủ động với kế hoạch học tập và kịp thời hoàn thành các điều kiện CĐR, để việc xét tốt nghiệp của sinh viên được đảm bảo đúng tiến độ. Đồng thời, với CĐR ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 5/6, Khoa sẽ kiến nghị với Nhà trường chủ động lên kế hoạch giảng dạy và tổ chức ôn thi nhiều đợt trong năm cho sinh viên nhằm làm tăng cơ hội cho sinh viên tham gia thi đạt CĐR theo đúng tiến độ.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

**Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

1. Mô tả

Mục tiêu của người học sau khi tốt nghiệp là có việc làm đúng ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp và môi trường làm việc thuận lợi. Do đó, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp là đơn vị có chức năng hỗ trợ và tư vấn về việc làm cho sinh viên và quản lý thông tin về việc làm của sinh viên tốt nghiệp [H11.11.03.01]. Thông tin về việc làm của cựu sinh viên tốt nghiệp từ năm 2016 được Nhà trường thực hiện khảo sát và dữ liệu được lưu trữ tại Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp [H11.11.03.02]. Theo tổng hợp khảo sát của Nhà trường về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh tốt nghiệp năm 2016 có việc làm là 93,22% [H11.11.03.03]. Điều này cho thấy, sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh có việc làm với tỷ lệ ở mức cao. Môi trường làm việc theo các lĩnh vực được cụ thể hóa qua bảng số liệu sau:

**Bảng 11.3.1. Môi trường làm việc của sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh năm 2016**

Môi trường làm việc của SV tốt nghiệp	Năm 2016
Cơ quan nhà nước	0
Cơ quan tư nhân	40
Tự tạo việc làm	12
Có yếu tố nước ngoài	2

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh làm việc ở nhiều môi trường khác nhau, trong đó số sinh viên làm việc trong môi trường doanh nghiệp tư nhân, doanh

ngành nước ngoài chiếm tỷ lệ cao. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với đặc thù ngành đào tạo và khung năng lực cũng như định hướng nghề nghiệp và môi trường làm việc mà Khoa và Trường hướng đến trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh.

Ngoài ra, để tạo điều kiện cho sinh viên đã tốt nghiệp và sắp tốt nghiệp tìm kiếm cơ hội việc làm phù hợp, trong những năm gần đây nhà trường đã tổ chức “Ngày hội việc làm” với sự tham gia của các nhà tuyển dụng **[H11.11.03.04]**

Không những giám sát tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm, Nhà trường còn quan tâm đến ý kiến và sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng người học đã tốt nghiệp. Cụ thể là, Nhà trường đã có kế hoạch và ký hợp đồng khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo và năng lực của cựu sinh viên và lấy ý kiến của cựu sinh viên tốt nghiệp các ngành về CTĐT **[H11.11.03.05]**. Các kết quả nhận được từ việc khảo sát các đơn vị sử dụng lao động đối với chất lượng của cựu sinh viên là rất tích cực **[H11.11.03.06]**.

Khoa Ngoại ngữ xác định tầm quan trọng, sự cần thiết của việc thu thập ý kiến, thông tin phản hồi từ các bên liên quan đối với chất lượng sản phẩm đào tạo của mình. Đối với cựu sinh viên, Khoa xây dựng mạng lưới liên kết cựu sinh viên bằng các công cụ mạng xã hội. Ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo của cựu SV được Khoa thu thập thông qua Facebook của Khoa. Đối với nhà sử dụng lao động, Khoa Ngoại ngữ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị đã, đang sử dụng sinh viên tốt nghiệp của Khoa như các các đơn vị sản xuất-kinh doanh và các cơ quan nhà nước để làm cơ sở cho việc điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo **[H11.11.03.07]**.

## *2. Điểm mạnh*

Đa số sinh viên tốt nghiệp ngành ngôn ngữ Anh đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp, lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với chương trình đào tạo ngành. Nhà trường và Khoa coi trọng năng lực thực hành và thực tế, giúp sinh viên có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp hoặc tiếp tục học tập bậc SDH.

Mặt khác, nhiều đơn vị tuyển dụng gửi thư mời tuyển dụng sinh viên của Khoa. Đây cũng chính là cầu nối, là cơ hội cho nhiều sinh viên sớm tìm được việc

làm sau khi tốt nghiệp.

### 3. Điểm tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, có một tỷ lệ nhất định sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh làm trái nghề sau khi tốt nghiệp.

Một số sinh viên còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng. Do đó sinh viên gặp khó khăn trong quá trình tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

### 4. Kế hoạch hành động

Để sinh viên Khoa Ngoại ngữ khi ra trường làm đúng ngành đúng nghề đã được đào tạo, từ năm học 2020-2021, Khoa tiếp tục đổi mới CTĐT, tăng cường thời lượng thực hành thực tế, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng và môi trường nghề nghiệp. Bên cạnh đó, Khoa cũng tăng cường đào tạo định hướng nghề nghiệp cho sinh viên thông qua các hoạt động Đoàn – Hội. Đồng thời, Khoa cũng sẽ đề xuất với Nhà trường có kế hoạch quảng bá về ngành Ngôn ngữ Anh và CTĐT đối với xã hội.

### 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

**Tiêu chí 11.4. Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.**

#### 1. Mô tả

Các đề tài NCKH được giao cho sinh viên và triển khai thực hiện từ đầu mỗi năm học với sự hỗ trợ kinh phí từ Nhà trường [H11.11.04.01]. Ngay khi có kế hoạch của nhà trường, các GV trong Khoa khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi để người học tham gia hoạt động NCKH. Tình hình NCKH của SV được thể hiện qua các bảng thống kê sau:

**Bảng 11.4.1. Số lượng đề tài NCKH SV hàng năm trong giai đoạn 2015-2019**

Năm học	Số lượng đề tài	Kết quả		
		Xuất sắc	Tốt	Khá
2015-2016	1	1		
2016-2017	4	4		
2017-2018	4			
2018-2019				
2019-2020	1			

**Bảng 11.4.2. Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo công trình được công bố**

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	01	01	02		
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	01	01			

Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế là đơn vị triển khai và giám sát tình hình thực hiện đề tài NCKH sinh viên hàng năm [H11.11.04.02]. Theo định kỳ hàng năm, Khoa tổ chức các buổi nghị khoa học cấp Khoa để chọn ra những báo cáo xuất sắc tham dự Hội nghị NCKH sinh viên cấp Trường. Qua đó, những sinh viên nghiên cứu khoa học xuất sắc được tham gia hội nghị khoa học cấp Bộ. Trong 5 năm qua, hàng năm Khoa có nhiều nhóm sinh viên tham gia NCKH đạt nhiều giải cấp Trường và cấp Bộ [H11.11.04.03]. Nhiều công trình NCKH sinh viên được đăng trên Kỷ yếu hội nghị NCKH sinh viên của Trường ĐHQN [H11.11.04.04].

Công tác NCKH của sinh viên luôn được chú trọng. Hàng năm, nhà trường đề nghị các khoa triển khai việc đăng ký tham gia tuyển chọn đề tài NCKH sinh viên để giúp các em bước đầu làm quen với hoạt động NCKH [H11.11.04.05].

Thêm vào đó, nhà trường thường xuyên gửi thông báo cho các trưởng khoa tiến hành việc kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện đề tài NCKH của sinh viên, là một động lực giúp cho sinh viên hoàn thành việc NCKH của mình đúng tiến độ [H11.11.04.06]. Các cuộc họp hội đồng đánh giá đề tài NCKH của sinh viên được thực hiện một cách khoa học nhằm đánh giá đúng trình độ năng lực của sinh viên NCKH [H11.11.04.07].

Các hoạt động nghiên cứu của người học được tổng kết, đánh giá hàng năm thông qua Hội nghị tổng kết công tác NCKH sinh viên của Trường [H11.11.04.08]. Qua đó, Nhà trường khuyến khích và khen thưởng các sinh viên đạt thành tích cao, đồng thời chỉ ra những điểm tồn tại để có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng NCKH sinh viên.

## 2. Điểm mạnh



Đội ngũ giảng viên của Khoa có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu và giảng dạy với nhiều công trình khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học tại trường, trong nước và quốc tế. Các thầy cô rất nhiệt tình, tận tâm trong việc hướng dẫn sinh viên NCKH và đây thực sự là một động lực rất lớn cho việc NCKH trong sinh viên của khoa. Vì vậy, Khoa thật sự có một sự phát triển ngày càng mạnh trong NCKH của sinh viên cũng như việc hướng dẫn sinh viên NCKH.

Khoa có những hỗ trợ về tài chính, tăng kinh phí hỗ trợ sinh viên nghiên cứu, tập trung đầu tư có trọng điểm cho những đề tài nghiên cứu có tính khả thi, được đánh giá cao, tăng số lượng giải thưởng nhằm động viên tinh thần sinh viên.

Về phía nhà trường, thường xuyên có những thông báo về khoa thúc đẩy việc tổ chức các hoạt động liên quan đến việc NCKH để hoạt động này được diễn ra thường xuyên và đúng tiến độ.

### *3. Điểm tồn tại*

Một số sinh viên còn chưa hiểu rõ tầm quan trọng và lợi ích của việc NCKH nên chưa thật sự nhiệt huyết với hoạt động này. Ngoài ra sinh viên còn thiếu tự tin trong NCKH nên số lượng tham gia không cao như mong đợi.

Tỷ lệ sinh viên tham gia từ khi đăng ký đề tài cho đến thời hạn báo cáo đề tài nghiên cứu bị giảm, do một số yếu tố như sinh viên bận kế hoạch cá nhân, hoặc do chưa lựa chọn đúng đề tài nên chưa đủ khả năng nghiên cứu. Thêm vào đó, việc triển khai nghiên cứu thực tế của một số đề tài gặp khó khăn, kinh phí cho nghiên cứu vẫn còn hạn chế khi sinh viên chọn những đề tài mà sự đầu tư về tài chính hơi cao và vì thế các em cũng gặp không ít khó khăn; điều này dẫn đến việc chưa phát huy hết nội lực nghiên cứu trong sinh viên.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Khoa Ngoại ngữ đẩy mạnh việc NCKH trong sinh viên bằng việc tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia, đồng thời cũng khuyến khích các đề tài tự giác không cần hỗ trợ tài chính từ Khoa và Trường. Bên cạnh đó, thông qua Đoàn – Hội, Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho sinh viên về vai trò của NCKH trong sinh viên. Đặc biệt, Khoa có kế hoạch tổ chức nhiều hội thảo khoa học của các nhà khoa học đến thăm và làm việc tại Trường có sự tham dự của sinh viên, góp phần khơi dậy lòng say mê khoa

học trong sinh viên.

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

*1. Mô tả*

Chất lượng đào tạo và nỗ lực của các trường đại học trong việc nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan đến chất lượng dịch vụ đào tạo là các nhân tố quan trọng quyết định sự tồn tại và thành công của Nhà trường. Trường ĐHQN nói chung và Khoa Ngoại ngữ nói riêng rất chú trọng đến nâng cao chất lượng đào tạo, mà một căn cứ quan trọng là việc khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng có chức năng khảo sát, đo lường và giám sát mức độ hài lòng của các bên liên quan đến CTĐT [H11.11.05.01]. Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện theo quy định của Trường thông qua tài khoản cá nhân hoặc phiếu khảo sát trực tiếp [H11.11.05.02].

*Đối với giảng viên:* giảng viên và chuyên viên của Khoa được mời dự các Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm giữa lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo Khoa với cán bộ viên chức để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của các cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng các CTĐT, tạo thế phát triển vững chắc. Năm 2016, Nhà trường đã tiến hành khảo sát sự hài lòng của GV và thống kê khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên về cơ sở vật chất, từ đó có kế hoạch nâng cấp trang thiết bị dạy và học, tạo môi trường học tập và nghiên cứu tốt nhất cho sinh viên và giảng viên [H11.11.05.03].

*Đối với người học:* Việc khảo sát được thực hiện dựa trên quy định của Nhà trường về việc người học tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên. Hàng năm, Nhà trường cũng đề ra các kế hoạch về việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy [H11.11.05.04]. Nhà trường và Khoa Ngoại ngữ tiến hành khảo sát mức độ hài lòng về CTĐT, chất lượng ngành học sinh viên năm cuối của ngành đào tạo [H11.11.05.05], [H11.11.05.06].

*Đối với cựu sinh viên:* Nhà trường và Khoa chủ động lập kế hoạch và thực hiện khảo sát lấy ý kiến của cựu sinh viên về CTĐT [H11.11.05.05], [H11.11.05.06]. Kết quả khảo sát cho thấy đa số cựu sinh viên ngành tổng hợp có sự hài lòng về kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ được đào tạo.

*Đối với thị trường lao động:* Tại Khoa Ngoại ngữ, việc thu thập thông tin phản hồi từ thị trường lao động được thực hiện theo quy định của Nhà trường. Từ kết quả khảo sát việc làm của cựu sinh viên, Khoa đã gửi bảng câu hỏi đến các đơn vị đã, đang và sẽ sử dụng sản phẩm đào tạo của Khoa để lấy ý kiến đóng góp xây dựng CDR chương trình giáo dục đại học ngành Ngôn ngữ Anh [H11.11.05.05], [H11.11.05.06].

Dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan, Nhà trường và Khoa đã tiến hành cải tiến chất lượng. Cụ thể là, Nhà trường đã lập kế hoạch tổ chức đánh giá, sửa đổi cập nhật CTĐT hệ chính quy [H11.11.05.07]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng lập kế hoạch về việc tập huấn xây dựng CTĐT đáp ứng CDR và cử cán bộ giảng viên tham gia khóa tập huấn ở nhiều nơi [H11.11.05.08]. Đồng thời, Nhà trường đã thiết lập phần mềm hệ thống quản lý đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên theo dõi kết quả học tập và chủ động trong kế hoạch học tập [H11.11.05.09].

## *2. Điểm mạnh*

CDR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được các bên liên quan đánh giá cao. Có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho sinh viên có cơ hội được áp dụng kiến thức vào thực tế. Bên cạnh đó, trong quá trình đào tạo, sinh viên của Khoa còn được giới thiệu đến các trung tâm thực hành, trường học để thực tập và làm quen với môi trường công việc, đi thực tế ở các địa điểm du lịch trong nước. Những kiến thức, kỹ năng về nghiệp vụ mà sinh viên được trang bị có thể đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội hiện nay.

## *3. Điểm tồn tại*

Điểm hạn chế của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh khi tốt nghiệp là sự tự tin còn hạn chế, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch còn chưa hiệu quả mặc dù có đủ năng lực và nhiệt huyết. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của sinh viên khi tham gia vào thị trường việc làm thực tế.

## *4. Kế hoạch hành động*

Trong năm học 2020–2021, Khoa Ngoại ngữ tăng cường khuyến khích sinh viên rèn luyện thêm các kỹ năng mềm, khuyến khích sinh viên tăng cường trình bày báo cáo trước lớp, tăng cường hoạt động nhóm và làm nghiên cứu khoa học, tích cực tham gia các buổi ngoại khóa, hay tham dự báo cáo khóa luận tốt nghiệp của

các sinh viên khóa trên. Điều này sẽ giúp sinh viên củng cố kiến thức và có môi trường học tập. Tăng cường kết hợp với Đoàn – Hội, tổ chức các buổi tọa đàm ở các câu lạc bộ tiếng Anh với nhiều chủ đề khác nhau và có tính thời sự cao.

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 11**

Đánh giá chung, sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh có tỷ lệ tốt nghiệp tương đối cao. Sinh viên nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. Giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT. Tuy nhiên, để có thể khắc phục một số hạn chế, Khoa cần tăng cường thời lượng thực tập thực tế, đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên để người học đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Ngôn ngữ Anh đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 01 tiêu chí đạt mức 4/7 và 04 tiêu chí đạt mức 5/7.

### PHẦN III. KẾT LUẬN

Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh theo 11 tiêu chuẩn trong *Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học* được ban hành kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT, là việc làm cần thiết vì qua việc tự đánh giá và đánh giá ngoài, Khoa thấy được thực trạng chất lượng và hiệu quả của các hoạt động đào tạo và NCKH của Khoa để đánh giá những điểm mạnh cũng như những yếu kém trong công tác quản lý, đào tạo và NCKH của Khoa để tìm giải pháp và lên kế hoạch khắc phục những tồn tại, cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT để đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động và đứng vững và khẳng định được chất lượng đào tạo của Khoa trong sự cạnh tranh ngày càng lớn giữa các trường đại học trong nước và những trường đại học có liên kết với nước ngoài.

Dưới đây là tóm tắt những điểm mạnh, những tồn tại của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT này:

#### **1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo**

##### **1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được xây dựng trên triết lý giáo dục, sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi mà Trường Đại học Quy Nhơn đã xác định và công bố với xã hội. Hơn nữa, CTĐT này được xây dựng có sự tham khảo CTĐT của một số trường uy tín trong nước và nước ngoài. Chương trình cũng được thiết kế và điều chỉnh theo kết quả điều tra nhu cầu và ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối, cựu sinh viên, giảng viên và các nhà tuyển dụng.

Mục tiêu của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHQN, phù hợp với mục tiêu của GDĐH được quy định trong Luật GDĐH.

Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu của CTĐT, bao quát các yêu cầu chung và yêu cầu riêng của chuyên ngành Ngôn ngữ Anh, có các mức năng lực cụ thể, có thể đo lường và đánh giá được mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Chuẩn đầu ra của CTĐT được rà soát, điều

chỉnh định kỳ theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan. CDR của CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức để người học, cố vấn học tập, giáo viên và các bên liên quan khác có thể tiếp cận dễ dàng.

### **1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Bộ GD&ĐT, đảm bảo cơ hội học tập và phát triển năng lực cho người học. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin chung về CTĐT, mục tiêu của CTĐT, chuẩn đầu ra của CTĐT, phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập; ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp đánh giá kết quả học tập với CDR của CTĐT, ma trận thể hiện mức độ đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT, danh sách các học phần được dạy trong CTĐT, sơ đồ chương trình giảng dạy, ma trận thể hiện mức độ đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT, mô tả vắn tắt về các học phần.

Ngoài Bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết các học phần nêu đầy đủ các thông tin chi tiết của từng học phần, được rà soát, cập nhật và điều chỉnh cho phù hợp với CTĐT và CDR của CTĐT và kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTĐT.

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức, tạo điều kiện cho các bên liên quan tiếp cận dễ dàng.

### **1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

Chương trình dạy học ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế dựa trên CDR và có tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. Tất cả các học phần trong chương trình dạy học đều bám sát CDR của CTĐT; mối quan hệ giữa các học phần với CDR của CTĐT được các giảng viên trực tiếp giảng dạy xác định và thể hiện rõ trong từng học phần của chương trình dạy học.

Đề cương chi tiết của từng học phần đều rõ ràng, phù hợp, đáp ứng được mục tiêu và CDR của CTĐT. Các học phần đều có phân bổ hợp lý giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận và tự học nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tiếp cận, lĩnh hội kiến thức đầy đủ, dễ dàng và đạt được CDR của học phần. Đề cương chi tiết các học phần cũng nêu rõ các phương pháp dạy học tích cực và kiểm tra, đánh giá khách quan, chính xác.

Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự các khối kiến thức mang tính hệ thống, đi từ kiến thức cơ bản đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn của ngành. Trong mỗi học phần, hệ thống kiến thức được sắp xếp theo trình tự từ cơ bản đến nâng cao, có sự tích hợp giữa lý thuyết với ứng dụng; nội dung các học phần được cập nhật nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn những yêu cầu của thị trường lao động.

#### **1.4. Phương pháp giảng dạy và học tập**

Để đạt được CDR của CTĐT và CDR của từng HP, phương pháp giảng dạy và học tập đóng vai trò quan trọng. Do đó, phương pháp dạy-học được nêu cụ thể trong đề cương chi tiết của từng học phần và các phương pháp dạy học được áp dụng trong CTĐT cũng được nêu rõ trong Bản mô tả CTĐT.

Phương pháp dạy học chú trọng việc phát huy tính tích cực, sáng tạo, nâng cao khả năng tự học và học tập suốt đời của sinh viên. Các phương pháp dạy học bao gồm giải thích, thuyết giảng, tham luận, nêu câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học qua mô hình, thực tập thực tế, tranh luận, thảo luận, làm việc theo nhóm, và tự học.

#### **1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

Việc đánh giá kết quả học tập người học hướng đến mục tiêu đo lường, đánh giá được CDR của CTĐT và HP. Do đó, nhiều phương pháp đánh giá được áp dụng để đảm bảo tính hợp lý, độ tin cậy, khách quan và công bằng; đánh giá được tất cả các cấp độ nhận thức, kỹ năng và cả thái độ.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được nêu rõ ràng, được thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh khác nhau. Kết quả đánh giá được cung cấp kịp thời để người học có các hành động phù hợp nhằm cải thiện kết quả học tập để đảm bảo chuẩn đầu ra của HP.

#### **1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

Qua 30 năm xây dựng và phát triển, Khoa Ngoại ngữ đã dần xây dựng được một đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn vững vàng, có tâm huyết với nghề nghiệp, đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao về giảng dạy, đào tạo và NCKH.

Mặc dù giảng viên trong Khoa phải đảm nhận khối lượng công việc lớn nhưng được phân phối tương đối đều và được giám sát, kiểm soát để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hằng năm tất cả giảng

viên trong Khoa đều thực hiện đầy đủ số giờ định mức tối thiểu về giảng dạy và hầu hết giảng viên đảm bảo số giờ NCKH theo quy định.

Vì Trường có các văn bản quy định rõ ràng, công khai các tiêu chí tuyển dụng giảng viên nên Khoa Ngoại ngữ đã tuyển dụng được đội ngũ giảng viên đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ, năng lực NCKH, nghiệp vụ sư phạm và các kỹ năng về tin học và ngoại ngữ 2. Nhiều giảng viên được tuyển dụng đã và đang được đào tạo sau đại học tại các trường đại học có uy tín ở nước ngoài, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa. Hàng năm, đa số giảng viên trong Khoa được đánh giá hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và NCKH.

Việc Nhà trường quản lý giảng viên theo kết quả công việc tạo động lực cho giảng viên trong các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Nhiều giảng viên của Khoa đã đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, giấy khen của Hiệu trưởng, bằng khen cấp Tỉnh, v.v. vì có những thành tích xuất sắc trong NCKH và các hoạt động khác.

Các giảng viên của Khoa Ngoại ngữ đã thực hiện một số đề tài nghiên cứu, công bố nhiều bài báo khoa học, sách chuyên khảo trong và ngoài nước.

### **1.7. Đội ngũ nhân viên**

Nhà trường có các văn bản quy định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai. Các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch.

Bên cạnh đó, việc đánh giá, xếp loại nhân viên hàng năm được Khoa và Trường thực hiện nghiêm túc theo các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể, rõ ràng; kết quả đánh giá đảm bảo tính khách quan, công bằng, phù hợp quy định và công khai, minh bạch.

Nhà trường có chính sách và các hoạt động hỗ trợ, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Công tác đánh giá, thi đua, khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được Nhà trường quy định rõ ràng, công khai; do đó, đội ngũ nhân viên có động lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Chính nhờ những điều được nêu trên mà đội ngũ nhân viên của Khoa Ngoại ngữ đủ số lượng, có kinh nghiệm công tác, phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên



môn và nghiệp vụ để hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

### **1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

Những quy định về việc tuyển sinh viên vào Khoa Ngoại ngữ được Nhà trường cập nhật hàng năm và công bố công khai trên website của Trường. Sinh viên của Khoa có thể tiếp cận đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo của Khoa. Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức; giảng viên và cố vấn học tập nắm bắt kịp thời việc học tập và rèn luyện của SV. Ngoài những học phần bắt buộc, người học có cơ hội lựa chọn một số môn học tự chọn trong CTĐT.

Người học được tư vấn trong việc lựa chọn các học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện và thực tập thực tế. Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối doanh nghiệp được thực hiện dưới nhiều hình thức, giúp người học có cơ hội tiếp cận thông tin về việc làm trước khi tốt nghiệp.

Cơ sở vật chất của Trường đáp ứng được các điều kiện học tập, rèn luyện và sinh hoạt của người học. An ninh, trật tự, môi trường, cảnh quan trong khuôn viên của Trường xanh - sạch - đẹp, là môi trường học tập, sinh hoạt lành mạnh, an toàn; giúp người học an tâm học tập, rèn luyện để phát triển cả thể chất lẫn tinh thần.

### **1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

Hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Trường nói chung và của Khoa nói riêng được trang bị các thiết bị cơ bản để phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên Khoa Ngoại ngữ. Nhà trường có kế hoạch kiểm tra, sửa chữa, nâng cấp các trang thiết bị. Thư viện của Trường luôn được bổ sung nguồn học liệu; có đủ nguồn tài liệu thiết yếu cho học tập và nghiên cứu của sinh viên và giảng viên của Khoa và của Trường.

Các phòng học tiếng có các trang thiết bị khá phù hợp để hỗ trợ cho hoạt động dạy học của giảng viên và sinh viên trong Khoa; các thiết bị được bảo trì, bảo dưỡng và nâng cấp để hỗ trợ việc dạy và học của Khoa.

Nhà trường chú trọng đầu tư để nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và có nhân viên kỹ thuật khắc phục sự cố kịp thời để phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường có còn có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá,

bóng chuyên, bóng rổ cho sinh viên, giảng viên và nhân viên trong Trường rèn luyện và nâng cao sức khỏe.

### **1.10. Nâng cao chất lượng**

Nâng cao chất lượng đào tạo là một yêu cầu thường xuyên của Khoa. Do đó, trong các lần điều chỉnh CTĐT, Khoa đã xin ý kiến đóng góp của các chuyên gia và các bên liên quan. CTĐT và CTDH ngành Ngôn ngữ Anh được cập nhật theo chu kỳ quy định và theo kế hoạch chung của Nhà trường để đánh giá và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng được yêu cầu của người học và người sử dụng lao động. Những giảng viên và cựu sinh viên đã học các chương trình tiên tiến của nước ngoài và có kinh nghiệm giảng dạy đã đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng và cải tiến CTĐT.

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc với những hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với quy chế đào tạo tín chỉ và quy định chung của Bộ GD&ĐT cũng như của Trường ĐHQN.

Khoa Ngoại ngữ không có nhiều thành tích trong NCKH như một vài khoa khác trong Trường nhưng nhiều giảng viên và sinh viên trong Khoa đã có nỗ lực lớn và có những kết quả đáng khích lệ. Hầu hết các đề tài NCKH có tính thiết thực đối với nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn trong việc dạy và học ngoại ngữ.

Trường có đầy đủ phòng học; trong đó có những phòng được trang bị máy chiếu, TV và micro và một số phòng học thông minh để phục vụ cho việc dạy và học của giáo viên và sinh viên Khoa Ngoại ngữ. Ngoài ra, Khoa có một phòng riêng và tủ sách riêng của Khoa phục vụ cho việc tự học của sinh viên và seminar của giáo viên. Nhà trường thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi online của các bên liên quan để liên tục đánh giá, cải tiến CTĐT các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

### **1.11. Kết quả đầu ra**

Đa số sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có việc làm sau khi tốt nghiệp. Cựu sinh viên của Khoa làm việc ở nhiều bộ phận khác nhau trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, sản xuất, kinh doanh thuộc nhiều ngành nghề khác nhau. Một số cựu sinh viên của Khoa giảng dạy ở các trung tâm ngoại ngữ, các trường phổ thông, cao đẳng và đại học; một số tiếp tục học sau đại học.

Với trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm nghiên cứu của mình, đội ngũ

giảng viên của Khoa đã hướng dẫn một số sinh viên NCKH và đạt kết quả đáng khích lệ.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh được các nhà sử dụng lao động đánh giá cao cả về kiến thức, kỹ năng, thái độ và khả năng học tập và tiếp nhận những kiến thức và kỹ năng mới trong công việc thực tế.

## **2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo**

### **2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Việc khảo sát ý kiến của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT chưa được tiến hành thường xuyên, kịp thời. Hơn nữa, chưa có quy trình chặt chẽ để đo lường, đánh giá chính xác CDR của CTĐT. Bên cạnh đó, khu vực địa lý và phạm vi ngành nghề của các bên liên quan được lấy ý kiến phản hồi còn hẹp. Khoa cũng chưa tổ chức được các hội nghị, hội thảo chuyên đề có phạm vi rộng để thảo luận và góp ý về việc xác định, thay đổi mục tiêu và CDR của CTĐT.

### **2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

Bản mô tả CTĐT chưa được rà soát, cập nhật thường xuyên theo năm học. Số người được lấy ý kiến phản hồi về CTĐT nói chung, đề cương chi tiết các học phần nói riêng còn ít về số lượng và hẹp về phạm vi ngành nghề.

### **2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

Việc lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động khi xây dựng CTDH chưa được thực hiện thường xuyên. CDR của một số học phần chưa được lượng hóa rõ ràng nên khó đánh giá chính xác. Hơn nữa, thời lượng cho học phần thực tập thực tế rất ít so với thời lượng chung của toàn bộ CTĐT.

### **2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

Cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đáp ứng kịp với yêu cầu hiện đại hóa phương pháp giảng dạy; chất lượng đầu vào của SV của Khoa không đồng đều ảnh hưởng nhiều đến các hoạt động dạy và học. Từ năm học 2019-2020 (Khóa 39) sinh viên năm cuối mới được đi thực tế để tìm hiểu thực tế về công việc du lịch, biên-phiên. Phòng học, cách bố trí và kiểu bàn ghế không thuận lợi cho việc áp dụng các bài tập nhóm. Số lượng sinh viên trong một lớp học khá lớn nên giảng viên khó kiểm soát được sự tự giác và tính tích cực của sinh viên trong quá trình học tập trên lớp.

### **2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

Chưa phân tích định lượng được từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, rất khó để đánh giá kết quả học tập của sinh viên một cách chính xác. CDR về thái độ chỉ được đánh giá bằng điểm chuyên cần (10% tổng điểm của học phần) và ở học phần thực tập thực tế. Nhà trường và Khoa chưa xây dựng được ngân hàng đề thi chuẩn để làm đề thi học phần. Chưa thống kê, phân tích định lượng đề thi và kết quả thi để đánh giá chất lượng của đề thi. Việc công bố điểm thi kết thúc học phần cho sinh viên đôi khi còn chậm, làm ảnh hưởng đến quyết định đăng ký học phần, kế hoạch học tập của sinh viên. Một số sinh viên vẫn chưa nắm rõ quyền khiếu nại và quy trình khiếu nại về kết quả thi.

### **2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

Công tác quy hoạch đội ngũ chưa được thực hiện thường xuyên. Tỷ lệ giảng viên trên sinh viên của Khoa và của các ngành khác có học tiếng Anh trong Trường còn thấp. Do đó, số giờ dạy của mỗi giảng viên vượt quá nhiều so với giờ chuẩn quy định; một số giảng viên còn đang học sau đại học trong và ngoài nước nên chưa tập trung nhiều vào công tác giảng dạy và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trường nằm trong khu vực kinh tế khó khăn hơn các vùng khác của đất nước và Nhà trường còn thiếu những chính sách ưu đãi đặc biệt và điều kiện làm việc tốt để có thể thu hút, giữ chân những giảng viên, nhà khoa học có thành tích tốt. Số lượng đề tài NCKH thực hiện hàng năm còn khiêm tốn.

Trường và Khoa chưa phân tích nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên và chuyên viên hằng năm một cách đầy đủ và toàn diện. Giảng viên của Khoa chưa có các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI; Chưa có công trình hợp tác quốc tế và các công trình nghiên cứu liên ngành với các Khoa khác trong Trường và các đơn vị ngoài trường.

### **2.7. Đội ngũ nhân viên**

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân phục vụ đào tạo, NCKH và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên và đồng bộ; chưa thường xuyên phân tích vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để xác định các chỉ tiêu tuyển dụng, sử dụng và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ này hợp lý hơn.

Việc khảo sát sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên và xem như kênh thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện việc phân loại, đánh giá nhân viên.

Nhà trường chưa có tiêu chí đánh giá chất lượng công việc cụ thể vì vậy việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa thực sự hiệu quả. Nhà trường cũng chưa có chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho nhân viên trong quá trình làm việc.

### **2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

Nhà trường và Khoa chưa khảo sát ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh thường xuyên và liên tục. Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh dựa vào học bạ đã làm giảm chất lượng đầu vào của sinh viên đăng ký học ở Khoa, khiến cho một số sinh viên không theo kịp CTĐT của Khoa.

Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương chiếm quá nhiều thời lượng ngay từ năm thứ nhất. Điều đó làm cho người học giảm hứng thú học tập ngay từ khi bắt đầu khóa học.

Một số sinh viên còn chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, không có đủ nỗ lực và thời gian cho việc học tập nên không tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định cũng như các yêu cầu về CDR. Tỷ lệ sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh hoàn thành CTĐT đúng thời hạn tương đối thấp. Đa số sinh viên ngại làm nghiên cứu khoa học vì năng lực nghiên cứu hạn chế, tốn nhiều thời gian và không có quyền lợi thiết thực nào gắn với việc NCKH của sinh viên. Khoa chưa tổ chức được nhiều hoạt động ngoại khóa có tính học thuật để thu hút, hấp dẫn và động viên được nhiều sinh viên của Khoa trong học tập và nghiên cứu khoa học.

Nhiều sinh viên chưa chủ động tham gia Câu lạc bộ tiếng Anh và thực hành nói tiếng Anh tại phòng English House do Khoa Ngoại Ngữ tổ chức. Nhiều sinh viên thụ động trong việc tự trang bị các kỹ năng mềm cần thiết thông qua các hoạt động ngoại khóa.

Việc lấy ý kiến phản hồi và đánh giá của người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của cố vấn học tập, trợ lý đào tạo và giảng viên chưa được thường xuyên và liên tục.

Không gian làm việc của Lãnh đạo và Thư ký, Trợ lý Khoa không được tách riêng nên có sự bất tiện trong việc gặp gỡ giữa sinh viên, giảng viên với Lãnh đạo Khoa và bộ phận văn phòng khi cần trao đổi những vấn đề mang tính cá nhân .

### **2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

Khoa Ngoại ngữ có 3 Bộ môn nhưng hiện chỉ có 1 phòng họp; do đó, đôi khi các Bộ môn họp hay các giảng viên cần làm việc thì phải sử dụng cả Văn phòng khoa để họp. Điều này ảnh hưởng đến thời gian, sự riêng tư và chất lượng làm việc của các giảng viên và nhân viên văn phòng.

Thư viện chưa được hiện đại hóa cho nên việc tra cứu, tìm kiếm tài liệu vẫn còn theo cách khá truyền thống. Ngày hội sách do Thư viện tổ chức có quy mô nhỏ nên chưa thu hút được nhiều bạn đọc tham gia.

Số phòng nghe nhìn chuyên dùng cho sinh viên và học viên sau đại học thuộc ngành Ngôn ngữ Anh còn ít và chưa được bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp kịp thời. Tốc độ đường truyền Internet còn chậm và vùng phủ sóng còn hẹp nên không thuận lợi cho việc học tập và nghiên cứu của sinh viên, giảng viên và công việc của đội ngũ chuyên viên trong trường.

Một số khu vực của Nhà trường còn thiếu cây xanh. Điều kiện phục vụ cho người khuyết tật còn khá hạn chế.

### **2.10. Nâng cao chất lượng**

Việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan do Khoa chủ động khảo sát chưa được thực hiện trên website chính thống của Khoa và Nhà trường mà được thực hiện qua mạng xã hội Facebook.

Tỷ lệ sinh viên khoa Ngoại ngữ phản hồi khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động dạy học của Nhà trường còn thấp. Hơn nữa, việc lấy ý kiến đánh giá của sinh viên chỉ được thực hiện đối với công tác giảng dạy nói chung chứ chưa đánh giá được việc dạy học của từng học phần cụ thể và chưa thực hiện đối với 100% học phần.

Các hình thức kiểm tra thường xuyên bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận, thi vấn đáp chưa được thực hiện ở tất cả các học phần.

Số lượng và chất lượng NCKH của giảng viên và sinh viên còn hạn chế.

Cơ sở vật chất và các tiện ích chưa đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu của sinh viên và giảng viên trong Khoa.

Các tài liệu phục vụ dạy, học và nghiên cứu ngoại ngữ của Thư viện và tủ sách của Khoa chưa được cập nhật thường xuyên và chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng của giảng viên và sinh viên trong Khoa.

### **2.11. Kết quả đầu ra**

Nhà trường chưa thông kê nguyên nhân sinh viên xin thôi học để điều chỉnh tiêu chí tuyển sinh nhằm giảm thiểu số sinh viên xin thôi học.

Một số sinh viên chủ quan, thiếu chủ động và không có kế hoạch học tập hợp lý nên phải kéo dài thời gian học hơn 4 năm mới tích lũy đủ số tín chỉ và đáp ứng đủ các điều kiện về ngoại ngữ 2, tin học, giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.

Một số sinh viên chưa có kế hoạch cá nhân phù hợp, định hướng nghề nghiệp chưa rõ ràng và năng lực hạn chế nên gặp khó khăn trong tìm việc làm sau khi tốt nghiệp. Do đặc thù của ngành Ngôn ngữ Anh nên hầu hết sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh làm nhiều nghề khác nhau, trong nhiều lĩnh vực khác nhau sau khi tốt nghiệp.

Phần lớn sinh viên chưa hiểu rõ tầm quan trọng và lợi ích của việc NCKH nên chưa chú ý đến hoạt động này. Một số sinh viên đăng ký làm NCKH nhưng bỏ giữa chừng vì không sắp xếp được kế hoạch học tập, đề tài không phù hợp hoặc kinh phí không đủ để thực hiện đề tài.

### **3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo**

Để khắc phục các tồn tại trên, Khoa Ngoại ngữ và Trường ĐHQN lên kế hoạch cải tiến chương trình bắt đầu từ năm học 2020-2021 như sau:

#### **3.1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra và bản mô tả chương trình đào tạo**

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ tổ chức rà soát, đánh giá lại mục tiêu của CTĐT cho phù hợp hơn với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHQN, với Luật GDDH sửa đổi, bổ sung năm 2018 và đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của thị trường lao động; rà soát và điều chỉnh CDR của CTĐT cho cập nhật xu hướng hiện đại hóa, tiếp cận CTĐT của quốc tế và đáp ứng yêu cầu xã hội; đề xuất Nhà trường xây dựng bộ tiêu chuẩn để đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên với CDR và quy trình chặt chẽ để đo lường, đánh giá CDR.

Ngoài ra, Khoa sẽ tổ chức một seminar gồm các bên liên quan để lắng nghe ý kiến phản hồi, góp ý về CDR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh; đẩy mạnh hơn nữa việc kết nối với những cơ quan đang sử dụng và có nhu cầu sử dụng sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh; khảo sát ý kiến phản hồi của người học, giảng viên, đơn vị sử dụng lao động về CDR trên hệ thống website, trang facebook của Khoa 2 năm một lần; tiếp tục công khai CDR của CTĐT qua nhiều kênh; tiếp tục rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết của một số học phần và kiến nghị Nhà trường bổ sung

các đầu sách ngoại văn cần thiết để đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập.

### **3.2. Cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

Theo định kỳ 2 năm một lần Khoa Ngoại ngữ sẽ điều chỉnh, cập nhật, bổ sung CTDH ngành Ngôn ngữ Anh dựa trên CĐR và kết quả phản hồi của các bên liên quan thông qua các khảo sát ý kiến về CĐR, CTĐT, tình hình việc làm của sinh viên mới tốt nghiệp; cập nhật và điều chỉnh đề cương chi tiết cho tất cả các học phần.

Từ năm học 2020-2021, Khoa Ngoại ngữ phối hợp với các phòng ban có liên quan để đẩy mạnh hơn nữa việc quảng bá thông tin; kiến nghị Nhà trường hiện đại hóa trang thiết bị phục vụ dạy, học và NCKH; đề nghị Nhà trường thay đổi tiêu chuẩn tuyển sinh nhằm nâng cao chất lượng sinh viên đầu vào; phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức các hoạt động ngoại khóa về nghiệp vụ, các hoạt động hỗ trợ kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

Khoa sẽ tổ chức cho 100% sinh viên năm cuối đi thực tập thực tế để quan sát, tìm hiểu, học hỏi từ thực tế về ngành du lịch, về công việc biên-phiên và công việc ở các doanh nghiệp sản xuất hoặc dịch vụ.

Khoa sẽ đề xuất với Nhà trường bố trí phòng học có bàn ghế dịch chuyển được để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tương tác giữa giảng viên và sinh viên và giữa sinh viên với nhau trong các phòng học được bố trí cho sinh viên Khoa ngoại ngữ.

### **3.3. Đánh giá kết quả học tập của người học**

Nhà trường tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định về xây dựng ngân hàng đề thi, thiết kế đề thi nhằm đáp ứng CĐR và đảm bảo sự công bằng, chính xác, khách quan trong kiểm tra và đánh giá kết quả học tập; sau mỗi kỳ thi kết thúc học phần, Khoa sẽ tổ chức thống kê, phân tích định lượng kết quả thi các HP để đánh giá mức độ phù hợp của đề thi theo CĐR.

Khi cập nhật CTĐT, Khoa sẽ điều chỉnh trọng số của điểm đánh giá chuyên cần, điểm kiểm tra trong quá trình học và điểm thi kết thúc học phần và yêu cầu giảng viên thông báo cho sinh viên ngay từ khi bắt đầu học phần; Nhà trường, Khoa và các bộ môn tiếp tục phối hợp để thực hiện tốt hơn nữa việc ra đề, tổ chức thi, chấm bài thi và công bố điểm cho sinh viên.



Khoa sẽ tiếp tục phối hợp với Phòng KT-BĐCL và Phòng ĐTDH thực hiện nghiêm các quy định về thông tin, lưu trữ kết quả học tập của sinh viên; Nhà trường sẽ ban hành và công khai quy định cụ thể về quy trình khiếu nại về kết quả học tập trong Sổ tay sinh viên nhằm giúp người học tiếp cận, ghi nhớ dễ dàng hơn thủ tục này.

#### **3.4. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên**

Hàng năm, Khoa sẽ rà soát đề dự báo và quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa; tạo điều kiện về thời gian và công việc để giảng viên – đặc biệt là các giảng viên trẻ – được học tập, đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ, nhằm phục vụ tốt hơn trong đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng; kiến nghị Nhà trường ban hành các chính sách ưu đãi thiết thực để giữ chân và thu hút những giảng viên và nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao.

Bên cạnh đó, Khoa sẽ tích cực đẩy mạnh việc hình thành các nhóm nghiên cứu, chú trọng những đề tài có tính ứng dụng cao trong giảng dạy và phục vụ cộng đồng; khuyến khích giảng viên tham dự các buổi seminar, báo cáo kết quả NCKH cấp trường của đồng nghiệp để học hỏi kinh nghiệm; cử giảng viên có chuyên môn tốt hướng dẫn, kèm cặp các giảng viên trẻ trong công tác NCKH; đề xuất Trường mua các tạp chí chuyên ngành và tài liệu tham khảo.

Thông qua các mối quan hệ cá nhân và sự trợ giúp của Trường, Khoa sẽ tìm kiếm cơ hội liên kết với các trường ở nước ngoài trong NCKH và các khóa bồi dưỡng ngắn hạn cho giảng viên trong Khoa; khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian và công việc để giảng viên trong Khoa thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học đủ chất lượng để được đăng trên các tạp chí quốc tế bên cạnh việc đăng ký thực hiện các đề tài cấp trường, tỉnh, bộ và cấp Nhà nước; khuyến khích và phân công giảng viên soạn giáo trình và sách chuyên khảo.

Khoa sẽ đề nghị Trường tăng mức thưởng cho các công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín nhằm hỗ trợ tài chính và tạo động lực cho giảng viên thực hiện được những NCKH có quy mô lớn hơn và chất lượng cao hơn.

Khoa cũng sẽ kiến nghị Trường xây dựng và ban hành bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể, chi tiết cho từng vị trí việc làm để làm cơ sở cho việc tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá kết quả công việc và khen thưởng đội ngũ nhân viên minh bạch và công bằng hơn.

Khoa sẽ kiến nghị Trường thường xuyên và theo định kỳ khảo sát sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên nhằm có thêm cơ sở đánh giá chính xác năng lực của nhân viên trong việc thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

### **3.5. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

Cùng với việc tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh được Trường thực hiện hàng năm quy theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, từ năm học 2020-2021 Khoa sẽ phối hợp với Trường khảo sát ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của Khoa và Trường hàng năm; Khoa sẽ kiến nghị với Trường về điểm sàn cho thí sinh vào học Khoa Ngoại ngữ; phối hợp với Trường để làm cho việc quảng bá về Khoa đa dạng và hấp dẫn hơn nhằm thu hút nhiều hơn nữa những thí sinh có năng lực tốt vào Khoa; hàng năm Khoa sẽ tổ chức các buổi gặp mặt, giao lưu để tư vấn, hỗ trợ và giúp sinh viên có được định hướng rõ ràng và kế hoạch trong học tập hợp lý.

Trong năm học tới, Khoa sẽ đề xuất với Nhà trường điều chỉnh CTDH để sinh viên sớm tiếp cận với kiến thức và kỹ năng chuyên ngành ngay từ năm thứ nhất.

Khoa Ngoại ngữ sẽ đề nghị Nhà trường cải thiện phần mềm quản lý đào tạo để người học cập nhật thông tin về kết quả học tập dễ dàng và kịp thời.

Ngoài ra, Khoa sẽ khuyến khích sinh viên làm NCKH, tham gia Câu lạc bộ thực hành tiếng Anh tại phòng English House và các hoạt động ngoại khóa khác để phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên; khuyến khích Liên chi Đoàn, Liên chi Hội sinh viên tổ chức các hoạt động sinh hoạt ngoại khóa phục vụ học tập như các cuộc thi hùng biện, viết về phương pháp học tiếng Anh nhằm thúc đẩy sinh viên học tập và NCKH.

Khoa cũng sẽ phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ với doanh nghiệp kết nối với nhà tuyển dụng và tổ chức các buổi hướng dẫn kỹ năng viết hồ sơ xin việc, phỏng vấn xin việc; tổ chức lấy ý kiến sinh viên về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của CVHT, trợ lý đào tạo và giảng viên phụ trách thực tập thực tế để kịp thời có những điều chỉnh cần thiết.

Khoa sẽ điều chỉnh không gian làm việc để tạo điều kiện cho các chuyên viên, CVHT và lãnh đạo Khoa gặp gỡ, tư vấn cho sinh viên khi sinh viên cần trợ giúp.

### **3.6. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

Khoa Ngoại ngữ sẽ đề nghị Nhà trường bố trí cho mỗi bộ môn 01 phòng làm việc có các trang thiết bị phù hợp để phục vụ sinh hoạt chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của giảng viên.

Khoa đề nghị Nhà trường đầu tư kinh phí để hiện đại hóa việc quản lý và tra cứu thông tin, tạo thuận lợi cho người quản lý lẫn người sử dụng; Khoa đề xuất Thư viện mua thêm những đầu sách nước ngoài mới xuất bản để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực Ngôn ngữ học và phương pháp dạy học tiếng Anh; yêu cầu giảng viên của Khoa biên soạn và cập nhật tài liệu, giáo trình để đáp ứng yêu cầu từ việc cải tiến CTĐT và nâng cao chất lượng dạy học.

Khoa cũng sẽ đề nghị Nhà trường đầu tư trang bị mới và nâng cấp các phòng học ngoại ngữ chuyên dụng để phục vụ việc dạy và học của Khoa nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực ngành ngoại ngữ của xã hội.

Khoa sẽ đề nghị Nhà trường nâng cấp chất lượng wifi ở các khu vực còn yếu; quan tâm đến nhu cầu của người khuyết tật và tăng diện tích cây xanh trong khuôn viên của Trường

### **3.7. Nâng cao chất lượng và kết quả đầu ra**

Để cải tiến chất lượng học tập của sinh viên, Khoa đẩy mạnh việc phân công giảng viên có học vị và chuyên môn cao phát triển các tập bài giảng hiện Khoa đang sử dụng thành giáo trình. Đồng thời, Khoa sẽ lựa chọn các giáo trình phù hợp từ các trường đại học lớn ở trong và ngoài nước làm giáo trình nhằm tăng thêm nguồn học liệu chất lượng cao cho sinh viên.

Khoa tiếp tục đổi mới CTĐT, tăng cường thời lượng thực tập thực tế, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng trong môi trường nghề nghiệp; tăng cường định hướng nghề nghiệp cho sinh viên thông qua các hoạt động Liên chi Đoàn và Liên chi Hội sinh viên.

Việc kiểm tra thường xuyên bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận, thi vấn đáp sẽ được thực hiện ở tất cả các học phần. Khoa sẽ tổ chức các buổi seminar về phương pháp giảng dạy cho giảng viên trong Khoa; các bộ môn sẽ tổ chức dự giờ giảng của các giảng viên trong bộ môn, đặc biệt là các giảng viên trẻ, để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, đáp ứng CDR.

Ngoài ra, Khoa sẽ yêu cầu Nhà trường tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp phần mềm khảo sát ý kiến sinh viên; yêu cầu các CVHT, cán bộ lớp, cán bộ Đoàn và cán

bộ Hội sinh viên quán triệt cho sinh viên trong Khoa nghiêm túc khi phản hồi ý kiến nhằm giúp Nhà trường có thông tin đầy đủ và khách quan cho việc đánh giá chất lượng dạy học của giảng viên và đánh giá của sinh viên về môn học.

Bên cạnh đó, Khoa sẽ chỉ đạo các CVHT và chuyên viên văn phòng theo dõi chặt chẽ tình hình học tập của sinh viên, tìm hiểu lý do thôi học của sinh viên để tư vấn, định hướng tốt hơn cho sinh viên. Khoa sẽ thực hiện báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của sinh viên cho gia đình để cùng với gia đình nhắc nhở sinh viên hoàn thành các yêu cầu CĐR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

Khoa cũng sẽ phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học tiến hành rà soát, nhắc nhở sinh viên chủ động với kế hoạch học tập và kịp thời hoàn thành các điều kiện CĐR để tốt nghiệp đúng tiến độ; kiến nghị với Trung tâm Ngoại ngữ của Trường có kế hoạch giảng dạy và tổ chức ôn thi nhiều đợt trong năm nhằm tăng cơ hội cho sinh viên tham gia thi đạt CĐR để tốt nghiệp đúng tiến độ.

Để nâng cao chất lượng NCKH, Khoa sẽ sớm thành lập các nhóm NCKH của giảng viên, tạo điều kiện để các giảng viên trẻ cùng nghiên cứu với những người có kinh nghiệm để cải thiện thành tích về NCKH của Khoa.

Khoa sẽ đẩy mạnh việc NCKH trong sinh viên bằng việc hỗ trợ tài chính cho các đề tài; khuyến khích các đề tài tự chi không cần hỗ trợ tài chính từ Khoa và Trường. Thông qua Đoàn thanh niên và Hội sinh viên, Khoa triển khai các hoạt động truyền thông, tư vấn cho sinh viên về vai trò của NCKH trong học tập của sinh viên. Đặc biệt, Khoa có kế hoạch tổ chức seminar, nói chuyện với sinh viên về khoa học khi các nhà khoa học đến thăm và làm việc tại Trường nhằm thúc đẩy đam mê khoa học trong sinh viên.

Đồng thời, Khoa cũng sẽ đề nghị Nhà trường rà soát lại chất lượng của các thiết bị, máy móc ở các giảng đường và thay mới những thiết bị đã xuống cấp.

#### **4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo**

Căn cứ vào bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá nhận thấy cả 50 tiêu chí đều đạt. Kết quả cụ thể của từng tiêu chuẩn và tiêu chí như sau:

#### **Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh**

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Quy Nhơn

Mã: DQN

Tên CTĐT: Ngôn ngữ Anh

Mã CTĐT: 7220201

**Bảng 4.1** Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<b>Tiêu chuẩn 1</b>								4,67	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3				4						
<b>Tiêu chuẩn 2</b>								4,67	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3				4						
<b>Tiêu chuẩn 3</b>								4	3	100
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						
<b>Tiêu chuẩn 4</b>								4,33	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						
<b>Tiêu chuẩn 5</b>								4,4	5	100
Tiêu chí 5.1				4						
Tiêu chí 5.2				4						
Tiêu chí 5.3				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 6</b>								4,3	7	100
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7					5					
<b>Tiêu chuẩn 7</b>										
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						
<b>Tiêu chuẩn 8</b>								4,8	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 9</b>								5	5	100

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 9.1				4						
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4						6				
Tiêu chí 9.5						6				
<b>Tiêu chuẩn 10</b>										
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5			4,83	6	100
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
<b>Tiêu chuẩn 11</b>										
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5			4,8	5	100
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								<b>4.55</b>	<b>50</b>	<b>100</b>

Bình Định, ngày 29 tháng 09 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

## PHẦN IV. PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/8/2020

#### I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)  
Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN  
Tiếng Anh: QUY NHON UNIVERSITY
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục  
Tiếng Việt: ĐHQN  
Tiếng Anh: QNU
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: BỘ GD&ĐT
5. Địa chỉ: 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 0256.3846156      Số fax: 02563846089
7. E-mail: [dqn@moet.edu.vn](mailto:dqn@moet.edu.vn)      Website: [www.qnu.edu.vn](http://www.qnu.edu.vn)
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 21/12/1977 (Quyết định số 1842/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục)
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1978
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1982
11. Loại hình cơ sở giáo dục:  
Công lập     Bán công     Dân lập     Tư thực

#### II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)  
Tiếng Việt: KHOA NGOẠI NGỮ  
Tiếng Anh: DEPARTMENT OF FOREIGN LANGUAGES
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:  
Tiếng Việt: KNN  
Tiếng Anh: DFL.
14. Tên trước đây (nếu có):
15. Tên CTĐT



Tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh

Tiếng Anh: English Language

16. Mã CTĐT: 7220201

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Ngôn ngữ Anh

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 9 - Nhà 15 tầng, 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

19. Số điện thoại liên hệ: 02563846823 Số fax:

20. E-mail: [knn@qnu.edu.vn](mailto:knn@qnu.edu.vn) Website: <http://knn.qnu.edu.vn/>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1990

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1990

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1995

### **III. Giới thiệu khái quát về Khoa Ngoại ngữ**

24. Lịch sử phát triển

Cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn được thành lập năm 1977 theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và được đổi tên thành Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn theo Quyết định số 02/HĐBT ngày 13/7/1981 của Hội đồng Bộ trưởng. Với quyết định 161/QĐ do Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn ký ngày 17 tháng 9 năm 1990, Ban Ngoại ngữ được thành lập từ tiền thân là Tổ Ngoại ngữ và được giao nhiệm vụ “tổ chức quản lý đào tạo học sinh ngành ngoại ngữ hệ cao đẳng sư phạm và chịu trách nhiệm tổ chức giảng dạy ngoại ngữ cho các ngành học thuộc các hệ đào tạo khác trong trường” và bao gồm 2 tổ chuyên môn là Nga Văn và Anh Văn. Năm 1992, Khoa Ngoại ngữ ra đời với nhiệm vụ đào tạo cử nhân sư phạm tiếng Anh cho các trường trung học phổ thông khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước và dạy ngoại ngữ cho sinh viên của các khoa khác trong Trường Đại học Quy Nhơn. Theo Quyết định 1649/QĐ-BGD&ĐT-ĐH của Bộ GD&ĐT ngày 14/5/1999, Khoa Ngoại ngữ được phép đào tạo cử nhân khoa học ngành Anh văn (được gọi là cử nhân khoa học ngành Ngôn ngữ Anh từ năm 2010).

Vào thời điểm năm 1999, đội ngũ giảng viên và chuyên viên của Khoa chưa đến 20 người. Hiện nay, Khoa Ngoại ngữ có 43 cán bộ, giảng viên; trong đó 35 giảng viên giảng dạy chuyên ngành Tiếng Anh, 2 giảng viên giảng dạy chuyên ngành tiếng Pháp, 3 giảng viên giảng dạy chuyên ngành tiếng Trung và 3 chuyên

viên có kinh nghiệm. Trong số giảng viên của Khoa Ngoại ngữ, có 33 giảng viên có trình độ thạc sĩ và NCS, 04 giảng viên có trình độ tiến sĩ, 02 giảng viên có học hàm phó giáo sư và 01 giảng viên đang học thạc sĩ sắp hoàn thành khóa học.

Qua 30 năm xây dựng và phát triển, cùng với sự lớn mạnh không ngừng về mọi mặt của Trường ĐHQN, Khoa Ngoại ngữ cũng ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Hàng chục ngàn sinh viên chính quy ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh và học viên hệ vừa làm vừa học đã và đang học tập, rèn luyện, tu dưỡng và tốt nghiệp từ Khoa Ngoại ngữ để tham gia vào lao động trong nhiều ngành nghề khác nhau trên khắp cả nước, đặc biệt từ Quảng Ngãi đến Khánh Hòa và các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Daklak và Dak Nông.

Sự phát triển về năng lực đào tạo của Khoa Ngoại ngữ được thể hiện ở việc Khoa đáp ứng được những điều kiện, yêu cầu về năng lực của đội ngũ giảng viên, chất lượng CTĐT để mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ theo Quyết định 286/QĐ-BGDĐT ngày 18/01/2012 của Bộ GD&ĐT cho phép Trường ĐHQN đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. Với nỗ lực liên tục của Khoa, năm 2020 Trường ĐHQN được phép mở thêm chuyên ngành Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh trình độ thạc sĩ theo Quyết định số 422/QĐ-BGDĐT ngày 14/2/2020.

Số lượng sinh viên học tại Khoa Ngoại ngữ và tốt nghiệp trong 30 năm qua cho thấy uy tín về đào tạo của Khoa. Cụ thể, Khoa Ngoại ngữ luôn là một trong những khoa có số lượng sinh viên lớn nhất của trường. Từ 51 sinh viên vào học ở Khoa năm 1990 và tốt nghiệp năm 1995 đến nay đã có hơn 2357 cử nhân Sư phạm Tiếng Anh, hơn 1840 cử nhân Ngôn ngữ Anh hệ chính quy đã tốt nghiệp. Bên cạnh đó, Khoa cũng đã đào tạo được 2581 học viên hệ vừa làm vừa học và học viên học văn bằng 2, 09 khóa cao học ngành Ngôn ngữ Anh đã hoàn thành khóa học với 315 học viên đã tốt nghiệp và tham gia vào lực lượng lao động chất lượng cao của khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

Một số thành tích đã đạt được: Bên cạnh những bằng khen dành cho cá nhân, Khoa Ngoại ngữ đã được thưởng các bằng khen sau:

- Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác từ năm học 2013-2014 đến năm học 2014-2015, góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục của tỉnh Bình Định (2015)

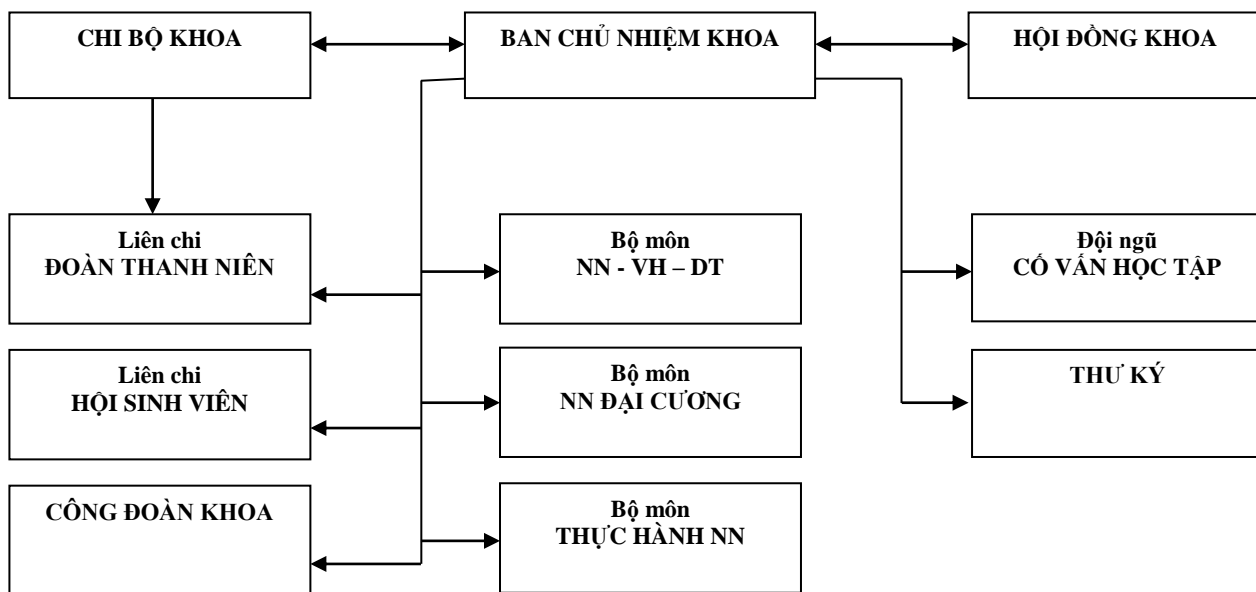
- Bằng khen của Bộ GD-ĐT về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác từ năm học 2015-2016 đến năm học 2016-2017 (2017)

25. Cơ cấu tổ chức hành chính

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường ĐHQN



Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa Ngoại ngữ



## 26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
<b>Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục</b>						
1	Hiệu trưởng	Đỗ Ngọc Mỹ	1963	PGS.TS	0913422517	dnmy@qnu.edu.vn
2	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Đình Hiền	1963	PGS.TS	0903599502	nguyendinhkien@qnu.edu.vn
<b>Đơn vị thực hiện CTĐT</b>						
<b>I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị</b>						
1	Trưởng Khoa	Nguyễn Thị Thu Hiền	1969	PGS.TS	0983443901	nguyenthithuhien@qnu.edu.vn
2	Phó Trưởng Khoa	Lê Nhân Thành	1970	TS	0912181716	lenhanthanh2001@yahoo.com
<b>II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội</b>						
1	Chi bộ	Nguyễn Thị Thu Hiền	1969	PGS.TS, Bí thư	0983443901	nguyenthithuhien@qnu.edu.vn
2	Công đoàn	Hồ Phương Tâm	1981	ThS, Chủ tịch	0919153477	phuongtam41281@gmail.com
3	Liên Chi đoàn	Lê Hữu Lộc	1994	ThS, Bí thư LCĐ	0906146820	lehuuloc@qnu.edu.vn
4	Liên chi Hội sinh viên	Hồ Phương Tâm	1981	ThS, LCH trưởng	0919153477	phuongtam41281@gmail.com
<b>III. Các đơn vị chức năng và phục vụ đào tạo</b>						
1	Phòng Đào tạo đại học	Lê Xuân Vinh	1967	GVC. TS Trưởng phòng	0914031785	lexuanvinh@qnu.edu.vn
2	Phòng Khảo thí - Bảo đảm chất lượng	Nguyễn Hữu Tiến	1962	GVC. ThS Trưởng phòng	0914060611	nguyenhuutien@qnu.edu.vn

3	Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế	Nguyễn Tiến Trung	1979	GVCC. PGS.TS Trưởng phòng	090404415 7	nguyentientrung@qnu.edu.vn
4	Phòng Công tác chính trị - Sinh viên	Hồ Văn Phi	1967	GVC. TS Trưởng phòng	090502168 8	hovanphi@qnu.edu.vn
5	Phòng Cơ sở vật chất	Đoàn Đức Tùng	1970	TS.Trưởng phòng	090579938 6	doanductung@qnu.edu.vn
6	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Phan Vũ Hạnh	1969	CN Trưởng phòng	091345436 6	phanvuhanh@qnu.edu.vn
7	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Nguyễn Thị Kim Oanh	1972	ThS. Trưởng phòng	093560363 0	nguyenthikimoanh@qnu.edu.vn
7	Phòng Tổ chức - Cán bộ	Hà Thanh Hải	1969	TS. Trưởng phòng	098344390 2	hathanhhai@qnu.edu.vn
9	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Mai Xuân Miên	1961	TS. Trưởng phòng	090529196 6	maixuanmien@qnu.edu.vn
10	Phòng Đào tạo sau đại học	Hồ Xuân Quang	1972	TS. Trưởng phòng	090511037 2	hoxuanquang@qnu.edu.vn
11	Thư viện	Lê Thanh Hải	1983	ThS. Giám đốc	098344390 2	lethanhhai@qnu.edu.vn
12	TT Hỗ trợ sinh viên -Quan hệ doanh nghiệp	Nguyễn Khắc Khanh	1982	Th.S Giám đốc	098555405 0	nguyenkhackhanh@qnu.edu.vn
13	TT Công nghệ thông tin - Truyền thông	Nguyễn Thành Đạt	1978	TS. Giám đốc	090513939 3	nguyenthanhdat@qnu.edu.vn
14	Viện Khoa học giáo dục	Nguyễn Phi Hùng	1967	PGS.TS Viện trưởng	093190672 1	nguyenphihung@qnu.edu.vn

IV. Các tổ bộ môn						
1	Ngôn ngữ - VH - DT	Lê Nhân Thành	1970	TS, TBM	0912181716	lenhanthanh2001@yahoo.com
2	Ngoại ngữ Đại cương	Trương Văn Định	1969	TS, TBM	0905609086	truongvandin69@gmail.com
3	Thực hành Ngôn ngữ	Nguyễn Thị Thu Hiền	1969	PGS.TS, TBM	0983443901	nguyenthithuhien@qnu.edu.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của Khoa Ngoại ngữ:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 02

Số lượng ngành đào tạo đại học: 01

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không

29. Tổng số các ngành đào tạo: 03

#### IV. CB, GV, nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

30. Thống kê số lượng CB, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	<b>Cán bộ cơ hữu</b> <i>Trong đó:</i>	8	37	45
I.1	Cán bộ trong biên chế	8	37	45
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	<b>Các cán bộ khác</b> Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng)	0	0	0
	<b>Tổng số</b>	8	37	45

31. Thống kê, phân loại GV

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	00	00	00	00	00	00
2	Phó Giáo sư	02	02	00	02	00	00
3	Tiến sĩ khoa học	00	00	00	00	00	00

4	Tiến sĩ	06	06	00	04	00	00
5	Thạc sĩ	33	33	00	02	00	00
6	Đại học	01	01	00	00	00	00
7	Cao đẳng	00	00	00	00	00	00
8	Trình độ khác						
	Tổng số	42	42	00	08	00	00

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 42 người

Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 93,3%

32. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (ví dụ đối với trường đại học, học viện).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							00
2	Phó Giáo sư	3,0	02	02		02			
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							00
4	Tiến sĩ	2	06	06	00	04	00	00	14,4
5	Thạc sĩ	1	33	33	00	02	00	00	33,6
6	Đại học		01	01					1,00



	Tổng		42	42	00	08	00	00	49,0
--	------	--	----	----	----	----	----	----	------

33. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng, người	Tỉ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
	Giáo sư, Viện sĩ									
	Phó Giáo sư	2	4,8%	01	01			01	01	
	Tiến sĩ khoa học									
	Tiến sĩ	6	14.3%	04	02			04	02	
	Thạc sĩ	3	7,6%	03	03	01	13	16	03	
	Đại học	01	2,4%		01	01				
	<b>Tổng</b>	42		08	34	02	13	21	06	

33.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 42,2

33.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 08/42 (19.1%)

33.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 33/42 (78.6%)

34. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỉ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	100	50
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	0	43
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	0	7
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	<b>Tổng</b>	100	100

**V. Người học (chỉ tính số lượng người học của CTĐT)**

35. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và NCS

<b>Năm học</b>	<b>Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)</b>	<b>Số trúng tuyển (người)</b>	<b>Tỉ lệ cạnh tranh</b>	<b>Số nhập học thực tế (người)</b>	<b>Điểm tuyển đầu vào/thang điểm</b>	<b>Điểm trung bình của SV được tuyển</b>	<b>Số lượng SV quốc tế nhập học (người)</b>
2015-2016	356	290	1,23	281	24*	25.6	
2016-2017	322	198	1,63	133	20*	22.1	
2017-2018	1101	916	1,20	637	15.5	20.1	
2018-2019	917	787	1,17	437	14	19.9	
2019-2020	724	724	1,00	354	14	20.3	

36. Thông kê, phân loại số lượng người học của CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

*Đơn vị: người*

<b>Các tiêu chí</b>	<b>2015-2016</b>	<b>2016-2017</b>	<b>2017-2018</b>	<b>2018-2019</b>	<b>2019-2020</b>
SV đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	704	682	1204	1375	1613
Hệ không chính quy	215	395	393	197	288

37. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây

Không có SV quốc tế theo học CTĐT này.

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu

<b>Các tiêu chí</b>	<b>2015-2016</b>	<b>2016-2017</b>	<b>2017-2018</b>	<b>2018-2019</b>	<b>2019-2020</b>
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4
2. Người học có nhu cầu	587	556	938	1.055	1.023

về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	67	69	98	127	97
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)	2,7m <sup>2</sup> /ng	4m <sup>2</sup> /ng	4m <sup>2</sup> /ng	4m <sup>2</sup> /ng	4m <sup>2</sup> /ng

## 39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	1	4	4	0	1
Tỉ lệ (%) trên tổng số SV	0.14%	0.58%	0.33%	0.00%	0.06%

## 40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
SV tốt nghiệp ĐH Trong đó:					
Hệ chính quy	86	97	88	102	176
Hệ không chính quy	138	51	107	77	36

*(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)*

## 41. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	86	97	88	102	176
2. Tỉ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	93,5%	84,3%	89,8%	40,0%	62,6%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện					

CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					72.7%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					28.3%
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					95%
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	81,53	73,47	76,74		77.1%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	11,69	16,33	11,63		22.9%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	5,5	6,1	6,6		5-10 triệu
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:					

A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống kết thúc bảng này.					
B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					58.6%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					37.9%
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					4.3%

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

## VI. NCKH và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2015	2016	2017	2018	2019	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN							
2	Đề tài cấp Bộ*							
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	2	4	2	4	6,5
4	Tổng		1	2	4	2	4	6,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng

chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 6.5

Tỉ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 6.5/42

43. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây

Không có.

44. Số lượng CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			15	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số cán bộ tham gia			15	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sách chuyên khảo	2,0					1	2.0
2	Sách giáo trình	1,5	7					10.5
3	Sách tham khảo	1,0						
4	Sách hướng dẫn	0,5						
5	Tổng		7				1	12.5

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 12.5

Tỉ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 12.5/42

46. Số lượng CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây

	<b>Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách</b>
--	--

<b>Số lượng sách</b>	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách		20		
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia		20		

47. Số lượng bài của các CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	2020	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5		2		2			6
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	16	6	7	10	7		46
3	Tạp chí/ tập san của cấp trường	0,5	3		2	7	6		9
	Tổng		19	8	9	19	13		61

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 61

Tỉ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 61/42

48. Số lượng CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

<b>Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí</b>	<b>Nơi đăng</b>		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	04	25	18
Từ 6 đến 10 bài báo		02	
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			

Tổng số cán bộ tham gia	04	27	18
-------------------------	----	----	----

49. Số lượng báo cáo khoa học do CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	2					2
2	Hội thảo trong nước	0,5	4	03				3,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25			01			0,25
4	Tổng							5,75

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 5.75

Tỉ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  $5.75/42 = 0,14$

50. Số lượng CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	02	07	01
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	02	07	01

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)



51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Không có.

52. NCKH của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây: 25

52.2. Thành tích NCKH của SV

(*Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố*)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	01	01	02		
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	01	01			

### VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của CSGD: 241.298 m<sup>2</sup>.

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT: 525 m<sup>2</sup>.

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau:

- Nơi làm việc: 11.018 m<sup>2</sup>
- Nơi học: 26.076 m<sup>2</sup>
- Nơi vui chơi giải trí: 12.354 m<sup>2</sup>.

56. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>):

- Tổng diện tích phòng học: 15.442 m<sup>2</sup>
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,1 m<sup>2</sup>/người

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: 5.849

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 805

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 4
- Dùng cho người học tập: 84

### VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. GV:

Tổng số GV cơ hữu (người): 42

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số CB cơ hữu:  $42/45 = 93.3\%$

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $08/42 = 19\%$

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $33/42 = 78.5\%$

## 2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 1613

Tỷ số người học chính quy trên GV:  $1613/42 = 38.4$

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào: 62.6%

## 3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 72.7%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 27.3%

## 4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo: 77.1%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo: 22.9%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm: 5-10 triệu VNĐ

## 5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 58.6%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 37.9%

Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%): 4.3%

## 6. NCKH và chuyên gia công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyên gia khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 6.5/42

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 12.5/42

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 61/42

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5.75/42

## 7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 84/1613

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,1 m<sup>2</sup>/người

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 4 m<sup>2</sup>/người

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên

*đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)*

## PHỤ LỤC 2. CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN KHÁC

**Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Số: *944/QĐ-ĐHQN*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 11 tháng 6 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Công văn 1075/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28/6/2016 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng và Trường khoa Ngoại ngữ,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trường phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trường khoa Ngoại ngữ, các Trường đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Đã*

- Như Điều 3;
- Công bố website Trường;
- Lưu: VT, K.NN, KTBĐCL.



PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**  
 (Kèm theo Quyết định số 944/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)


TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Đỗ Ngọc Mỹ	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Nguyễn Đình Hiền	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	PGS.TS, Trưởng khoa, Khoa Ngoại Ngữ	Phó Chủ tịch
4	Ông Lê Nhân Thành	TS. PTK, Khoa Ngoại Ngữ	Thư ký
5	Ông Nguyễn Quang Ngoạn	PGS.TS, Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
6	Ông Hà Thanh Hải	TS, Thành viên HĐT, TP. Phòng Tổ chức - Nhân sự	Thành viên
7	Ông Nguyễn Hữu Tiến	ThS, TP. KT&BDCL	Thành viên
8	Ông Lê Xuân Vinh	TS, Trưởng phòng Đào tạo đại học	Thành viên
9	Ông Võ Duy Đức	TS, PTK. Khoa Sư phạm	Thành viên
10	Ông Trương Văn Định	TS, Tổ trưởng tổ Ngoại ngữ ĐC	Thành viên
11	Ông Nguyễn Tiến Phùng	ThS, Giảng viên khoa Ngoại ngữ	Thành viên
12	Bà Bùi Thị Hương Giang	ThS, Giảng viên khoa Ngoại ngữ	Thành viên
13	Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	ThS, Giảng viên khoa Ngoại ngữ	Thành viên
14	Ông Trần Minh Chương	ThS, Giảng viên khoa Ngoại ngữ	Thành viên
15	Ông Nguyễn Việt Cường	SV Khóa 41, Khoa Ngoại Ngữ	Thành viên

(Danh sách gồm có 15 người). ✓

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Lê Nhân Thành	TS, PTK. Khoa Ngoại ngữ	Trưởng Ban thư ký
2	Ông Nguyễn Thành Chiến	ThS, Chuyên viên Phòng KT&BDCL	Thành viên hỗ trợ
3	Bà Bùi Thị Hương Giang	ThS, Giảng viên Khoa Ngoại ngữ	Thành viên
4	Ông Lê Hữu Lộc	ThS, Giảng viên Khoa Ngoại ngữ	Thành viên
5	Bà Đoàn Nguyễn Thị Lệ Hằng	ThS, Giảng viên Khoa Ngoại ngữ	Thành viên
6	Bà Trần Thị Thanh Thủy	ThS, Giảng viên Khoa Ngoại ngữ	Thành viên
7	Bà Nguyễn Thị Thùy Trang	ThS, Chuyên viên Khoa Ngoại ngữ	Thành viên

(Danh sách gồm có 07 người).

**Quyết định thành lập các nhóm chuyên trách CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN  
**KHOA NGOẠI NGỮ**  
 Số: 02/QĐ-KNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 Bình Định, ngày 15 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thành lập các nhóm chuyên trách chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh**

**TRƯỞNG KHOA**

Căn cứ công văn số 740//KH-ĐHQN ngày 03/6/2020 về việc triển khai công tác tự đánh giá chương trình đào tạo các ngành Ngôn Ngữ Anh, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục mầm non, Quản lý Nhà nước và Giáo dục thể chất;

Căn cứ quy định về trách nhiệm, quyền hạn của Trường Khoa.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập các nhóm công tác chuyên trách cho hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Ngôn Ngữ Anh gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Các ông/bà có tên trên Điều 1 có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; các văn bản hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục quản lý chất lượng và theo sự phân công của Trường nhóm.

**Điều 3.** Các ông/ bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*Nơi nhận:*

- Như trên,
- Lưu K.NN

**TRƯỞNG KHOA**



**PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền**



### DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-KNN ngày 15/6/2020 của Trường khoa Ngoại ngữ)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (TC 1,2,3)	1. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	PGS.TS, TBM, Trưởng Khoa NN	Trưởng nhóm
	2. Bà Bùi Thị Hương Giang	ThS, GV Khoa NN	Thư ký
	3. Bà Trần Thị Dạ Thảo	ThS, GV Khoa NN	Thành viên
	4. Bà Đoàn Thị Thanh Hiếu	ThS, GV Khoa NN	Thành viên
	5. Ông Nguyễn Tiến Phùng	ThS, GV Khoa NN	Thành viên
	6. Bà Lê Thị Thanh Tâm	CV Khoa NN	Thành viên
	7. Bà Bùi Thị Huỳnh Hoa	ThS, GV Khoa NN	Thành viên
	8. Ông Nguyễn Quang Ngoạn	PGS.TS, GVC Khoa NN	Thành viên
Nhóm 2 (TC 6,7)	1. Ông Trần Minh Chương	ThS, GV Khoa NN	Trưởng nhóm
	2. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang	ThS, CV Khoa NN	Thư ký
	3. Bà Lương Thị Hương Thảo	ThS, GV Khoa NN	Thành viên
	4. Bà Nguyễn Thị Anh Đào	ThS, GV Khoa NN	Thành viên
	5. Bà Nguyễn Hoài Dung	ThS, GVC Khoa NN	Thành viên
	6. Bà Trần Thị Thanh Huyền	ThS, GV Khoa NN	Thành viên
	7. Bà Nguyễn Thị Xuân Thủy	ThS, GVC Khoa NN	Thành viên
Nhóm 3 (TC 4,5)	1. Ông Lê Nhân Thành	TS, TBM, PTK Khoa NN	Trưởng nhóm
	2. Bà Đoàn Nguyễn Thị Lệ Hằng	ThS, GV Khoa NN	Thư ký
	3. Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	ThS, GVC Khoa NN	Thành viên
	4. Bà Hồ Nữ Như Ý	GV Khoa NN	Thành viên
	5. Bà Đinh Thị Như Ý	CV Khoa NN	Thành viên
	6. Bà Tôn Nữ Mỹ Nhật	PGS.TS, GVC Khoa NN	Thành viên
	7. Bà Huỳnh Thị Thu Toàn	ThS, GVC Khoa NN	Thành viên



Nhóm 4 (TC 8,9)	1. Ông Trương Văn Định	TS, TBM Khoa NN	Trưởng nhóm
	2. Bà Trần Thị Thanh Thủy	ThS, GV Khoa NN	Thư ký
	3. Bà Nguyễn Lương Hạ Liên	ThS, GV Khoa NN	Thành viên
	4. Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	ThS, GV Khoa NN	Thành viên
	5. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	ThS, GV Khoa NN	Thành viên
	6. Bà Bùi Thị Đào	TS, GV Khoa NN	Thành viên
	7. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hường	ThS, GV Khoa NN	Thành viên
Nhóm 5 (TC 10,11)	1. Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	ThS, GVC Khoa NN	Trưởng nhóm
	2. Ông Lê Hữu Lộc	ThS, GV Khoa NN	Thư ký
	3. Bà Nguyễn Lê Tố Quyên	ThS, GV Khoa NN	Thành viên
	4. Bà Đoàn Trần Thúy Vân	ThS, GVC Khoa NN	Thành viên
	5. Bà Huỳnh Thị Cẩm Nhung	ThS, GV Khoa NN	Thành viên
	6. Bà Ngô Đình Diệu Tâm	ThS, GV Khoa NN	Thành viên
	7. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	ThS, GV Khoa NN	Thành viên

(Danh sách gồm có 36 người).

78

## Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1219 /KH-ĐHQN

Bình Định, ngày 24 tháng 6 năm 2020

### KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

#### 1. Mục đích tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Ngôn ngữ Anh nhằm giúp Khoa Ngoại ngữ tự xem xét, đánh giá tình trạng chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016), từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện, từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng; làm cơ sở để đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT và tiến tới xây dựng CTĐT tiên tiến cho ngành.

#### 2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động thực hiện CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh của Khoa Ngoại ngữ theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016, giai đoạn 2015 - 2020.

#### 3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn kèm theo: công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH, 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục và công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GD ĐH của Cục Quản lý chất lượng.

#### 4. Hội đồng tự đánh giá

##### 4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh được thành lập theo Quyết định số 944/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 06 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn, Hội đồng gồm có 15 thành viên (danh sách kèm theo).

**Anh**

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo Quyết định số 944/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 06 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	1	01/07/2020 – 30/09/2020	
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo			
3	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học			
4	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	3	01/07/2020 – 30/09/2020	
5	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học			
6	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	2	01/07/2020 – 30/09/2020	
7	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên			
8	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	4	01/07/2020 – 30/09/2020	
9	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị			
10	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao	5	01/07/2020 – 30/09/2020	

	chất lượng			
11	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra			

### 5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	1, 2, 3	Thu thập minh chứng	Phòng HC-TH, Phòng ĐTDH, Thư viện, CTĐT của các trường, khoa trong và ngoài nước, các Sở GD&ĐT, các công ty và sở ban ngành, các trường PT, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên.	07/07/2020 – 07/10/2020	
		Đánh giá Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	Hội đồng Khoa, Hội đồng tự đánh giá, Thành viên Nhóm 1, Ban thư ký, GV Khoa NN	07/07/2020 – 07/10/2020	
		Đánh giá Bản Mô tả CTĐT	Thành viên Nhóm 1, Ban thư ký, Giảng viên Khoa NN	07/07/2020 – 07/10/2020	
		Đánh giá cấu trúc và nội dung CTDH	Thành viên Nhóm 1, Ban thư ký, Giảng viên Khoa NN	07/07/2020 – 07/10/2020	
		Viết báo cáo	Thành viên Nhóm 1, Ban thư ký	08/10/2020 – 15/11/2020	
2	4, 5	Thu thập minh chứng	Ban Tuyển sinh Trường, Phòng Đào tạo ĐH, Phòng KT&BDCL, Phòng CT Chính trị & Sinh viên, Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Sở GD&ĐT, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, các cơ quan ban ngành và công ty.	01/07/2020 – 07/10/2020	
		Đánh giá Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	Thành viên Nhóm 3, Ban thư ký, Giảng viên Khoa Ngoại ngữ	01/07/2020 – 07/10/2020	
		Đánh giá hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học	Thành viên Nhóm 3, Ban thư ký, Giảng viên Khoa Ngoại ngữ	01/07/2020 – 07/10/2020	
		Viết báo cáo	Thành viên Nhóm 3, Ban thư ký	08/10/2020 – 15/11/2020	

3	6, 7	Thu thập minh chứng	Phòng TC-NS, Phòng QLKH & HTQT, Ban TD-KT, nhân viên các phòng ban và khoa, sinh viên, cựu sinh viên	01/07/2020 – 07/10/2020
		Đánh giá Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Thành viên Nhóm 2, Ban thư ký, Giảng viên Khoa Ngoại ngữ	01/07/2020 – 07/10/2020
		Đánh giá Đội ngũ nhân viên	Thành viên Nhóm 2, Ban thư ký, Giảng viên Khoa Ngoại ngữ	01/07/2020 – 07/10/2020
		Viết báo cáo	Thành viên Nhóm 2, Ban thư ký	08/10/2020 – 15/11/2020
4	8, 9	Thu thập minh chứng	Phòng Cơ sở vật chất, Thư viên, Phòng CT Chính trị và Sinh viên, Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Phòng HC-TH, Phòng Kế hoạch-Tài chính, Trung tâm CNIT và Truyền thông, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, Sở GD&ĐT, các trường THPT, các doanh nghiệp, các cơ quan ban ngành và công ty.	01/07/2020 – 07/10/2020
		Đánh giá Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Thành viên Nhóm 4, Ban thư ký, Giảng viên Khoa Ngoại ngữ	01/07/2020 – 07/10/2020
		Đánh giá Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Thành viên Nhóm 4, Ban thư ký, Giảng viên Khoa Ngoại ngữ	01/07/2020 – 07/10/2020
		Viết báo cáo	Thành viên Nhóm 4, Ban thư ký	08/10/2020 – 15/11/2020
5	10, 11	Thu thập minh chứng	Phòng Đào tạo đại học, Phòng Đào tạo Sau đại học, Phòng KT&BDCL, Phòng HC-TH, Phòng QLKH & HTQT, Phòng CT Chính trị & Sinh viên, Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, Sở GD & ĐT, các cơ quan ban ngành và công ty.	01/07/2020 – 07/10/2020
		Đánh giá việc Nâng cao chất lượng đào tạo	Thành viên Nhóm 5, Ban thư ký, Giảng viên Khoa Ngoại ngữ	01/07/2020 – 07/10/2020
		Đánh giá Kết quả đầu ra	Thành viên Nhóm 5, Ban thư ký, Giảng viên Khoa Ngoại ngữ	01/07/2020 – 07/10/2020

	Viết báo cáo	Thành viên Nhóm 5, Ban thư ký	08/10/2020– 15/11/2020
--	--------------	-------------------------------	---------------------------

### 6. Các loại thông tin cần thu thập

Để viết báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh, Khoa sẽ thu thập các thông tin sau:

TT	Nội dung thông tin	Hình thức	Sản phẩm
1	Đánh giá của SV năm cuối về CTĐT	- Bảng hỏi - Phỏng vấn	- Kết quả xử lý số liệu - Biên bản phỏng vấn
2	Đánh giá của cựu SV về CTĐT trong vòng 3 năm gần nhất	- Bảng hỏi - Phỏng vấn	- Kết quả xử lý số liệu - Biên bản phỏng vấn
3	Đánh giá của giảng viên tham gia giảng dạy về CTĐT	- Bảng hỏi - Phỏng vấn	- Kết quả xử lý số liệu - Biên bản phỏng vấn
4	Đánh giá của nhà tuyển dụng về chất lượng người tốt nghiệp	- Bảng hỏi - Phỏng vấn	- Kết quả xử lý số liệu - Biên bản phỏng vấn
5	Đánh giá của SV về các hoạt động hỗ trợ người học.	- Bảng hỏi - Phỏng vấn	- Kết quả xử lý số liệu - Biên bản phỏng vấn

### 7. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu cần)

7.1. Các CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh của các trường, khoa trong và ngoài nước.

7.2. Kế hoạch, số liệu tuyển dụng, hồ sơ đánh giá từ các Sở GD&ĐT, Sở LĐTB & XH, từ các trường THPT, từ các cơ quan, ban ngành, công ty trong khu vực và cả nước.

7.3. Phỏng vấn lãnh đạo các cơ quan ban ngành, công ty và giáo viên các trường phổ thông, các trung tâm ngoại ngữ, cựu sinh viên.

### 8. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)

Thuê chuyên gia về kiểm định chương trình tư vấn, tập huấn về quy trình, góp ý, chỉnh sửa.

### 9. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT 06 tháng, theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1-2 1/6- 15/6/2020	Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;</li> <li>• Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT cho Hội đồng tự đánh giá và các nhóm công tác chuyên trách;</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;</li> <li>• Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.</li> </ul>
<b>Tuần 3 – 4</b> 16/6- 30/6/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.</li> <li>2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan.</li> <li>3. <del>Hội</del> Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bản Kế hoạch tự đánh giá CTĐT;</li> <li>• Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của Trường, Khoa);</li> <li>• Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá CTĐT.</li> </ul> </li> </ol>
<b>Tuần 5 – 9</b> 01/7- 07/8/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.</li> <li>2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.</li> <li>3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.</li> <li>4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được.</li> <li>5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.</li> </ol>
<b>Tuần 10 – 17</b> 08/8- 07/10/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</li> <li>2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</li> </ol>
<b>Tuần 18</b> 08/10- 15/10/2020	<p>Hội đồng tự đánh giá CTĐT:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo;</li> <li>• Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá;</li> <li>• Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được;</li> <li>• Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung;</li> <li>• Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.</li> </ul>
<b>Tuần 19-20</b> 16/10- 30/10/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần).</li> <li>2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, lấy ý kiến góp ý.</li> </ol>
<b>Tuần 21-22</b> 30/10- 15/11/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.</li> <li>2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, .... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.</li> </ol>
<b>Tuần 23</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo</li> </ol>

16/11- 20/11/2020	cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét, phê duyệt.
Tuần 24 23/11 - 27/11/2020	1. Trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hoàn thành Báo cáo TĐG CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh. 2. Trường, Khoa bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, chuẩn bị cho việc thẩm định báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài. 3. Lập và triển khai thực hiện kế hoạch hành động khắc phục những điểm còn tồn tại đã được xác định trong Báo cáo tự đánh giá.

Nơi nhận: *th*

- Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh;
- Phòng KT&BDCL;
- Các đơn vị trong trường;
- Đăng website Trường, Khoa Ngoại ngữ;
- Lưu: VT, VP. Khoa Ngoại ngữ.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền